

THANH
NHIÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

PROACTIVITY • TRUST • SUSTAINABILITY • COLLABORATION



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT:

DHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

ĐHCĐ: Đại hội cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

BKS: Ban Kiểm soát

TGD: Tổng Giám đốc

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

SXKD: Sản xuất kinh doanh

KHCN: Khoa học Công nghệ

NLĐ: Người lao động

PETROVIETNAM/PVN: Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

NLTTNK: Năng lượng tái tạo ngoài khơi

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Lãnh đạo

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp của Tổng Giám đốc

2. PTSC -Những dấu ấn nổi bật và tiêu biểu năm 2024

II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. Thông tin doanh nghiệp

Thông tin khái quát

Ngành nghề kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

2. Mô hình quản trị

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Mạng lưới hoạt động

Cơ sở vật chất

Tầm nhìn-Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi

Chiến lược phát triển

Định hướng phát triển

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Đánh giá về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Đánh giá tình hình thực hiện dịch vụ cốt lõi

Đánh giá về công tác đầu tư

Đánh giá về tình hình tài chính

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch công tác năm 2025

3. Báo cáo của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Kế hoạch công tác năm 2025

4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động liên quan đến môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động
Các hoạt động đầu tư cộng đồng

IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tổng quan về Hệ thống quản trị của PTSC

Giới thiệu Hệ thống quản trị của PTSC

Quan hệ giữa Công ty Mẹ-Công ty con-Công ty Liên doanh, liên kết

Hoàn thiện Hệ thống quản trị

Vai trò của Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quản trị rủi ro và các cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của PTSC

2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị

3. Tăng cường quản trị rủi ro

4. Thù lao và các lợi ích khác

V. CHỨNG KHOÁN PVS

1. Thông tin cơ bản

2. Cổ đông

3. Quan hệ Cổ đông

4. Đánh giá cổ phiếu PVS

5. Lịch sử tăng vốn điều lệ

6. Lịch sử chi trả cổ tức

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý vị Cổ đông,

Năm 2024, ngành dầu khí toàn cầu trải qua giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ và đầy thách thức. Áp lực chuyển dịch năng lượng buộc các quốc gia và doanh nghiệp phải giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy đầu tư vào năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, hydro xanh...) và các công nghệ giảm phát thải. Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, bất ổn, khó lường, nhanh chóng; chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, hàng rào thuế quan, cuộc chiến thương mại giữa các nền kinh tế lớn ngày càng khốc liệt. Sự phát triển nhanh và mạnh mẽ chưa từng có của khoa học, công nghệ như AI, tự động hóa, chuyển đổi số, bán dẫn, lượng tử... tác động mạnh mẽ tạo nên các thay đổi liên tục, nhanh chóng, rộng lớn và sâu sắc vào các nền kinh tế, vào cả các yếu tố vật chất và tinh thần, tư duy con người... Xung đột địa chính trị, quân sự (Nga-Ukraine, Trung Đông...) tiếp diễn căng thẳng. Trong bối cảnh thế giới đầy thách thức, Việt Nam đã đạt được các kết quả tích cực, tăng trưởng kinh tế năm 2024 ước đạt 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra và thuộc nhóm cao nhất khu vực.

Dự báo Năm 2025 kinh tế thế giới sẽ đối mặt với sự phục hồi không đồng đều, bị chi phối bởi căng thẳng thương mại và địa chính trị, xung đột quân sự; đặc biệt chính sách “Nước Mỹ trên hết” sẽ ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu và chuỗi cung ứng ở Châu Á. Tuy nhiên, Việt Nam cũng có cơ hội để tận dụng vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và hội nhập kinh tế, đây cũng là năm bản lề để Việt Nam hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và tạo đà cho cơ hội bứt phá để đạt mục tiêu 8% tăng trưởng theo mục tiêu Chính phủ đề ra.

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức, cơ hội đan xen, nhưng khó khăn là cơ bản nêu trên, Tổng công ty - PTSC không chỉ trụ vững mà còn khẳng định vai trò tiên phong, bản lĩnh vượt khó và đạt được các kết quả ấn tượng, là một trong những trụ cột của ngành dầu khí Việt Nam. PTSC đã ghi dấu ấn đậm nét trong hành trình chuyển dịch năng lượng, đặc biệt là việc dám nghĩ dám làm, đẩy mạnh đầu tư, mở rộng mạnh mẽ sang lĩnh vực năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi với các dự án tầm quốc tế. Đồng thời, PTSC tiếp tục củng cố vị thế trong chuỗi giá trị dầu khí, mở rộng hoạt động ra thị trường toàn cầu, từ Trung Đông, châu Á đến châu Âu, Mỹ. Những thành công này được thể hiện qua kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật cho Năm 2024:

- Doanh thu hợp nhất đạt **24.986 tỷ đồng**, đạt **161%** kế hoạch năm 2024, tăng **15%** so với thực hiện năm 2023.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2024 là **1.553 tỷ đồng**, đạt **181%** kế hoạch năm 2024, tăng **22%** so với thực hiện năm 2023.

Năm 2025, Tổng công ty - PTSC tiếp tục được Tập đoàn giao Kế hoạch với các mục tiêu kỷ lục, tăng trưởng tổng doanh thu của lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật từ 10-25%.

Để thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch 2025, PTSC tiếp tục áp dụng hệ thống các giải pháp đúng, đồng thời bám sát tình hình thị trường, điều kiện môi trường sản xuất kinh doanh để liên tục có thêm các giải pháp tình thế, hiệu quả, với các điểm nhấn là (i) hiện đại hóa hệ thống quản trị lên một giai đoạn mới tối ưu, thích ứng, đáp ứng khả năng kiến tạo để trở thành môi trường vượt trội, phát triển bền vững (ii) thúc đẩy công tác nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, (iii) bám sát biến động, phân tích dự báo và có các giải pháp linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD, (iv) tập trung quản trị tốt dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn cho hoạt động SXKD; xây dựng hệ thống quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các nguyên tắc theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, (v) bứt phá trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư, triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác quản trị danh mục đầu tư Năm 2025.

HDQT, Ban điều hành, Tập thể Lãnh đạo và Người lao động PTSC với tinh thần “Chủ động, kiến tạo & tiên phong - Niềm tin, kỷ luật & thực thi - Bền vững, hoàn thiện - Hợp tác, kết nối” (Proactivity - Trust - Sustainability - Collaboration), cùng với sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp, Tập đoàn DKVN, bề dày tích lũy, phát triển, giá trị văn hóa truyền thống PTSC, PTSC quyết tâm thực hiện thành công, hoàn thành cao nhất nhiệm vụ SXKD Năm

2025 mà ĐHĐCĐ, cấp trên giao phó; tiếp tục quan tâm đầy đủ, hài hòa các quyền, lợi ích hợp pháp của Quý cổ đông, Người lao động, duy trì sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty.

Thay mặt HĐQT Tổng công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới toàn thể Người lao động Tổng công ty - PTSC, các Đơn vị vì tất cả những đóng góp trong năm qua; và tới các Cơ quan quản lý Nhà nước, cấp trên, chức năng các cấp, Quý Cổ đông, Tập đoàn PVN, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác đã luôn, tiếp tục đồng hành, tin tưởng, hợp tác, hỗ trợ to lớn, hiệu quả đối với Tổng công ty; kính chúc Quý vị, Quý cơ quan Năm 2025 luôn nhiều sức khỏe, nhiều niềm vui, mọi việc luôn thuận lợi, thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thanh Tùng



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý vị cổ đông!

Ngành dầu khí toàn cầu đang ở thời điểm chuyển giao đầy thách thức nhưng cũng mở ra cơ hội lớn. Xu thế chuyển dịch năng lượng dẫn tới thay đổi nhu cầu sử dụng năng lượng hóa thạch và định hình lại chiến lược của nhiều tập đoàn năng lượng hàng đầu thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Việc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam cùng với sự cập nhật liên tục về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (NLTT), điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi (ĐGNK)... đã đặt ra những yêu cầu và kỳ vọng mới đối với các doanh nghiệp dịch vụ dầu khí, trong đó có PTSC.

Đứng trước thách thức và cơ hội, PTSC xác định đây là thời điểm then chốt để tái định vị chiến lược phát triển, rà soát lại mục tiêu tổng thể, định hướng, sứ mệnh và tầm nhìn - không chỉ để thích ứng, mà còn để bứt phá, vươn tới những giá trị bền vững, đích đến xa hơn và khát vọng lớn hơn... Chuyển dịch năng lượng là xu thế không thể đảo ngược và PTSC xem đây là động lực để đổi mới, vươn mình trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu. Bên cạnh các lĩnh vực dịch vụ dầu khí cốt lõi, PTSC đang chủ động mở rộng, khẳng định vai trò tiên phong và bứt phá trong lĩnh vực NLTT/ĐGNK. Chúng tôi cũng đặt mục tiêu hướng tới các giải pháp thân thiện với môi trường, xác định rõ sứ mệnh đồng hành cùng sự phát triển xanh và bền vững của ngành năng lượng, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi khu vực và thế giới.

Để hiện thực hóa tầm nhìn đó, PTSC đang tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp chiến lược. Từ tái cấu trúc mô hình hoạt động, đổi mới tư duy và phương pháp tiếp cận thị trường, đến tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ, phương tiện, trang thiết bị và khuyến khích sáng tạo. Các dự án đầu tư trọng điểm như Xưởng cơ khí chế tạo, Trung tâm công nghiệp - dịch vụ NLTT liên vùng (RE-HUB), Nhà máy sản xuất cáp ngầm, hạ tầng cảng biển, tàu xây lắp công trình biển, tàu khảo sát, tàu dịch vụ, FSO/FPSO... sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, PTSC đặc biệt chú trọng chuyển đổi số, tự động hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ hiện đại nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản trị, điều hành doanh nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển đồng bộ, hài hòa giữa dịch vụ dầu khí truyền thống và NLTT, củng cố chuỗi giá trị nội bộ và chủ động vươn xa trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong giai đoạn phát triển mới, bên cạnh việc đổi mới mô hình, tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị - điều hành, PTSC cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là trọng tâm, đầu tư mạnh mẽ vào xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng thích ứng và dẫn dắt những thay đổi trong tương lai. Chúng tôi đồng thời coi văn hóa doanh nghiệp là nền tảng - nơi hội tụ các giá trị đã được đúc kết và vun đắp trong suốt hành trình phát triển với tinh thần “Chủ động, kiến tạo & tiên phong - Niềm tin, kỷ luật & thực thi - Bền vững, hoàn thiện - Hợp tác, kết nối” (Proactivity - Trust - Sustainability - Collaboration). Các giá trị cốt lõi này cũng sẽ là mục tiêu, biểu tượng, là tinh thần, khát vọng và quyết tâm của PTSC, là tôn chỉ để dẫn đến thành công. Đội ngũ PTSC sẽ cùng nhau bồi đắp, xây dựng, làm đậm đà hơn và coi văn hóa PTSC là di sản bền vững. Mỗi thành viên PTSC cần không ngừng đổi mới tư duy, “tái tạo năng lượng” và tinh thần để cùng nhau gắn kết, kiến tạo PTSC cùng những thành tựu mới.

Kính thưa Quý vị! Trong cuốn Báo cáo thường niên 2024 này, Quý vị sẽ thấy bức tranh toàn diện về kết quả hoạt động của PTSC trong một năm nhiều biến động nhưng cũng đầy dấu ấn. Chúng tôi duy trì được đà tăng trưởng ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính quan trọng. Tại các lĩnh vực cốt lõi, nhiều hợp đồng quan trọng được ký kết, triển khai và hoàn thành, quy mô dịch vụ ngày càng lớn hơn và chất lượng dịch vụ ngày càng được khách hàng đánh giá cao. Ở mảng dịch vụ dầu khí truyền thống, PTSC tiếp tục khẳng định vị thế với nhiều dự án trọng điểm, hoàn thành nhiều gói thầu, hợp đồng quan trọng với chất lượng cao, đảm bảo tiến độ và an toàn tuyệt đối. Lĩnh vực ĐGNK cũng ghi nhận sự phát triển vượt bậc, tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô với nhiều hợp đồng, chuỗi dự án được tiếp nối liên tục, khẳng định uy tín và năng lực của PTSC trên thị trường toàn cầu. Khách hàng trên thế giới đã chủ động tìm đến và các sản phẩm, dịch vụ của PTSC đã được xuất khẩu đến nhiều thị trường lớn tại châu Âu, châu Á, Trung Đông, đánh dấu bước tiến mạnh mẽ trong quá trình quốc tế hóa thương hiệu PTSC. Đó chính là những nền tảng quan trọng để PTSC tiếp tục củng cố và tạo dựng niềm tin từ thị trường, mở ra những cơ hội dịch vụ mới tiếp theo.

Kính thưa quý vị! PTSC đang chuyển mình vào giai đoạn mới. Với sự đồng hành, tin tưởng và ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác, cùng với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược và khát vọng vươn xa của PTSC, chúng tôi tin rằng PTSC sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, khẳng định vị thế tiên phong, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành năng lượng, mang lại giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng và xã hội.

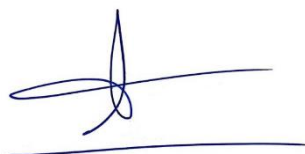
Thay mặt Ban Lãnh đạo Tổng Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới tất cả Quý vị. Đồng thời, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến đội ngũ lao động PTSC - những con người tâm huyết, tận tụy, sáng tạo và luôn nỗ lực vì sự phát triển chung của Tổng Công ty.

PTSC cam kết tiếp tục hành động minh bạch – chuyên nghiệp – hiệu quả, giữ vững niềm tin của cổ đông, đối tác và cộng đồng, khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp niêm yết hàng đầu.

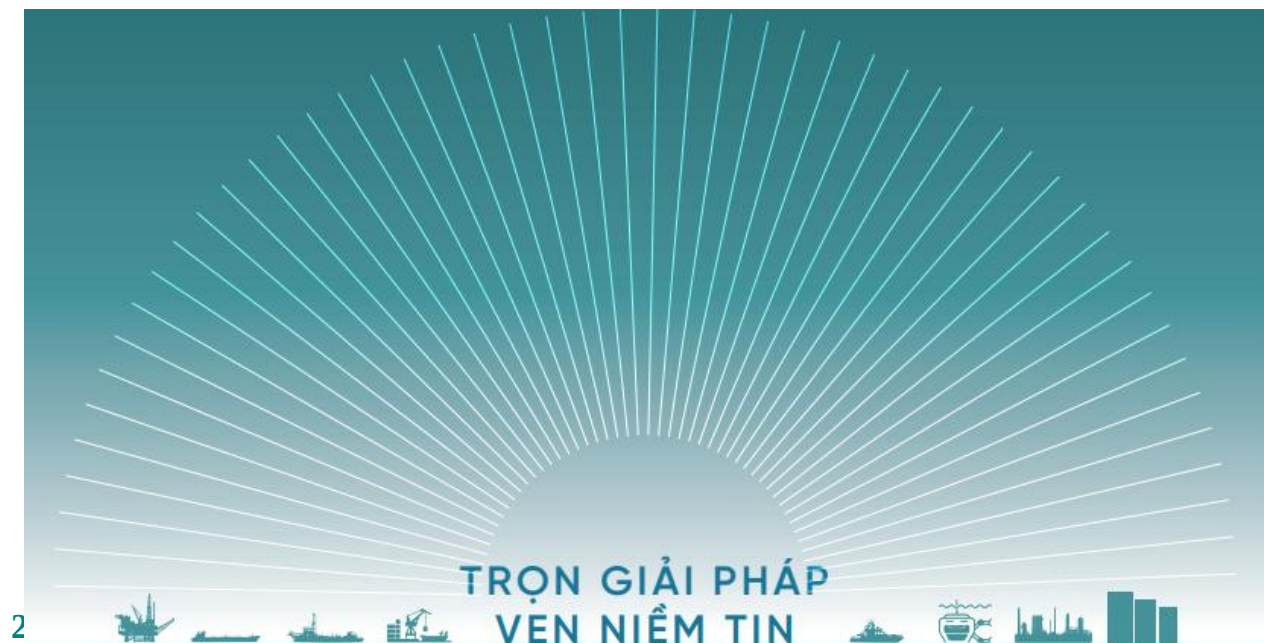
Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hồ Bắc



ĐỘT PHÁ TRONG QUẢN LÝ-QUẢN TRỊ “LÀM MỚI ĐỘNG LỰC CŨ”

01. CHƯƠNG TRÌNH TÁI CẤU TRÚC

Với quyết tâm cao, nỗ lực lớn và tinh thần đổi mới quyết liệt, Chương trình Tái cấu trúc quy mô toàn Tổng công ty đã tạo dấu ấn mạnh mẽ, “làm mới động lực cũ” với kết quả hoàn thành (i) kiện toàn chức năng nhiệm vụ và tái cấu trúc 09 Ban chức năng; (ii) sắp xếp, luân chuyển, điều động cán bộ chủ chốt tại 09 Đơn vị; (iii) chuyển đổi mô hình hoạt động 01 Đơn vị, (iv) tiếp tục triển khai rộng rãi chương trình tái cấu trúc, sắp xếp các phòng chuyên môn tại các Ban Tổng công ty, các bộ phận chức năng tại các Đơn vị.

02. HỆ THỐNG QUẢN LÝ – QUẢN TRỊ

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, hệ thống quản lý hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với định hướng chuẩn mực, thông lệ quản trị tốt nhất, tiêu chuẩn quốc tế, Tổng công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng Chiến lược Chuyển đổi số, Hệ thống Quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000, Hệ thống quản lý An toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2022, Hệ thống quản lý thực hiện dự án, đang triển khai xây dựng Chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chí ESG, đồng thời đang từng bước số hóa các hệ thống này.

03. CHUYỂN GIAO LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY

Tiếp nối truyền thống PTSC và tự hào là chiếc nôi tạo nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý, ông Lê Mạnh Cường (Tổng Giám đốc PTSC giai đoạn 2018-2024) đã vinh dự được cấp có thẩm quyền điều động và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đồng thời, từ nguồn cán bộ tại chỗ kế nhiệm, ông Trần Hồ Bắc cũng được bổ nhiệm chức danh Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tổng công ty.

04. LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN

Trong năm 2024, PTSC mở rộng phạm vi hoạt động tại 18 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các hoạt động dịch vụ của PTSC luôn đảm bảo đúng cam kết về chất lượng, tiến độ, đặc biệt là đáp ứng các yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế về an toàn với tổng số giờ công an toàn 25,52 triệu giờ.

ĐỘT PHÁ ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG QUY MÔ

05. NÂNG CẤP MỞ RỘNG QUY MÔ TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG VÀ HẠ CẦN KỸ THUẬT

Thực hiện chiến lược đẩy mạnh đầu tư, đặc biệt là phục vụ thi công, chế tạo và phát triển các dự án trong lĩnh vực dịch vụ mới, Tổng công ty đã triển khai sắp xếp lại Trung tâm công nghiệp năng lượng và hạ cần kỹ thuật tại Vũng Tàu với nhiều hạng mục đầu tư như: san lấp khu vực Sao Mai Bến Đình, đầu tư 06 xưởng sơn, 12 xe

nâng người, 03 xe vận chuyển tổng đoạn, Autofit, 02 gentry crane 200 tấn, tòa nhà văn phòng dự án ...vv

06. TRIỂN KHAI NHIỀU DỰ ÁN ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP PHƯƠNG TIỆN

Nhiều dự án được đầu tư được triển khai nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường. Trong đó tiêu biểu như Dự án đầu tư Bến số 3 – Cảng Dung Quất, Dự án đầu tư FSO Lạc Đà Vàng; nâng cấp 05 tàu dịch vụ, sà lan nhà ở. Các hạng mục đầu tư hoàn thành góp phần nâng cao năng lực dịch vụ, năng lực cạnh tranh, phát huy hiệu quả và góp phần quan trọng để PTSC đạt thành tích xuất sắc, dẫn đầu công tác đầu tư năm 2024 trong toàn Petrovietnam.

07. KÝ CÁC HỢP ĐỒNG CHUỖI DỰ ÁN LÔ B - Ô MÔN VÀ KHỞI CÔNG GIÀN CPP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Các Hợp đồng Gói tổng thầu số 1 (EPCI#1 - Giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc), Gói tổng thầu số 2 (EPCI#2 - 04 giàn đầu giếng vệ tinh và hệ thống đường ống nội mỏ...) đã được ký kết. PTSC đã chính thức khởi công công trình Giàn Công nghệ trung tâm (CPP). Đây là CPP lớn nhất từ trước đến nay được thiết kế và thi công tại Việt Nam. Các Gói thầu lớn khác (đường ống biển, đường ống bờ...) trong Chuỗi dự án Khí - Điện Lô B - Ô Môn - Dự án trọng điểm của Nhà nước về dầu khí cũng được triển khai đồng loạt.

08. THỰC HIỆN CHUỖI DỰ ÁN PHÁT TRIỂN MỎ LẠC ĐÀ VÀNG

Với các Hợp đồng cung cấp FSO, Hợp đồng tổng thầu EPCIC giàn xử lý trung tâm LDV-A, Hợp đồng EPC tuyến ống nội mỏ, PTSC thể hiện năng lực dịch vụ và nhà cung ứng chuỗi giải pháp tổng thể, toàn diện khi tham gia cung cấp toàn diện các dịch vụ cho dự án phát triển mỏ Lạc Đà Vàng.

09. BƯỚC TIẾN MỚI CỦA DỊCH VỤ HỦY MỎ

Là một trong những dịch vụ mới của PTSC được triển khai những năm gần đây, PTSC POS đã liên danh với PVD trúng thầu triển khai dịch vụ hủy mỏ với Hợp đồng Cung cấp dịch vụ thiết kế và thi công hạng mục đóng hủy giếng và tháo dỡ di dời giàn Sông Đốc. Bên cạnh đó POS cũng thực hiện hợp đồng tháo dỡ và di dời tàu FPSO MV19. Đặc biệt, Dự án hủy mỏ Sông Đốc là dự án hủy mỏ trọn gói đầu tiên tại Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng và mang tính đột phá đối với ngành dầu khí nước nhà, mở ra các hướng đi mới về dịch vụ không chỉ trong nước mà cả quốc tế. Dự án còn là minh chứng khẳng định mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, liên kết, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, huy động tối đa nguồn lực và nội lực của các Đơn vị thành viên trong Petrovietnam.

10. ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ RA NƯỚC NGOÀI

Vượt qua nhiều thách thức khó khăn, yêu cầu phức tạp của Dự án, ngày 15/12/2024, tại Qatar, PTSC M&C đã hoàn thành sớm mục tiêu First-Oil Giàn JA của Chủ đầu

tư NOC. Gallaf 3 là dự án thứ hai tại “khu vực chiến lược” Trung Đông. Hàng ngàn người lao động đã tham gia Dự án trong suốt 3 năm qua và mang lại doanh thu ấn tượng gần 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận gần 30 triệu USD với tổng khối lượng thi công lên đến gần 20.000 tấn. Đây là thành tựu đáng tự hào trong việc triển khai chiến lược phát triển dịch vụ EPC các công trình dầu khí ra thị trường quốc tế; khẳng định năng lực thực hiện các dự án phức tạp, khẳng định uy tín, thương hiệu và đặt nền tảng cho các dự án sắp tới tại khu vực này

11. GIẢI THƯỞNG “BEST PERFORMANCE AWARD” & “HSE CONTRIBUTION”

PTSC Offshore Services (POS) là đơn vị duy nhất trong tất cả các nhà thầu của NOC (North Oil Company, chủ đầu tư lớn trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng tại Qatar) được nhận cùng lúc hai giải thưởng Outstanding Performance và HSE Contribution. Các giải thưởng do NOC trao tặng mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng; khẳng định uy tín, chất lượng dịch vụ của POS trên thị trường quốc tế. Với những nỗ lực vượt bậc của NLĐ PTSC POS trên công trình dự án các dự án, CEO của NOC cũng khẳng định “performance” của POS đã tạo ra tiêu chuẩn trong lĩnh vực Brownfield 4 Modification trong ngành công nghiệp dầu khí (“have set a remarkable standard for the industry”).

12. ĐỘI TÀU DỊCH VỤ VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN HÀNG HẢI MANG DỊCH VỤ XUẤT NGOẠI

Đội tàu Dịch vụ dầu khí và các phương tiện hàng hải của PTSC đã có 1 năm “xuất ngoại” mở rộng thị trường ấn tượng với phần lớn thời lượng hoạt động trên thị trường quốc tế: Malaysia, Trung Đông, Phillipines, Brunei, Ấn Độ, Đài Loan (Trung Quốc)... Trong đó tiêu biểu là các tàu dịch vụ, các sà lan hỗ trợ thi công POS 1 và sà lan vận chuyển PTSC 01 cùng các tàu khảo sát địa chấn & ROV... Đặc biệt, tại thị trường Trung Đông, 02 tàu dịch vụ của PTSC đang làm việc dài hạn cho Aramco và ADNOC - 02 khách hàng có tiêu chuẩn yêu cầu cao và khắt khe nhất thế giới. Hoạt động nhộn nhịp của các con tàu, phương tiện PTSC tại các vùng lãnh thổ khác nhau đã góp phần quan trọng vào chiến lược phát triển dịch vụ ra nước ngoài của PTSC, gia tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ từ nước ngoài, khẳng định hình ảnh của PTSC trên thị trường quốc tế.

ĐỘT PHÁ TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ TRÊN BỜ

13. TRÚNG THẦU NHIỀU DỰ ÁN CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP TRÊN BỜ

Nỗ lực triển khai công tác phát triển kinh doanh, công tác chào giá trong lĩnh vực dịch vụ công trình công nghiệp, PTSC trúng thầu nhiều dự án trên bờ: (i) Dự án STG-3 Nghi Sơn, (ii) Gói thầu 4.9 Hệ thống cung cấp nhiên liệu sân bay Long Thành, (iii) Gói thầu EPC Dự án bồn chứa Ethane LSP, (iv) Gói thầu EPC Dự án

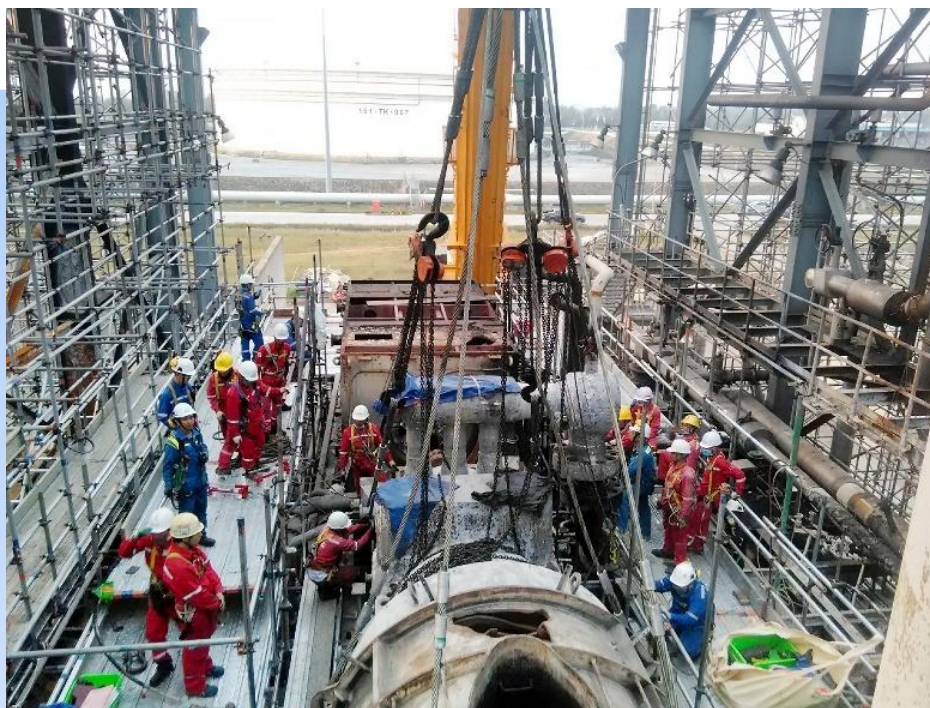
bể chứa dầu thô Dung Quất, góp phần quan trọng vào chiến lược tăng trưởng, phát triển và thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của PTSC trong giai đoạn sắp tới.

14. THỰC HIỆN CÁC GÓI THẦU CHÍNH BẢO DƯỠNG NHÀ MÁY LỘC DẦU DUNG QUẤT

PTSC Quảng Ngãi đã thắng thầu và thực hiện thành công 3/6 gói thầu chính của đợt turn around lần 5 (TA5) tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, với 1.522 hạng mục công việc, chiếm hơn 70% tổng khối lượng công việc. Đây là lần đầu tiên Đơn vị đảm nhận bảo dưỡng Phân xưởng RFCC - là phân xưởng trái tim của nhà máy, vượt tiến độ 16 giờ. Qua đó, chứng minh khả năng làm tổng thầu các chiến dịch sửa chữa bảo dưỡng lớn và có thể đảm nhận vai trò Tổng thầu bảo dưỡng tổng thể cho các nhà máy lọc hóa dầu, các nhà máy công nghiệp trên bờ.

15. DỊCH VỤ SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG CHO NHÀ MÁY LỘC DẦU NGHI SƠN ĐẠT NHỮNG BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG

Với những nỗ lực lớn trong công tác phát triển dự án, cùng sự tín nhiệm của Khách hàng NSPR, trong năm 2024, PTSC Thanh Hóa đã trúng thầu loạt hợp đồng dịch vụ và trở thành nhà thầu chính theo hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hàng ngày, hợp đồng thay thế Tổ máy phát điện STG3, hợp đồng nâng cấp, hoán cải với giá trị gần 2000 tỷ đồng trong vòng 03 - 05 năm tới, khẳng định uy tín, chất lượng dịch vụ của PTSC Thanh Hóa trên thị trường dịch vụ cơ khí – bảo dưỡng.



DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ XUẤT KHẨU NGOÀI KHƠI

16. DỰ ÁN XUẤT KHẨU ĐGNK SANG SINGAPORE ĐẠT BƯỚC TIẾN MỚI

Dự án Xuất khẩu điện gió ngoài khơi sang Singapore đạt bước tiến mới với 02 hợp đồng khảo sát đã được ký kết, công tác khảo sát đã được triển khai theo đúng Giấy phép.

ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ MỚI - NLTTNK

17. XUẤT KHẨU LÔ CHÂN ĐẾ ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM VÀ KHỞI CÔNG DỰ ÁN 04 TRẠM BIỂN ÁP ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI ĐẦU TIÊN CHO CHÂU ÂU

Dự án CHW2204 ghi dấu ấn quan trọng với sự kiện xuất xưởng, bàn giao Lô chân đế ĐGNK đầu tiên của Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài với mức hơn 9 triệu giờ làm việc an toàn. PTSC M&C cũng bắt đầu triển khai đơn hàng sản xuất các trạm biển áp ngoài khơi (OSS) cho dự án Baltica 02 tại vùng biển Baltic - Ba Lan. Đây cũng là lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu hợp đồng xuất khẩu OSS sang Châu Âu, thị trường năng lượng tái tạo hàng đầu thế giới. Dự án ghi dấu mốc quan trọng, khẳng định năng lực với dòng sản phẩm mới OSS, nâng tầm thương hiệu PTSC với vị thế nhà cung cấp dịch vụ năng lượng tái tạo uy tín, chất lượng trên thị trường tiềm năng mới.

18. KHẲNG ĐỊNH UY TÍN, THƯƠNG HIỆU QUỐC TẾ VỚI DỰ ÁN MỚI CHẾ TẠO CHÂN ĐẾ

Kế tiếp Dự án CHW2204, PTSC trúng thầu Dự án mới quy mô lớn hàng trăm triệu USD, tiếp tục chế tạo và cung cấp chân đế điện gió ngoài khơi cho khách hàng quốc tế. Việc thắng thầu khẳng định tầm cao mới của thương hiệu PTSC với vị thế nhà cung cấp dịch vụ NLTTNK uy tín, chất lượng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

GIẢI THƯỞNG, THÀNH TỰU

19. PTSC TIẾP TỤC ĐẠT CÁC DANH HIỆU UY TÍN

Tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu quốc gia trên thị trường, PTSC được trao nhiều danh hiệu, giải thưởng lớn và uy tín như: (i) Thương hiệu Quốc gia, (ii) Sao Vàng đất Việt, (iii) Forbes 50, (iv) Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2024 (VBW10) – nhóm ngành Năng lượng, (v) Top 50 doanh nghiệp xuất sắc Việt Nam (VNR500), (vi) Top 10 doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2024 (VIE 10), (vii) Giải thưởng Thương hiệu Vàng – Logo Slogan ấn tượng và nhiều giải thưởng danh giá khác.

20. DOANH THU, LỢI NHUẬN CÁN ĐÍCH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH 2024

PTSC đã về đích xuất sắc với Doanh thu hợp nhất hơn **24.986 tỷ đồng**, đạt **161,2%** kế hoạch năm 2024, tăng 15% so với thực hiện năm 2023; Lợi nhuận hợp nhất trước thuế hơn **1.553 tỷ đồng**, đạt **181%** kế hoạch năm 2024, tăng **21.6%** so với thực hiện năm 2023.

21. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THAM DỰ CHUỖI SỰ KIỆN DẦU KHÍ VÀ ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI

Các hoạt động SXKD của PTSC tạo ấn tượng đặc biệt và nhận được sự đánh giá cao của các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Lần đầu tiên PTSC vinh dự được tiếp đón Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Phạm Minh Chính và nhiều Lãnh đạo cấp cao thăm, làm việc và tham dự “Chuỗi sự kiện Dầu khí và Điện gió ngoài khơi” do PVN/ PTSC tổ chức. Cũng trong năm 2024, PTSC vinh dự được tiếp đón Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thứ trưởng, các Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch tỉnh ủy và nhiều Đại sứ quán, lãnh sự quán của các nước và hàng trăm đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc...



II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1.1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trải qua quá trình từ hình thành, sáp nhập, chuyển đổi..., Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã chính thức ra đời vào ngày 09 tháng 02 năm 1993 và là một trong những thành viên trụ cột của PVN.

- Với nền tảng vững chắc và bề dày truyền thống, PTSC đã từng bước phát triển, nâng cao vị thế và trở thành thương hiệu toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng, trọng tâm là dịch vụ kỹ thuật dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Thúc đẩy xu hướng chuyển dịch năng lượng, đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.
- Góp phần quan trọng thúc đẩy chuỗi giá trị của PVN, tối ưu hiệu quả kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
- Cung cấp giải pháp toàn diện và tối ưu, mang lại giá trị gia tăng vượt trội.

PTSC đã ghi được nhiều dấu ấn với vị trí hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong khu vực. Hoạt động chính của PTSC là cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp. Trong đó, các dịch vụ mang tính chiến lược, mũi nhọn đã được chuyên nghiệp hóa, phát triển đạt trình độ quốc tế như: EPCI công trình biển; EPC công trình công nghiệp; Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO; Tàu dịch vụ dầu khí; Khảo sát địa chất và công trình ngầm; Lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng công trình biển; Cảng dịch vụ; Dịch vụ cung ứng nhân lực kỹ thuật cao...

Đặc biệt, trong xu hướng chuyển dịch năng lượng đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, đồng thời nhằm thúc đẩy chuỗi giá trị của PVN, tối ưu hiệu quả kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia phát huy tối đa giá trị chuỗi dịch vụ của PVN, PTSC định hướng tiếp tục hoàn thiện và phát triển toàn diện lĩnh vực năng lượng điện gió, đồng thời từng bước xây dựng năng lực khai thác năng lượng hydro xanh. Bên cạnh đó, PTSC đặt mục tiêu đóng vai trò chủ lực trong chuỗi cung ứng nội địa, góp phần đạt tỷ lệ nội địa hóa 80% cho nhà máy điện hạt nhân đầu tiên tại Việt Nam.

PTSC cam kết phát huy mọi thế mạnh về năng lực, kinh nghiệm của mình, đảm bảo thành công các dự án, khẳng định và tăng cường vị thế là một nhà thầu tin cậy, đối tác tin cậy, doanh nghiệp tin cậy với các khách hàng.

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation

Tên giao dịch viết tắt: PTSC

Mã chứng khoán: PVS

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150577

Vốn điều lệ: 4.780 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 14.739 tỷ đồng (theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà Petrovietnam, Số 1 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84) 028.39102828

Fax: (+84) 028.39102929

Website: ptsc.com.vn

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Cơ khí dầu khí

Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO)

Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình biển

Căn cứ cảng dịch vụ

Tàu dịch vụ dầu khí

Khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm

Công trình công nghiệp

Năng lượng tái tạo

1.3 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993: Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp Nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí và cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 – 2005:

- Tách một số bộ phận của PTSC để làm nòng cốt thành lập các đơn vị dịch vụ chuyên ngành mới của ngành dầu khí.
- Đầu tư phát triển đội tàu dịch vụ chuyên dụng hiện đại và mở rộng xây dựng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu trở thành căn cứ dịch vụ đa năng, hiện đại.
- Thực hiện thành công khối nhà ở LQ- CPC 99 cho Khách hàng Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ cơ khí dầu khí.
- Triển khai hợp đồng O&M Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và Giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời và làm chủ loại hình dịch vụ O&M.

- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess với PVI và PVFC, đánh dấu sự ra đời một lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cao đầy tiềm năng, dịch vụ FSO/FPSO.

2006 – 2010:

- Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).
- 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tạo ra bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của PTSC với sức mạnh mới.
- 09/02/2007: Chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- 20/9/2007: Cổ phiếu của PTSC chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PVS.
- Thành lập mới PTSC G&S; hoàn thành đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D, ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm lên một tầm cao mới.
- Tham gia đầu tư kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby II, nâng cao năng lực trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ FSO/FPSO.
- Năm 2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ đồng.
- Thực hiện thành công tổng thầu EPC Dự án Biển Đông với tổng khối lượng thi công chế tạo trên 30.000 tấn và giá trị trên 1 tỷ USD, là dự án thi công chế tạo các cấu kiện dầu khí lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay.

2011 – 2015:

- Thực hiện đầu tư sở hữu 51% 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO/FPSO, đưa PTSC trở thành đơn vị hàng đầu trong nước và khẳng định vị thế trong khu vực đối với lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.
- Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ đồng.
- Nâng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khối thượng tầng giàn công nghệ HRD cho Khách hàng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ - ONGC, Dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho Khách hàng Total E&P.
- Các Liên doanh ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước.

2016 – 2019:

- Tăng vốn điều lệ lên 4.780 tỷ đồng.
- Tính đến 31/12/2018, tổng giá trị PTSC đã thu về từ các Liên Doanh ở nước ngoài là 105 triệu USD.
- Thắng thầu EPC và thực hiện thành công các dự án công trình công nghiệp dầu khí trên bờ: Nhà máy Phân bón NPK; Nhà máy sản xuất Amoniac NH₃ của Khách hàng

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Nhà máy Xử lý khí Cà Mau của Khách hàng Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS); Dự án kho chứa LNG Thị Vải và Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng PV GAS; Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam - Gói A1 (LSP - A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý - Hàn Quốc).

- Thắng thầu và triển khai thực hiện các dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Nhà máy kho cảng Hải Phòng, mở rộng nhà máy Gò Dầu cho Khách hàng Top Solvent (Thái Lan) và mở rộng kho cảng Vopak (Hà Lan) giai đoạn III, Dự án “Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport); Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.
- Thắng thầu và triển khai Dự án Gallaf (Al Shaheen) cho Khách hàng North Oil Company (NOC) tại Qatar với tổng giá trị hợp đồng hơn 320 triệu USD; Hoàn thành đóng mới, hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác thành công và an toàn đội tàu 8 tàu cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).
- Ngày 04/10/2019, chân đế giàn Công nghệ Trung tâm Sao Vàng nặng 12.500 tấn thuộc Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, đã được lắp đặt và bàn giao thành công cho Chủ đầu tư IGP, khẳng định năng lực tổng thầu EPCIC của PTSC.
- PTSC về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch tài chính và bước qua thời kỳ khó khăn nhất.

2020

- Hoàn thành Dự án Thiết kế, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối và Chạy thử Giàn xử lý khí trung tâm CPP Sao Vàng và chính thức nhận dòng khí đầu tiên ngày 16/11/2020. Dự án vinh dự được gắn biển “Công trình chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”.
- Ngày 16/11/2020, Kho nổi FSO Golden Star đã chính thức đón dòng condensate đầu tiên, đánh dấu mốc son thành công vô cùng quan trọng trong chuỗi Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, cùng với giàn xử lý trung tâm Sao Vàng CPP và hệ thống đường ống nội mỏ cũng do chính PTSC làm tổng thầu thực hiện.
- Dự án Gallaf (Al Shaheen) tại Qatar - dự án do PTSC thắng thầu quốc tế EPCI với khối lượng lớn và tổng giá trị trên 320 triệu USD đã được thực hiện thành công công tác Thiết kế, Mua sắm, Chế tạo tại Việt Nam và Vận chuyển, Lắp đặt, Chạy thử 3 giàn khai thác Dự án Gallaf 1 với hơn 800 NLĐ PTSC làm việc tại Qatar trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- Trong bối cảnh vô cùng khó khăn và nhiều thách thức, cùng với nỗ lực và nội lực, PTSC triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó vượt qua “khủng hoảng kép” do giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19 để đạt được nhiều kết quả ấn tượng, tăng trưởng ổn định: doanh thu hợp nhất hơn 21.313 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.025 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 909 tỷ đồng

2021- 2022

- PTSC bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (xây dựng công trình công nghiệp - năng lượng tái tạo, xây dựng công trình khác không phải nhà) để tiếp tục mở ra cơ hội phát triển khi tham gia trực tiếp từ đầu tư đến cung cấp các dịch vụ liên quan với sở trường là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu về công trình công nghiệp - biển tại Việt Nam.
- Tháng 7/2021, PTSC tiếp tục được Chủ đầu tư NOC trao thầu thực hiện dự án Gallaf - Giai đoạn 3 tại Qatar với khối lượng trên 19.000 tấn sau khi vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà thầu quốc tế trên toàn thế giới.
- Tháng 9/2021, Chủ đầu tư Northland Power Development Services Inc. và Yushan Engergy Co., Ltd. lựa chọn ký Thỏa thuận ưu tiên thực hiện công tác thiết kế, mua sắm, chế tạo 02 trạm biến áp dự án điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 ngoài khơi Đài Loan, đánh dấu lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam thực hiện được loại hình công việc này cho dự án điện gió ngoài khơi tại nước ngoài.
- PTSC hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, đảm bảo an toàn cho Người lao động trên tất cả các công trường, dự án trong và ngoài nước, đảm bảo thu nhập tốt cho Người lao động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp.
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK.
- Tham dự thầu quốc tế vào đến vòng cuối cùng và có khả năng trúng thầu dự án chế tạo chân đế Điện gió ngoài khơi CHW2204 tại Đài Loan; được phê duyệt vào danh sách nhà cung cấp chân đế ĐGNK cho khách hàng Orsted - nhà đầu tư số một thế giới về Năng lượng tái tạo. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi to lớn của PTSC, chuyển dịch từ mô hình sản xuất đơn chiếc sang mô hình sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao, mở ra một hướng đi mới, ổn định, lâu dài, bền vững cho Tổng công ty trong nhiều năm tới, phù hợp xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.
- Thành lập chi nhánh PTSC Abu Dhabi tại UAE, mở rộng phạm vi hoạt động.
- Năm 2022, PTSC đã chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Malaysia, Brunei, Indonesia, Cambodia... Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 đạt trên 40%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài của PTSC nhằm đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.

2023

- Năm 2023 ghi dấu ấn Tuổi 30 với những thành tựu vẻ vang, khẳng định vị thế, tầm vóc, thương hiệu của PTSC trên thị trường năng lượng. Công tác đầu tư đạt kết quả khả quan, các sự kiện sản xuất kinh doanh sôi động. Hoạt động phát triển kinh doanh - dịch vụ đạt hiệu quả tích cực với nhiều hợp đồng quan trọng được ký kết và triển khai. Sau nhiều năm vắng bóng, PTSC chính thức đạt doanh thu 20 ngàn tỷ đồng.
- Ngày 24/08/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển của Tổng công ty PTSC phục vụ dự án đầu tư, phát triển ĐGNK xuất khẩu sang Singapore.
- Ngày 17/05/2023, chi nhánh PTSC Abu Dhabi đã được Bộ Kinh tế UAE cấp giấy phép hoạt động, đánh dấu quá trình đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ sang khu vực Trung Đông.
- Ngày 23/11/2023, Tổng công ty PTSC đã chính thức hoàn thành toàn bộ các thủ tục thông tuyến đường trục chính, một trong những dấu mốc tiêu biểu cùng với việc hoàn thành đầu tư 20m cầu cảng và bố trí lại các nhà xưởng, đánh dấu việc đẩy mạnh sắp xếp lại và nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực bãi chế tạo căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu.
- Thắng thầu và triển khai các dự án: chế tạo và cung cấp 33 chân đế trụ điện gió cho Orsted Taiwan Ltd - dự án ĐGNK Greater Changhua 2204 (CHW2204) tại Đài Loan (Trung Quốc); Thiết kế, Mua sắm, Thi công xây lắp (EPC) trạm biến áp ngoài khơi (OSS) cho dự án ĐGNK Fengmiao 1 tại Đài Loan (Trung Quốc) của khách hàng Copenhagen Infrastructure Partners (CIP); Thiết kế, mua sắm, vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn xử lý trung tâm, giàn nhà ở, tháp đuốc (gói thầu EPCI #1), dự án khí Lô B của Chủ đầu tư Công ty điều hành dầu khí Phú Quốc (PQPOC) Thiết kế chi tiết cho toàn bộ dự án, mua sắm, thi công lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử cho toàn bộ Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn - Công ty điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC), là dự án thành phần quan trọng trong chuỗi dự án khí – điện Lô B; Cung cấp tàu dịch vụ, cung cấp ROV cho khách hàng Saudi Aramco.

2024

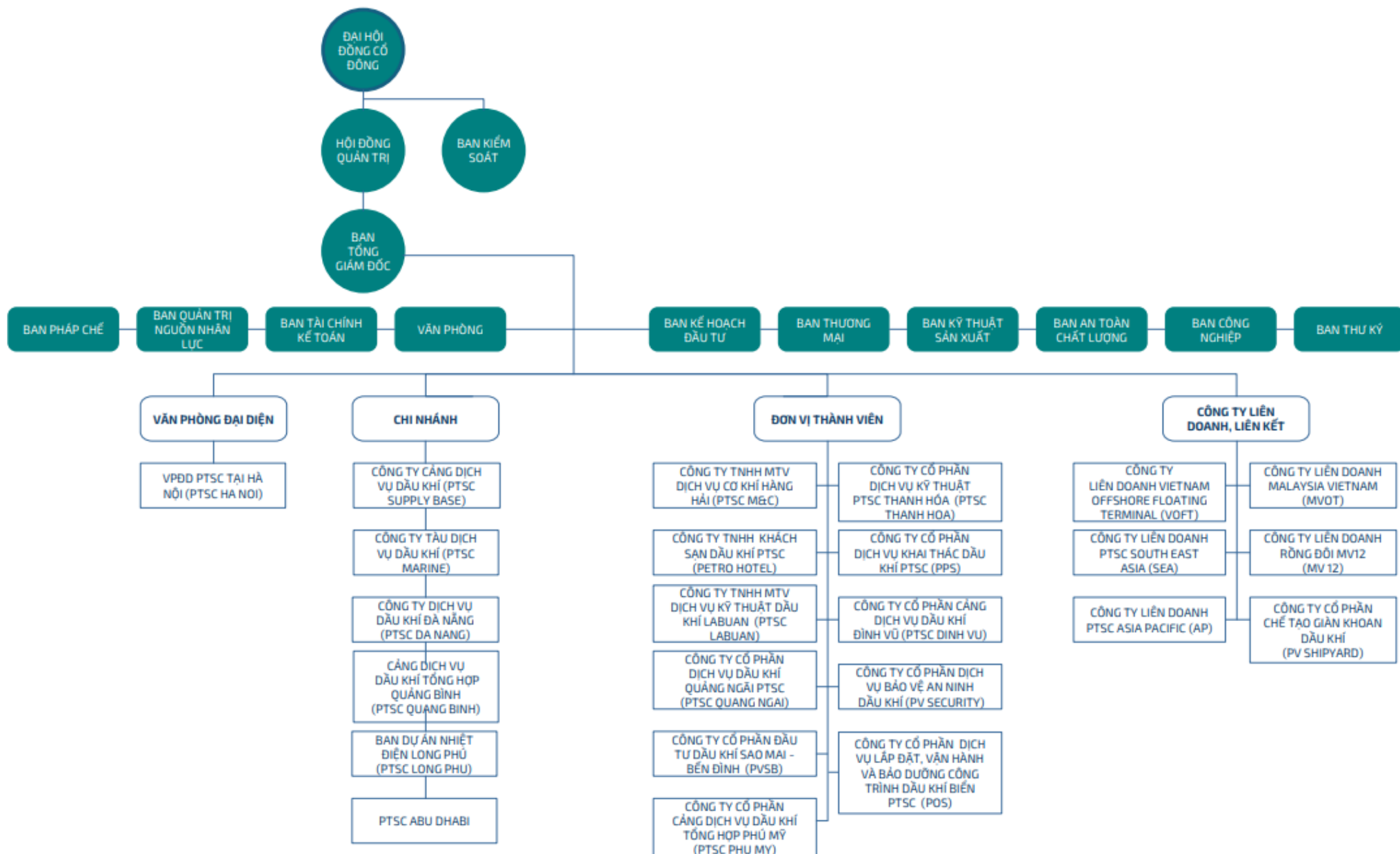
- Kiện toàn và tái cấu trúc 09 Ban chức năng; Luân chuyển cán bộ chủ chốt tại 09 Đơn vị; Chuyển đổi mô hình hoạt động 01 Đơn vị và tiếp tục triển khai chương trình tái cấu trúc tại Công ty mẹ, các bộ phận chức năng tại các Đơn vị.
- Nâng cấp mở rộng quy mô Trung tâm công nghiệp năng lượng và hậu cần kỹ thuật Vũng Tàu với nhiều hạng mục đầu tư như: san lấp khu vực SMBĐ, đầu tư 06 xưởng sơn, 12 xe nâng người, 03 xe vận chuyển tổng đoạn, Autofit, 02 gentry crane 200 tấn, tòa nhà văn phòng dự án ...
- Ký các hợp đồng chuỗi dự án Lô B - Ô Môn: gói tổng thầu số 1 (EPCI#1 - Giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc), gói tổng thầu số 2 (EPCI#2 - 04 giàn đầu giếng vệ tinh và hệ thống đường ống nội mỏ....) và khởi công giàn CPP lớn nhất Việt Nam; PTSC triển khai chuỗi dự án phát triển mỏ Lạc Đà Vàng, khẳng

định năng lực cung cấp dịch vụ và vai trò nhà cung ứng giải pháp tổng thể, toàn diện.

- Trúng thầu cung cấp dịch vụ hủy mỏ với Hợp đồng thiết kế và thi công hạng mục đóng hủy giếng, tháo dỡ - di dời giàn Sông Đốc, cùng việc tháo dỡ và di dời tàu FPSO MV19. Đây là dự án hủy mỏ trọn gói đầu tiên tại Việt Nam, đánh dấu bước đột phá quan trọng của ngành dầu khí quốc gia.
- Lần đầu tiên PTSC vinh dự được tiếp đón Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Phạm Minh Chính và nhiều Lãnh đạo cấp cao thăm, làm việc và tham dự “Chuỗi sự kiện Dầu khí và Điện gió ngoài khơi” với tổng giá trị hơn 2 tỷ USD do PVN/PTSC tổ chức, tại Trung tâm Công nghiệp Năng lượng và Hậu cần Kỹ thuật PTSC (TP. Vũng Tàu). Sự hiện diện của Thủ tướng không chỉ khẳng định tầm vóc và ý nghĩa chiến lược của sự kiện, mà còn mở ra những kỳ vọng to lớn, thúc đẩy ngành năng lượng Việt Nam vươn tầm mạnh mẽ trong tương lai. Chuỗi sự kiện bao gồm: • Lễ hạ thủy và bàn giao chân đế ĐGNK dự án CHW2204: 350 triệu USD • Lễ khởi công các trạm biến áp - dự án Baltica 02: 167 triệu USD • Lễ ký hợp đồng chế tạo và cung cấp chân đế ĐGNK: 450 triệu USD • Lễ khởi công giàn CPP - trái tim của chuỗi dự án Lô B: 700 triệu USD • Lễ ký hợp đồng FSO Lạc Đà Vàng: 416 triệu USD

2. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

2.1 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



2.2 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Ông **Phan Thanh Tùng**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật sản xuất và công nghiệp, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn



Ông **Lê Mạnh Cường**

Thành viên Hội đồng quản trị,

Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024)

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông **Đỗ Quốc Hoan**

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông Nguyễn Xuân Ngọc

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1976 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí



Ông Trần Ngọc Chương

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị nhân sự



Ông Hoàng Xuân Quốc

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1957 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Cơ khí năng lượng, Cử nhân Kinh tế



Ông Đoàn Minh Mẫn

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, cử nhân Quản trị kinh doanh



Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạnh Cường

Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024)

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông Trần Hồ Bắc

Tổng Giám đốc (Từ ngày 06/12/2024)

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư Cơ khí



Ông Nguyễn Trần Toàn

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16/9/2024)

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông Tạ Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12/11/2024)

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị kinh doanh



Ông Nguyễn Xuân Cường

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp



Ông Trần Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1978 tại Bình Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử, Cử nhân Kinh tế



Ông Phạm Văn Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977 tại Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế



Ông Lê Cự Tân

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1967 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật tự động hóa



Ông Lê Chiến Thắng

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/11/2024)

Sinh năm: 1977 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải biển

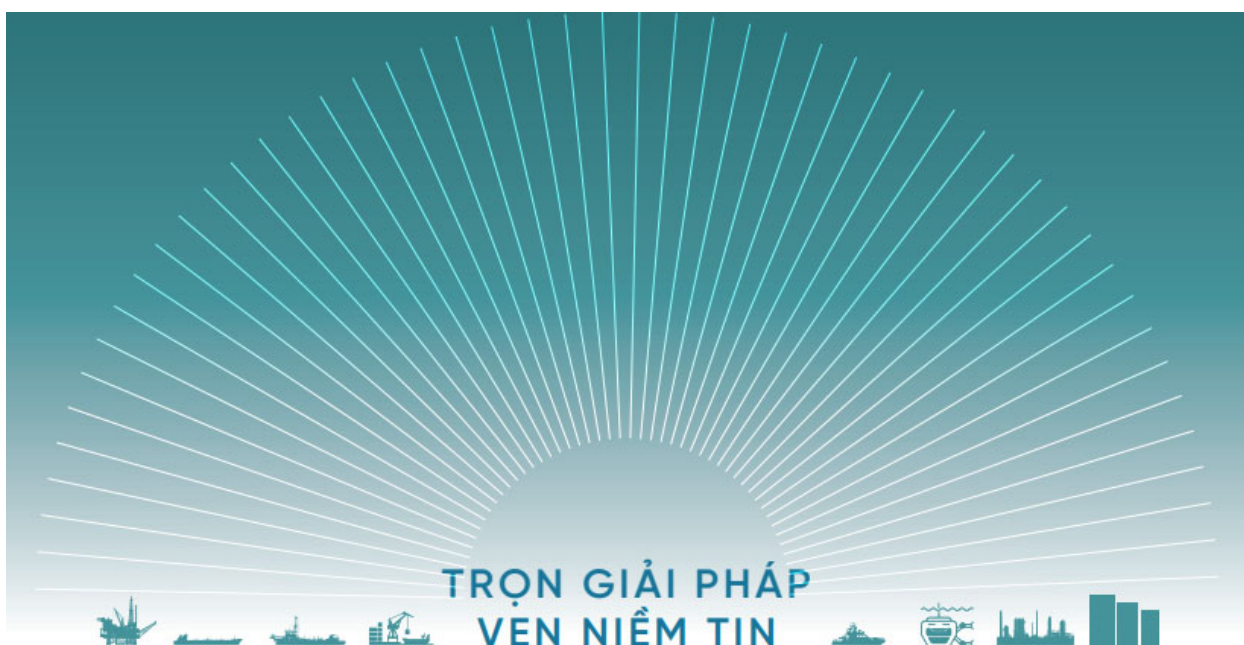


Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng

Sinh năm: 1977 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng



Ban Kiểm soát

Bà **Bùi Thu Hà**
Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh



Ông **Bùi Hữu Việt Cường**
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1981 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Điều hành Quản trị Kinh doanh quốc tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Kế toán



Ông **Phạm Văn Tiến**
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1983 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Cử nhân Kinh tế



2.3 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Thành phố Hồ Chí Minh: Trụ sở Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Bà Rịa- Vũng Tàu: PTSC Marine - PTSC Supply Base - PTSC M&C - PTSC G&S-Petro Hotel - PTSC Phu My – PPS – PVSB – POS - PV Shipyard

Sóc Trăng: PTSC Long Phu

Quảng Ngãi: PTSC Quang Ngai

Đà Nẵng: PTSC Da Nang

Quảng Bình: PTSC Quang Binh

Thanh Hóa: PTSC Thanh Hoa

Hải Phòng: PTSC Dinh Vu

Hà Nội: PTSC Ha Noi

Malaysia: PTSC Labuan, VOFT, MVOT

Singapore: SEA, AP, MV12

UAE: PTSC Abu Dhabi

Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)

Địa chỉ: Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý khai thác và cung cấp tàu dịch vụ

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (PTSC Supply Base)

Địa chỉ: Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng (PTSC Da Nang)

Địa chỉ: Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình (PTSC Quang Binh)

Địa chỉ: Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú (PTSC Long Phu)

Địa chỉ: Ấp Thanh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và công trình công nghiệp

VPDD PTSC tại Hà Nội (PTSC Ha Noi)

Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao

PTSC Abu Dhabi

Địa chỉ: Phòng 1721, tầng 17 The Offices World Trade Center, Central Market. Al Markazyia, Abu Dhabi, UAE

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị tại mỏ dầu và khí tự nhiên; Vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu và khí; Dịch vụ hàng hải liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí; Dịch vụ cho các công trình khai thác và mỏ dầu, khí trên bờ và ngoài khơi.

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C)

Địa chỉ: Số 31, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ/đầu tư: 628 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC (PTSC G&S)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC (Petro Hotel)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan)

Địa chỉ: Unit 3A-25, UO350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T Malaysia Vốn điều lệ/đầu tư: 572.565 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí

Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quang Ngai)

Địa chỉ: Lô 4H, Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 95,19%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ, Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp; Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (POS)

Địa chỉ: Cảng hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 84,95%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ (PTSC Phu My)

Địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 350 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 59,61%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hoa)

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng Tỷ lệ nắm giữ: 54,69%

Ngành nghề kinh doanh chính: » Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp » Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp » Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. » Cung cấp dịch vụ lặn, khảo sát và thi công các công trình ngầm dưới nước. » Tái chế phế liệu (Phá hủy tàu) » Xây dựng công trình thủy (đường thủy, cảng và các công trình trên sông.)

Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)

Địa chỉ: Tầng 16, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 200 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PTSC Dinh Vu)

Địa chỉ: Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container

Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security)

Địa chỉ: Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: 30 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)

Địa chỉ: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 500 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Công ty Liên doanh

Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)

Địa chỉ: BO1-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 14.640.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 60%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (SEA)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 32.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (AP)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 60.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (MVOT)

Địa chỉ: BO1-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 35.222.268 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 49%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 (MV12)

Địa chỉ: 9 North Buona Vista Drive #04-05, The Metropolis Tower 1, Singapore

138588 Vốn điều lệ/đầu tư: 20.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 33%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Địa chỉ: Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 595 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 28,75%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi

2.4 CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC

Đội tàu dịch vụ của PTSC

PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 22 tàu đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành hoàn toàn bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1.	Tàu PTSC Sao Vàng	6.500 BHP
2.	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 BHP
3.	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 BHP

4.	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 BHP
5.	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 BHP
6.	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 BHP
7.	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 BHP
8.	Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 BHP
9.	Tàu PTSC Sài Gòn (AHTS DP2)	5.150 BHP
10.	Tàu PTSC Hải An (AHTS DP1)	5.150 BHP
11.	Tàu PTSC Crescent (AHTS DP2)	5.150 BHP
12.	Tàu PTSC Ngân năm TLHN – 02 (Utility towing)	3.500 BHP
13.	Tàu PTSC Ngân năm TLHN – 03 (Utility towing)	4.750 BHP
14.	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 BHP
15.	Tàu PTSC 05 (Tug)	3.200 BHP
16.	Tàu PTSC 06 (Tug)	3.200 BHP
17.	Tàu PTSC 07 (Tug)	1.600 BHP
18.	Tàu PTSC 08 (Tug)	800 BHP
19.	Tàu PTSC 09 (Tug)	5.000 BHP
20.	Tàu PTSC 10 (Tug)	2.700 BHP
21.	Tàu PTSC 11 (Tug)	1.600 BHP
22.	Tàu PTSC 12 (Service boat)	1.430 BHP

- AHTS: Tàu dịch vụ đa năng
- Utility towing, Tug: Tàu lai kéo, tàu kéo
- DP1: có hệ thống định vị động học DP 1
- DP2: có hệ thống định vị động học DP 2

Kho nổi chứa xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/ FPSO/ MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)

Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 06 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

STT	TÊN KHO NỔI	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1.	FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2.	FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3.	FSO PTSC Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4.	FPSO PTSC Lam Son	373.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5.	FSO Golden Star	800.000 thùng	Cụm Mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt
6.	FSO Rồng Đôi MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây

Căn cứ cảng PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 08 căn cứ Cảng dịch vụ dầu khí trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam với tổng diện tích trên 310ha và trên 3.100 m cầu cảng, phục vụ các khách hàng đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1.	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 753,7 m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -6,2 m đến -9,3 m
2.	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 10,3 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 29.500 DWT giảm tải Độ sâu thủy diện: -9,2 m
3.	Cảng Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Diện tích: 7,5 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200 m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -9,5 m
4.	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 14,5 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 281 m (210m cầu + 71 m phao), khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy diện -11 m. + Bến số 3: chiều dài 160 m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy diện -4,2 m. + Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí: chiều dài 70m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy diện -7,0m
5.	Cảng PTSC Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 04 + Bến số 1: chiều dài 384,3 m; khả năng tiếp nhận tàu 80.000 DWT, độ sâu thủy diện -14,5 m. + Bến số 2: chiều dài 130 m; khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy diện -4,8 m. + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy diện -2,7 m. + Bến số 4: chiều dài 60m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy diện -4,8 m.

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
6.	Cảng Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Diện tích: 44,9 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -9,5 m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -12m.
7.	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Diện tích: 15,28 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330 m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -8,0 m
8.	Cảng Sao Mai - Bến Đình	Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 113 ha

Cơ sở vật chất phục vụ chế tạo, đóng mới công trình dầu khí, năng lượng tái tạo

Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu các khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cẩu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- Công trường thi công chính tại Vũng Tàu với diện tích gần 160 ha. Ngoài ra, PTSC còn có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Thanh Hóa với diện tích trên 40 ha.
- Hệ thống cầu cảng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Riêng tại Vũng Tàu có cầu cảng dài gần 1.000 mét được thiết kế 03 đường trượt chuyên dụng cho công tác thi công, hạ thủy các cấu kiện dầu khí lớn (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) với tải trọng phân phối trên khu vực mở trên 50 tấn/m².
- Hệ thống nhà xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc được đầu tư đồng bộ và hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000 m²), phân xưởng có mái che (22.000 m²), xưởng phun làm sạch (8.000 m²), xưởng sơn có mái che (3.500 m²)... Đặc biệt, năm 2024 vừa qua PTSC đã đầu tư 6 xưởng sơn mới (gần 6.800m²) với chiều cao tối đa lên đến gần 45m, được trang bị những thiết bị hiện đại với công nghệ tiên tiến nhất, sẵn sàng phục vụ công tác sơn chống ăn mòn cho các cấu kiện chân đế của các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cẩu từ 50 - 550, 1.200 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển:

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1.	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6 m, chiều rộng 31,7 m, chiều cao mạn 7,3 m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
2.	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3.	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Hệ thống Xưởng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa được đầu tư phương tiện trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị có hàm lượng kỹ thuật cao như máy nén khí (Gas Compressor), máy phát điện, van, thiết bị trao đổi nhiệt, thiết bị bình bồn công nghệ của các công trình dầu khí và các công trình công nghiệp trên bờ.

Cơ sở vật chất phục vụ các công tác khảo sát

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, địa vật lý, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1.	Tàu khảo sát địa chất Bình Minh	Tàu có hệ thống định vị động học DP1, chiều dài 61,0 m, chiều rộng 14,95 m, mớn nước 4,8 m, tổng dung tích 1624 GT; Tổng công suất máy chính $2 \times 2753 = 5506$ HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống khoan khảo sát địa chất công trình trên biển và hệ thống tời 4 điểm neo.
2.	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Researcher	Chiều dài 50,3 m, chiều rộng 11,58 m, mớn nước 4,27 m, tổng dung tích 798 GT; Tổng công suất máy chính $2 \times 1200 = 2400$ HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
		Tàu được trang bị hệ thống thiết bị khảo sát địa vật lý bao gồm khảo sát Analogue và địa chấn phân giải cao.
3.	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 1.000m.
4.	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass (02 thiết bị)	ROV Quasar Compact 007 và ROV II-30 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000 m-3.000 m. Trong đó, ROV II-30 vừa được đầu tư trong năm 2021, công suất 150HP thuộc loại mạnh và hiện đại nhất Việt Nam hiện nay.



2.5 TẦM NHÌN- SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành thương hiệu toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng, trọng tâm là dịch vụ kỹ thuật dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Sứ mệnh

- Cung cấp giải pháp toàn diện và tối ưu, mang lại giá trị gia tăng vượt trội cho khách hàng và đối tác.
- Phát huy văn hóa doanh nghiệp đặc sắc PTSC, truyền cảm hứng sáng tạo và khơi dậy tiềm năng người lao động.
- Chủ động nắm bắt xu hướng chuyển dịch năng lượng, đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

Giá trị cốt lõi

- **Proactivity** (Chủ động): “Chúng tôi không chờ đợi tương lai, mà chủ động kiến tạo nó.”

Tinh thần chủ động giúp chúng tôi đón đầu cơ hội, vượt qua thách thức và luôn tiến về phía trước với kế hoạch rõ ràng.

- **Trust** (Tin cậy): “Niềm tin là nền tảng của mọi mối quan hệ.”

Chúng tôi tạo dựng uy tín và niềm tin dựa trên sự chính trực và thực thi cam kết.

- **Sustainability** (Bền vững): “Phát triển hôm nay, bảo vệ ngày mai.”

Chúng tôi cam kết xây dựng một tương lai bền vững bằng cách cân bằng lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

- **Collaboration** (Hợp tác): “Cùng nhau, chúng ta sẽ tạo ra những giá trị lớn hơn.”

Chúng tôi tin rằng hợp tác chặt chẽ, chia sẻ trách nhiệm và gắn kết sẽ đạt được thành công vượt trội.

2.6 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Quan điểm phát triển

Giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035

- Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín - nhà cung cấp giải pháp trọn gói hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng với trọng tâm là ngành dầu khí và Năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động, góp phần xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Tính chuyên nghiệp là tiêu chí hàng đầu quyết định sự thành công của thương hiệu PTSC. Tạo niềm tin cho cổ đông, khách hàng, đối tác để gia tăng sức mạnh, lợi thế cạnh tranh cho PTSC. Xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực lớn mạnh, đa dịch vụ đảm bảo phát triển ổn định, bền vững trong chuỗi giá trị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Luôn đổi mới, sáng tạo sẵn sàng chủ động hội nhập để chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Năng lượng, công nghiệp mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới, có đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Phần đầu trở thành 1 trong 3 đơn vị dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Năng lượng hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu tổng quát

- **Về dài hạn:** Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là trụ cột cốt lõi và đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng công ty trong đó có lĩnh vực điện gió ngoài khơi.
- **Về trung và ngắn hạn:** Giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ, kết hợp các mảng dịch vụ chính của PTSC, tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn nhưng có dấu hiệu hồi phục để xây dựng, hoàn thiện các kịch bản và kế hoạch thu xếp vốn, củng cố năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.

2.7 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 ĐỐI TÙNG LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Dịch vụ tàu chuyên ngành Dầu khí

- Duy trì ổn định hiệu quả hoạt động SXKD đội tàu dịch vụ PTSC và đội tàu thuê ngoài, trong đó lấy nguồn lực nội bộ đội tàu PTSC là chủ đạo.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu PTSC phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính của PTSC để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu PTSC. Tổ chức tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đội tàu và các trang thiết bị trên tàu nhằm đảm bảo phương tiện luôn trong tình trạng kỹ thuật tốt, đáp ứng thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.

Dịch vụ phương tiện nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/FPSO/ MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)

- Quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các kho nổi FPSO/FSO đang có Hợp đồng, đảm bảo thời gian làm việc liên tục, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng.
- Tăng cường công tác marketing, tiếp cận các khách hàng, đặc biệt theo dõi sát tiến trình khai thác các mỏ mới. Tích cực làm việc với các bên liên quan, chuẩn bị nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án cung cấp FPSO/FSO.

Dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp

- Bám sát các dự án trọng điểm trong nước, tiếp cận hỗ trợ khách hàng/ chủ đầu tư từ những giai đoạn sớm để tăng cơ hội được chọn lựa làm nhà thầu EPC/EPCI. Tiếp tục đề xuất với các ban bộ chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước liên ngành

để thúc đẩy việc ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ ngành dầu khí trong nước.

- Tập trung theo đuổi các khu vực thị trường tiềm năng, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác bản địa để gia tăng khả năng thâm nhập và cung cấp dịch vụ cho thị trường.

Dịch vụ căn cứ Cảng

- Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả, tiếp tục phát huy các dịch vụ thế mạnh tại các căn cứ Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, Cảng DVĐK Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1,2 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La, Cảng PTSC Đình Vũ, Cảng Nghi Sơn, Cảng Sơn Trà. Nghiên cứu, mở rộng và phát triển năng lực các dịch vụ hậu cần, dịch vụ hỗ trợ khác gắn liền với căn cứ cảng góp phần đa dạng hóa và nâng cao tỷ trọng doanh thu từ loại hình dịch vụ này.
- Nghiên cứu sắp xếp kho bãi, cầu cảng và đầu tư thiết bị phù hợp, đẩy mạnh việc marketing khả năng tiếp nhận tàu tại cảng hạ lưu PTSC tới 20.000 DWT, bãi chứa hàng hóa 3-5 ha cùng các phương tiện vận chuyển, cầu hạng nặng tới các khách hàng tiềm năng để cung cấp các dịch vụ trung chuyển hàng hóa, thiết bị, module từ nước ngoài về Việt Nam trước khi chuyển đi lắp đặt.
- Sắp xếp lại mặt bằng cụm Cảng hạ lưu PTSC tại Vũng Tàu khoa học, phù hợp để có thể triển khai đồng loạt các dự án lớn trong và ngoài ngành dầu khí, đặc biệt là các dự án điện gió ngoài khơi và tận dụng được tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị của các Đơn vị tại đây trong việc triển khai dự án, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Dịch vụ lắp đặt, đấu nối, vận hành, bảo dưỡng và tháo dỡ các công trình dầu khí

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực có sẵn duy trì thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí ngoài biển cũng như trên đất liền; hợp tác với các nhà thầu nước ngoài để thực hiện các dự án lắp đặt công trình dầu khí và công trình công nghiệp, công trình ngầm; đầu tư nâng cao năng lực phương tiện thiết bị, chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực và năng lực quản lý để tiến tới tự đảm nhận thực hiện trọn gói các dự án lắp đặt, đấu nối chạy thử, hoán cải, thu dọn mỏ cho các công trình dầu khí trên biển và đất liền.
- Đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là các nhân lực quản lý chủ chốt theo yêu cầu khắt khe trong các dự án bảo dưỡng tổng thể các nhà máy chế biến dầu khí lớn. Tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống nhà xưởng theo định hướng phát triển các dịch vụ chuyên sâu kỹ thuật cao để từng bước chiếm lĩnh thị phần.
- Đẩy mạnh số hóa trong công tác quản lý vận hành bảo dưỡng tại PTSC, tiến tới tích hợp các ứng dụng quản lý vận hành bảo dưỡng về một giải pháp duy nhất để nâng cao hiệu quả quản lý.

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm

- Giữ vững và phát triển thị phần cung cấp dịch vụ khảo sát trong nước. Tăng cường công tác marketing cung cấp dịch vụ ra nước ngoài và ngoài ngành; chủ động tìm kiếm cơ hội kinh doanh, nắm bắt kịp thời nhu cầu khảo sát của Công ty dầu khí tại thị trường Đông Nam Á, khu vực Trung Đông... Nghiên cứu hợp

tác với các đối tác có uy tín để phát triển các loại hình dịch vụ khảo sát mới, đặc biệt là các dịch vụ khảo sát phục vụ dự án phát triển năng lượng tái tạo.

- Nâng cao hơn nữa tính chủ động trong việc cung cấp dịch vụ, tăng tỷ trọng khối lượng công việc tự thực hiện để tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh trong việc đấu thầu cung cấp dịch vụ, tiến tới mục tiêu hoàn toàn tự thực hiện dịch vụ khảo sát biển cho khách hàng.

Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực điện gió, năng lượng tái tạo ngoài khơi

- Nghiên cứu, bám sát các chính sách thúc đẩy chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, sạch, bền vững, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo của Chính phủ, đảm bảo phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia.
- Tăng cường tiếp cận và hợp tác với đối tác nước ngoài có uy tín để tham gia vào chuỗi cung ứng, đầu tư, triển khai các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực trên nguyên tắc phát huy tối đa sức mạnh tổng thể của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thế mạnh chuỗi dịch vụ của PTSC, thu về tối đa nguồn công việc cho PTSC cả trong giai đoạn đầu tư và vận hành khai thác.

Phát triển dịch vụ ra nước ngoài

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ cung cấp tàu chuyên ngành dầu khí, dịch vụ cơ khí dầu khí, dịch vụ kho nổi FSO/FPSO, dịch vụ khảo sát ra nước ngoài, đặc biệt tập trung vào khu vực chông lún giữa Việt Nam, các nước trong khu vực, các nước Trung Đông và các quốc gia Việt Nam có mối quan hệ tốt.
- Xây dựng và phát triển mạng lưới các Nhà cung cấp bản địa tại các thị trường nước ngoài thông qua nhiều hình thức như liên danh, liên kết để tối đa nội địa hóa (local content) cho các gói thầu/dịch vụ của PTSC, đáp ứng các yêu cầu bảo hộ ngày càng khắt khe của các nước bản địa
- Thành lập thêm các đơn vị của PTSC tại các nước trong khu vực tùy theo quy mô dịch vụ PTSC đang cung cấp cũng như các cơ hội kinh doanh phù hợp tại các thị trường tiềm năng.



III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1.1 ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Bối cảnh thực hiện

Năm 2024, kinh tế vĩ mô và thị trường quốc tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và biến động phức tạp. Xung đột giữa Nga và Ukraine vẫn kéo dài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung năng lượng và lương thực toàn cầu. Bên cạnh đó, căng thẳng leo thang giữa Israel và Hamas tại Trung Đông đã làm trầm trọng thêm tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới, gia tăng áp lực lên thương mại và đầu tư quốc tế. Biến đổi khí hậu và chi phí năng lượng tăng cao cũng đặt ra những thách thức đáng kể cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong nước, việc đầu tư vào các dự án thăm dò, khai thác và gia tăng trữ lượng dầu khí tiếp tục gặp nhiều trở ngại. Mặc dù vậy, đến cuối năm 2024, chuỗi dự án khí điện Lô B - Ô Môn đã bắt đầu được triển khai, mang lại kỳ vọng tích cực về nguồn cung năng lượng ổn định cho nền kinh tế. Ngoài ra, giá xăng dầu, nguyên vật liệu và chi phí vận tải vẫn biến động mạnh, tiếp tục ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực SXKD, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật như PTSC, đặt ra yêu cầu cho PTSC cần thích ứng linh hoạt và đổi mới để phát triển.

Đánh giá kết quả thực hiện

Trong bối cảnh đó, PTSC đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động SXKD, tập trung tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế. Nhiều phương tiện và thiết bị đã được tổ chức đưa đi làm việc tại nước ngoài, mang lại hiệu quả cao. Đồng thời, PTSC cũng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cơ khí năng lượng tái tạo ngoài khơi hiện tại, tăng cường tham gia đấu thầu các dự án mới nhằm đảm bảo nguồn công việc ổn định trong tương lai. Đặc biệt, sau khi được trao thầu, PTSC đã nhanh chóng tập trung nguồn lực để triển khai các gói thầu Dự án Lô B đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Các hoạt động SXKD của PTSC tiếp tục được tổ chức an toàn, hiệu quả, góp phần hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2024, mang lại nền tảng vững chắc để phát triển trong các năm tiếp theo.

1.2 ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt % (so với KH năm)	Đạt % (so với năm trước)
1.	Doanh thu hợp nhất	21.742	15.500	24.986	161,2%	114,9%
2.	Lợi nhuận trước thuế	1.277	858	1.553	181,0%	121,6%
3.	Lợi nhuận sau thuế	1.060	660	1.255	190,1%	118,4%
4.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	843	600	1.318	219,7%	156,3%

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ-PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt % (so với KH năm)	Đạt % (so với năm trước)
1.	Vốn điều lệ	4.780	4.780	4.780	100,0%	100,0%
2.	Doanh thu	11.334	7.000	13.236	189,1%	116,8%
3.	Lợi nhuận trước thuế	1.287	660	1.672	253,3%	129,9%
4.	Lợi nhuận sau thuế	1.123	465	1.455	312,8%	129,5%
5.	Tỷ suất LNST/VĐL	23,50%	9,73%	30,43%	312,8%	129,5%
6.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	513	330	626	189,7%	122,1%
7.	Thực hiện đầu tư	416	1.823	627	34,4%	150,8%

Đánh giá chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Năm 2024, PTSC tiếp tục tận dụng các cơ hội từ xu hướng chuyển dịch năng lượng để mở rộng danh mục dịch vụ cung cấp, tham gia sâu hơn vào các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và đẩy mạnh hoạt động tại thị trường quốc tế. Tổng công ty đã mở rộng cung cấp dịch vụ tại các khu vực trọng điểm như Trung Đông, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia..., qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh. Doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2024 là **24.986 tỷ đồng**, đạt 161% kế hoạch năm 2024, tăng 15% so với thực hiện năm 2023. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2024 là **1.553 tỷ đồng**, đạt 181% kế hoạch năm 2024, tăng 22% so với thực hiện năm 2023. Tỷ trọng doanh thu cung

cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2024 đạt **trên 50%**, tiếp tục đóng góp lớn trong cơ cấu doanh thu của PTSC.

Những thành tựu đạt được trong năm qua là minh chứng rõ nét cho tầm nhìn chiến lược và sự nỗ lực bền bỉ của Ban Lãnh đạo cùng tập thể người lao động PTSC. Tổng công ty đã quyết liệt triển khai các biện pháp quản lý, tái cấu trúc mạnh mẽ để thúc đẩy kinh doanh, tối ưu hiệu quả hoạt động, kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm tối đa chi phí. Những nỗ lực này không chỉ giúp PTSC ứng phó linh hoạt với biến động thị trường mà còn đảm bảo duy trì ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động SXKD.

1.3 ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CỐT LÕI

Dịch vụ Cung ứng Tàu chuyên dụng

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.596 tỷ đồng, đạt 185% Kế hoạch năm 2024, tăng 30% so với thực hiện năm 2023.

Trong năm 2024, PTSC tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh phát triển thị trường ngoài nước và đã tổ chức đưa nhiều lượt tàu dịch vụ đi làm việc ở nước ngoài (Trung Đông, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia...), chủ động tiếp cận thị trường các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi để kịp thời tham gia cung cấp tàu dịch vụ.

PTSC đã thực hiện hiệu quả việc cung cấp tàu dịch vụ trực sự cố tràn dầu, trực an ninh, an toàn, PCCC, lai dặt cho NMLD Dung Quất, Nhà máy LHD Nghi Sơn đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.792 tỷ đồng, đạt 140% Kế hoạch năm 2024, tăng 7% so với thực hiện năm 2023.

PTSC và các đối tác đồng sở hữu đã thực hiện tốt dịch vụ cung cấp cho thuê FSO/FPSO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng (FPSO PTSC Lam Sơn cho Lô 01/97&02/97, FPSO Ruby II cho Lô 01/17&02/17, FSO PTSC Biển Đông 1 cho Mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, FSO Orkid cho Vùng chông lán PM3-CAA Malaysia, FSO Rong Doi MV12 cho Mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây, FSO Golden Star cho Mỏ Sao Vàng Đại - Nguyệt). Trong đó, PTSC đảm nhận toàn bộ phần việc O&M cho một số dự án, tỷ lệ khai thác liên tục đạt gần 100% và cao hơn quy định của hợp đồng. Duy trì cung cấp, quản lý, khai thác, vận hành an toàn kho nổi LPG lạnh Viet Dragon 68 đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng. Những thành tựu này khẳng định năng lực vượt trội của PTSC trong lĩnh vực cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác tàu chứa FSO/FPSO.

Đặc biệt ngày 01/12/2024, PTSC đã được Chủ đầu tư Murphy Cuu Long Bac Oil Co., Ltd tin tưởng trao Hợp đồng cung cấp FSO cho Dự án Lạc Đà Vàng, với sức chứa thiết kế 500.000 thùng dầu thô, dự kiến được đưa vào vận hành vào nửa cuối năm 2026.

Đối với dịch vụ cung cấp nhân lực, PTSC tiếp tục cung cấp các nhân sự thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, vận hành và bảo dưỡng FPSO/FSO cho các khách hàng đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 17.227 tỷ đồng, đạt 215% Kế hoạch năm 2024, tăng 49% so với thực hiện năm 2023. Trong đó, doanh thu các dự án cơ khí dầu khí là 9.998 tỷ đồng, doanh thu các dự án xây lắp công nghiệp là 1.312 tỷ đồng và doanh thu các dự án cơ khí năng lượng tái tạo là 5.917 tỷ đồng.

Dịch vụ cơ khí dầu khí: Trong năm, PTSC đã thực hiện an toàn, hiệu quả các dự án cơ khí dầu khí lớn, cơ bản hoàn thành Dự án Gallaf Batch 3 EPCI5 (Tổng khối lượng 19.300 MT). Đồng thời, PTSC tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các hạng mục công việc của Dự án Lô B (Gói EPCI#1: bắt đầu thi công cho Chân đế giàn công nghệ trung tâm CPP vào ngày 18/09/2024, Chân đế giàn nhà ở ngày 01/11/2024 và Khối thượng tầng giàn công nghệ trung tâm CPP ngày 01/12/2024; Gói EPCI#2: bắt đầu thi công 4 chân đế và 4 khối thượng tầng giàn đầu giếng và các giàn thu gom vào ngày 18/09/2024; Gói SWEPC), Dự án Lạc Đà Vàng (Dự án đã tổ chức lễ khởi công ngày 16/10/2024).

Dịch vụ xây lắp công nghiệp: PTSC đã tập trung nguồn lực, tổ chức thực hiện tốt, an toàn, hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ Dự án Hệ thống cung cấp nhiên liệu tàu bay – Cảng HKQT Long Thành.

Dịch vụ cơ khí năng lượng tái tạo: Trong năm 2024, PTSC đã cơ bản hoàn thành các công việc của Dự án Hải Long OSS (gồm 2 trạm biến áp ngoài khơi HL2 OSS và HL3 OSS với tổng khối lượng 20.534 MT) và Dự án chế tạo và cung cấp chân đế điện gió ngoài khơi Đài Loan - CHW2204 (ngày 01/12/2024 đã hạ thủy và bàn giao lô 4 chân đế đầu tiên cho Khách hàng. Đây là một cột mốc lịch sử, không chỉ đối với PTSC mà còn cho cả ngành công nghiệp năng lượng tái tạo của Việt Nam qua đó khẳng định năng lực của PTSC trong việc tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ đối tác quốc tế). Tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện an toàn, hiệu quả Dự án Baltica 02 (ngày 27/11/2024 Dự án đã tổ chức lễ khởi công và bắt đầu thực hiện giai đoạn thi công, chế tạo). Đặc biệt, sau Dự án CHW2204, vừa qua PTSC đã tiếp tục trúng thầu Dự án cung cấp chân đế trụ điện gió ngoài khơi mới quy mô lớn hàng trăm triệu USD cho khách hàng quốc tế tại thị trường Châu Á - Thái Bình Dương. Việc thắng thầu khẳng định tầm cao mới của thương hiệu PTSC với vị thế nhà cung cấp dịch vụ NLTTNK uy tín, chất lượng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.156 tỷ đồng, đạt 144% Kế hoạch năm 2024, tăng 28% so với thực hiện năm 2023.

Trong năm 2024, hoạt động SXKD tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu tiếp tục được tổ hiệu quả, đảm bảo cung ứng đầy đủ phương tiện/ thiết bị, đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ nâng hạ, vận chuyển hàng hóa cho khách hàng tại cảng, đồng thời tích cực mở rộng cung cấp các dịch vụ ra thị trường bên ngoài để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

Các hoạt động SXKD tại các cảng tổng hợp của Tổng công ty PTSC gồm Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Cảng Hòn La, Bến số 1 Cảng Dung Quất, Cảng Nghi Sơn được duy trì ổn định.

Hoạt động của Cảng Đình Vũ vẫn tiếp tục khó khăn do phải chia sẻ thị phần với một số cảng mới hình thành trong khu vực tạo nên cạnh tranh khốc liệt về giá dịch vụ.

Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí:

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 3.016 tỷ đồng, đạt 163% Kế hoạch năm 2024, tăng 51% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu lĩnh vực này tăng mạnh do PTSC tích cực tham gia chào thầu và thực hiện nhiều dự án cho các Khách hàng tại khu vực Trung Đông, Thái Lan, Malaysia, ...

Trong năm 2024, PTSC đã hoàn thành một số dự án như Dự án Gallaf 3 phase B1, Dự án tháo tách FPSO MV19, Dự án HL-D1 Hai Long Offshore và tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện các dự án: Dự án Offshore Brownfield GLF3 CPP phase A2, Dự án GLF3 Phase B2 Execution, Dự án PS3-Brownfield Constructability Study. Bên cạnh đó, PTSC cũng đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai Dự án Lạc Da Vàng Pipeline Project.

Các sà lan vận chuyển (PTSC 01), sà lan nhà ở (POS1) trong năm được huy động cho Khách hàng nước ngoài thuê với hiệu suất khai thác cao góp phần tăng hiệu quả hoạt động SXKD.

Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục cung cấp an toàn, hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn/ngắn hạn cho các công trình dầu khí/các Khách hàng.

Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình ngầm bằng ROV

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 525 tỷ đồng, đạt 150% Kế hoạch năm 2024, tăng 15% so với thực hiện năm 2023.

Trong năm, PTSC đã tổ chức thực hiện tốt các công việc, hợp đồng, dự án khảo sát địa chất, địa vật lý và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV như: Dự án khảo sát ĐCCT phục vụ dự án xây cầu Bataan – Cavite Interlink ngoài khơi Philippines; các dự án khảo sát ĐVL & ĐCCT cho Khách hàng; các dự án khảo sát và sửa chữa điểm treo ống STV-RĐ-BH-LH, TGT-BH, RP3-RC1, TU-SV & NCS2; ... Đặc biệt, trong năm 2024, PTSC đã thành công cung cấp hai ROV cho khách hàng tại khu vực Trung Đông. Các thiết bị này đã được huy động trong thời gian dài, đáp ứng tốt yêu cầu kỹ thuật và tiến độ của dự án, qua đó thể hiện năng lực cung cấp dịch vụ chất lượng cao của PTSC,

đồng thời góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động SXKD và khẳng định vị thế của PTSC trong việc cung cấp dịch vụ cho thị trường quốc tế.

PTSC tiếp tục tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả Tàu PTSC Researcher, Tàu Bình Minh và các thiết bị ROV phục vụ các hoạt động khảo sát địa chất và khảo sát sửa chữa công trình ngầm cho các Khách hàng.

Bên cạnh đó, PTSC đang tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan để hoàn thành giải thể Liên doanh PTSC CGGV.

1.6 ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Công tác đầu tư của Công ty mẹ - PTSC

Công ty mẹ PTSC đã tập trung nguồn lực triển khai tốt các hạng mục trong kế hoạch đầu tư năm 2024 được phê duyệt. Một số dự án đầu tư quan trọng đã được Công ty mẹ triển khai như sau:

- Hoàn thành đầu tư 01 tàu dịch vụ dầu khí.
- Tiếp tục tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản như: dự án Bến số 3 - cảng tổng hợp Dung Quất; Nhà văn phòng dự án...
- Triển khai đầu tư các phương tiện thiết bị phục vụ thi công dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và dầu khí.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2024 của Công ty mẹ PTSC là 627 tỷ đồng, đạt 34,4% kế hoạch năm. Tuy kết quả đầu tư thực hiện trong năm 2024 còn thấp so với kế hoạch năm nhưng công tác đầu tư năm 2024 của PTSC đã có nhiều bước đột phá lớn với kết quả thực hiện cao hơn nhiều so với những năm gần đây, tăng gần 51% so với thực hiện năm 2023.

Công tác đầu tư của các Công ty con – PTSC

Công tác đầu tư của các Công ty con – PTSC tiếp tục được chú trọng với tổng giá trị đầu tư thực hiện đạt hơn 294 tỷ đồng, bằng 77% so với năm 2023. Nhiều hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị, phần mềm được hoàn thành đầu tư và có tác dụng hỗ trợ tích cực cho các hoạt động SXKD của các Đơn vị trong năm.

1.7 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025
1.	Doanh thu hợp nhất	22.500
2.	Lợi nhuận trước thuế	1.000
3.	Lợi nhuận sau thuế	780
4.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	720

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ - PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025
1.	Vốn điều lệ	5.114
2.	Doanh thu	11.000
3.	Lợi nhuận trước thuế	850
4.	Lợi nhuận sau thuế	680
5.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	400
6.	Thực hiện đầu tư	2.509

1.8 ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ST T	Các chỉ tiêu	ĐVT	2023	2024
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.80	1.71
	+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.64	1.58
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.49	0.57
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.95	1.31
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	14.32	13.76
	+ Vòng quay Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	Lần	0.91	0.64
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	4,46%	6,48%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu.	%	7,83%	8,51%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.	%	4,01%	3,68%
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,10%	4,91%

Hiệu quả sinh lời và thanh khoản

Các chỉ tiêu sinh lời tăng trưởng cho thấy hoạt động SXKD của PTSC đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với trước đây. Các chỉ tiêu thanh khoản ngắn hạn cũng tăng, không chỉ đảm bảo vượt mức an toàn theo quy định tài chính nội bộ của PTSC mà còn đáp ứng các chuẩn mực chung về quản trị tài chính. Điều này thể hiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt, giảm rủi ro mất cân đối tài chính.

Cơ cấu vốn lành mạnh

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản duy trì ở mức thấp. Điều này chứng tỏ PTSC chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ vốn chủ sở hữu, hạn chế phụ thuộc vào vốn vay, vì vậy PTSC không chịu nhiều áp lực tài chính, giảm thiểu rủi ro từ lãi vay hay biến động thị trường vốn.

Hiệu quả hoạt động

Việc duy trì cơ cấu vốn hợp lý kết hợp với hiệu quả sinh lời tích cực phản ánh PTSC hoạt động ổn định, có năng lực tài chính vững chắc, có nền tảng tài chính lành mạnh và bền vững.

Đánh giá chung về tình hình tài chính:

Sự tăng trưởng của các chỉ tiêu sinh lời cùng với việc cải thiện thanh khoản ngắn hạn không chỉ giúp PTSC vượt mức an toàn theo quy chế tài chính nội bộ mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn chung về quản trị tài chính. Đặc biệt, với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản luôn duy trì ở mức thấp cho thấy sự chủ động về nguồn vốn, ít phụ thuộc vào nợ vay, giảm áp lực tài chính. Điều này không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động SXKD của PTSC mà còn khẳng định tình hình tài chính lành mạnh và bền vững.

Các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể năm 2025

1. Tối đa các nguồn lực mạnh nhất của PTSC nhằm phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới để phát huy thế mạnh chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC, nằm trong chuỗi liên kết của PVN. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi đảm bảo lợi thế cạnh tranh của PTSC cho các khách hàng ngoài ngành, ngoài nước. Tích cực tham gia đấu thầu, xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh, liên kết phù hợp với thế mạnh của PTSC.
2. Tập trung triển khai các phương thức quản trị: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số,...; Quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại.
3. Tập trung kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả, đặc biệt các trung tâm chi phí lớn; giảm thiểu những thiệt hại do tác động của thị trường...

4. Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố hệ thống quản trị danh mục đầu tư; quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt; đầu tư có trọng điểm tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi. Rà soát đầu tư và đánh giá kỹ nhu cầu thị trường khách hàng; bám sát thực tế bảo đảm hiệu quả và khả năng thực hiện. Đẩy mạnh triển khai quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm đón đầu dịch vụ mới. Tập trung thực hiện quyết toán các dự án đã hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.
5. Đẩy mạnh nghiên cứu, tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo (điện gió, thủy triều...) khu vực ngoài khơi và tham gia thi công, thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo phù hợp với năng lực, kinh nghiệm hiện có. Nghiên cứu hợp tác với các nhà đầu tư tiềm năng xây dựng chuỗi cung ứng (supply chain) cho các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực.
6. Tiếp tục Tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, tập trung vào hiệu quả, đúng người đúng việc đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước.
7. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC.
8. Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất. Nâng cấp, mở rộng khai thác hiệu quả phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành SXKD. Thực hiện chuyển đổi số và đầu tư hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.
9. Duy trì công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của PTSC đầu tư tại doanh nghiệp khác. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ và hỗ trợ kịp thời các đơn vị gặp khó khăn, xử lý những tồn tại vướng mắc trong hoạt động SXKD. Tiếp tục xử lý các khoản nợ tồn đọng, quá hạn; Cân đối dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán và gia tăng hiệu quả trong hoạt động SXKD.
10. Duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường. Tổ chức triển khai thường xuyên công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, đảm bảo môi trường lao động. Tuyên truyền giáo dục công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
11. Triển khai công tác An sinh xã hội, truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời gắn liền với quảng bá các lĩnh vực dịch vụ và thương hiệu của PTSC. Duy trì và bảo đảm sự phát triển bền vững của đơn vị, gắn hoạt động SXKD với bảo vệ chủ quyền an ninh Quốc gia, bảo vệ môi trường.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2024, tình hình thế giới có dấu hiệu phục hồi và cải thiện so với các dự báo trước đó, song vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và bất định. Căng thẳng địa chính trị tiếp tục leo thang, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm về dầu khí như Biển Đỏ, Nga – Ukraine và Dải Gaza. Xung đột kéo dài khiến giá hàng hóa, nhiên liệu, nguyên liệu đầu vào và chi phí vận tải tăng cao, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gia tăng áp lực lên chi phí sản xuất. Tình hình trong nước, ngành dầu khí Việt Nam đối diện nhiều thách thức do xu hướng chuyển dịch sang năng lượng tái tạo. Các lĩnh vực dịch vụ truyền thống của Tổng công ty PTSC, bao gồm dịch vụ tàu, cảng – căn cứ hậu cần, cơ khí, O&M các công trình dầu khí... tiếp tục gặp khó khăn với khối lượng công việc sụt giảm đáng kể.

Trước bối cảnh thị trường đầy thách thức, HĐQT cùng Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt, xây dựng Chương trình hành động linh hoạt, triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó với biến động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ. Nhờ đó, PTSC từng bước vượt qua khó khăn và hướng đến việc hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ đề ra.

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động tuân thủ chặt chẽ Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng luôn bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền nhằm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty.

Mọi thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ, phát huy vai trò lãnh đạo và chủ động tìm kiếm cơ hội đóng góp vào sự phát triển của PTSC. Thành viên độc lập HĐQT thực hiện nhiệm vụ với sự tận tâm, cam kết cao, đảm bảo quyền lợi của cổ đông thiểu số, đồng thời xem xét kỹ lưỡng các vấn đề thuộc thẩm quyền để đưa ra quyết định tối ưu.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc lãnh đạo tập thể, thể hiện qua các nghị quyết, quyết định và văn bản chính thức. Mỗi thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân đối với phần việc được phân công và đồng thời cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐC cũng như trước pháp luật về các quyết định của HĐQT liên quan đến sự phát triển của PTSC. HĐQT giao nhiệm vụ cho TGD tổ chức và điều hành việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Các hoạt động nổi bật của HĐQT trong năm 2024

HQĐT đã chỉ đạo tổ chức thành công phiên Họp ĐHĐCĐ bất thường và thường niên với sự thống nhất cao của Cổ đông và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết số 50/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2024 và 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2024 của ĐHĐCĐ giao, với kết quả như sau:

- Hoàn thành Kế hoạch tài chính năm 2024 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ giao;

- Tổng công ty đã ký kết Hợp đồng và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với Công ty TNHH PwC (Việt Nam), tuân thủ Quy định hiện hành;
 - Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho Cổ đông, thực hiện chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, tuân thủ quy định;
 - Hoàn thành Phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC vào Tổng công ty PTSC, và công bố thông tin về việc thành lập Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC.
 - Tình hình triển khai Hợp đồng Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc (EPCI#1) với Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 50/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ như nêu sau đây.
- + Tiến độ tổng thể của Dự án EPCI#1 tính đến hết tháng 01/2025 đã hoàn thành 15,76% (vượt 0,59% so với Kế hoạch);
- + Dự án đã đạt được mốc 1.336.125 giờ an toàn (tính đến ngày 31/01/2025) và không xảy ra bất kỳ sự cố nào;
- + Liên danh nhà thầu McDermott và PTSC tiếp tục thực hiện Dự án theo quy định của Hợp đồng và cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện tại các phiên Họp thường niên.

Các cuộc họp của HĐQT, nội dung, kết quả các cuộc họp:

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp, triển khai Chương trình giám sát năm 2024 của HĐQT đối với 03 Đơn vị là Công ty PTSC M&C, Công ty PV Shipyard, Công ty PTSC Thanh Hóa và 77 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản để thống nhất, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT, Phiếu lấy ý kiến	Lý do
1	Ông Phan Thanh Tùng	CT.HĐQT/ TV.HĐQT	81/82	Là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) tại PTSC, không tham gia biểu quyết đối với 01 Nội dung lấy ý kiến về các Hợp đồng, Giao dịch với Người có liên quan (NCLQ) của Tập đoàn.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT, Phiếu lấy ý kiến	Lý do
2	Ông Lê Mạnh Cường	TV.HĐQT	81/82	Đi công tác.
3	Ông Nguyễn Xuân Ngọc	TV. HĐQT	82/82	
4	Ông Đỗ Quốc Hoan	TV. HĐQT	82/82	
5	Ông Trần Ngọc Chương	TV. HĐQT	82/82	
6	Ông Hoàng Xuân Quốc	TV độc lập HĐQT	80/82	Đi công tác.
7	Ông Đoàn Minh Mẫn	TV độc lập HĐQT	81/82	Đi công tác.

Các quyết định của HĐQT phù hợp quy định và thực tế tình hình SXKD, Chiến lược phát triển của Tổng công ty, định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động. Tổng cộng 320 văn bản trong đó có 140 Nghị quyết, Quyết định và 180 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

Công tác đào tạo

Các Thành viên HĐQT của Tổng công ty tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo về quản trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức, đảm bảo đúng thành phần theo quy định. Trong năm 2024, HĐQT đã tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu như "Bồi dưỡng kiến thức Cải tiến, Quản lý tinh gọn", "Xây dựng và Quản trị chiến lược", cùng các buổi tọa đàm chuyên đề về “Kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ” được tổ chức định kỳ hàng quý bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Đánh giá hoạt động của các Thành viên HĐQT

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung trong các hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ với kết quả cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quy định hiện hành trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình, Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm; chỉ đạo tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ bất thường và thường niên 2024; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp, thảo luận, làm việc trực tiếp, trực tuyến theo các chuyên đề, dự án, công việc quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo nâng cao công tác quản trị biến động, quản trị rủi ro, đặc biệt những tác động tới thị trường năng lượng toàn cầu, tình trạng

khủng hoảng thị trường vốn, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá, xung đột địa chính trị,...đề có các định hướng, giải pháp trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty, Đơn vị; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh vực SXKD, giám sát các Đơn vị đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành Tổng công ty; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2024.
- Các Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác cải tiến hệ thống quản lý, công tác giao dịch, quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan theo quy định.
- Thành viên độc lập HĐQT cùng với các Thành viên trong HĐQT đã tích cực thảo luận, đưa ý kiến trong quá trình xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT Tổng công ty trong năm 2024, công tác quản trị rủi ro, phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan, giao dịch liên kết theo quy định.
- Các Thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản trị do UBCKNN, Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN và các cơ quan liên quan tổ chức, đầy đủ và đúng thành phần quy định.

2.2 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT biểu dương, đánh giá rất cao sự nỗ lực thay đổi, thích nghi với khó khăn, thách thức, chuyển đổi linh hoạt, đoàn kết, quyết tâm, chung sức, chung lòng của Ban Điều hành, Tập thể Lãnh đạo Tổng công ty trong bối cảnh toàn thị trường trong và ngoài nước rất khó khăn, với kết quả đạt được như sau:

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt.
- Chỉ đạo, điều hành đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tế tiến diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.

- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.
- Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số vào trong quản lý, SXKD; hoàn tất xây dựng Chiến lược Chuyển đổi số của Tổng công ty; triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty đã đề ra, khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty mẹ đối với toàn tổ hợp.
- Thực hiện công tác an sinh xã hội trong năm 2024 là **34,07 tỷ đồng**

2.3 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục phục hồi nhưng không đồng đều, chịu tác động mạnh từ căng thẳng thương mại, địa chính trị và xung đột quân sự. Đặc biệt, chính sách “Nước Mỹ trên hết” có thể ảnh hưởng sâu rộng đến thương mại toàn cầu và chuỗi cung ứng tại khu vực châu Á. Tuy nhiên, trong bối cảnh đầy thách thức này, Việt Nam vẫn có cơ hội tận dụng lợi thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và đẩy mạnh hội nhập kinh tế. Đây cũng là năm bản lề để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho sự bứt phá, hướng đến mục tiêu tăng trưởng 8% mà Chính phủ đã đề ra. Nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu năm 2025, HĐQT Tổng công ty xác định các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chiến lược như sau:

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2024, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Tổng công ty, tạo nền tảng vững chắc để phát triển Tổng công ty bền vững.
2. Tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, đúng người đúng việc, đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước. Tối ưu hóa nguồn lực, tập trung vào hiệu quả SXKD và nâng cao năng suất lao động.
3. Đẩy mạnh nghiên cứu tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo ngoài khơi, phát triển năng lực để làm mất xích quan trọng trong chuỗi cung ứng về năng lượng tái tạo ngoài khơi (supply chain) toàn cầu; tham gia trong quá trình chuyên dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công,

hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.

4. Thực hiện tốt công tác pháp chế, pháp lý bao gồm không giới hạn việc cập nhật, lưu trữ, thông tin, sử dụng, đào tạo, áp dụng. Trên cơ sở đó, đảm bảo toàn bộ các công việc, hoạt động của Tổng công ty tuân thủ, phù hợp Quy định hiện hành; phối hợp, xử lý, thực hiện tốt công tác thanh - kiểm tra, kiểm toán, giám sát, kiểm soát; xử lý tốt, hài hòa tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bất đồng kinh tế, dân sự (nếu có).
5. Thực hiện tốt công tác tài chính, kế toán, thanh toán, thu hồi nợ, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.
6. Đẩy mạnh tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.
7. Chỉ đạo, giám sát thực hiện các Dự án, công việc, hoạt động đã, đang, sẽ thực hiện đảm bảo an toàn tuyệt đối, bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, các Dự án, công việc thành công, đạt mức cao nhất; trên cơ sở đó, thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch SXKD Năm 2025, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt.
8. Đẩy mạnh triển khai, áp dụng hệ thống, tổng hợp các giải pháp, liên tục cải tiến, nâng cấp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh; xây dựng và cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong công việc, các hoạt động, quản trị rủi ro doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, quản lý tiên tiến, hiện đại vào các lĩnh vực hoạt động.
9. Thực hiện tốt, phù hợp Quy định hiện hành về chế độ, chính sách, chăm sóc, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với Người lao động, quyền và lợi ích của các Cổ đông, Chủ sở hữu Tổng công ty. đồng thời, phối hợp thực hiện tốt công tác của các Tổ chức đoàn thể, chính trị-xã hội, công tác thi đua và phát huy hiệu quả vào các hoạt động của tổ chức.
10. Tăng cường, quản lý tốt công tác đầu tư, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, nhà đầu tư cũng như đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty PTSC, BKS đã chủ động triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát theo đúng nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2024. Toàn bộ hoạt động của BKS được thực hiện nghiêm túc, bám sát tiến độ, tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và tạo nền tảng phát triển bền vững cho Tổng công ty.

3.1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS đã nghiêm túc thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty. Triển khai đầy đủ các nội dung theo kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được ĐHĐCD thông qua.

Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên/trực thuộc để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư của Tổng công ty và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, TGD trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Kiểm soát viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PTSC.

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp. Tất cả các cuộc họp đều đạt chất lượng, 100% thành viên tham dự cuộc họp thống nhất thông qua các nội dung chủ yếu về các mặt hoạt động của BKS.

3.2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Tổng công ty PTSC đã được triển khai theo đúng các Quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ Tổng công ty. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh trong năm của Tổng công ty.

Công ty mẹ - PTSC đã thực hiện các công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các Dự án theo đúng kế hoạch đầu tư được phê duyệt. Kết quả thực hiện đầu tư trong năm 2024 là 627 tỷ đồng, đạt 34,39% kế hoạch năm. Mặc dù chưa đạt kế hoạch như kỳ vọng đề ra nhưng công tác đầu tư đã có sự tăng trưởng đột phá so với các năm gần đây, tăng 50,72% so với thực hiện năm 2023

Kết quả giám sát công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2024, tổng số vốn Tổng công ty PTSC thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp là 4.780 tỷ đồng. Trong đó đầu tư vào các công ty con là 3.174 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết là 1.603 tỷ đồng, đầu tư dài hạn khác là 3 tỷ đồng. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính là 908,24 tỷ đồng.

Hầu hết các Công ty con đều duy trì hoạt động SXKD ổn định, không có đơn vị lỗ. Các Công ty liên doanh, liên kết liên quan FSO, FPSO vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Tổng công ty PTSC. Giá trị cổ tức, lợi

nhuận được chia về Công ty mẹ - PTSC ghi nhận trong năm 2024 là 1.547,41 tỷ đồng, bằng 32,37% giá trị các khoản đầu tư, trong đó:

- Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty con là 330,71 tỷ đồng, bằng 10,42% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con;
- Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty liên doanh, liên kết là 1.216,70 tỷ đồng, bằng 75,90% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Tình hình triển khai, thực hiện công tác tái cấu trúc trong năm 2024 như sau:

- Đang triển khai giải thể Công ty PTSC Ca Rong Do Ltd theo Nghị quyết số 7283/NQ-DKVN ngày 15/12/2022 và Nghị quyết số 43/NQ-PTSC-HĐQT ngày 19/01/2023.
- Đang triển khai giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Labuan Nghị quyết số 662/NQ-PTSC-HĐQT ngày 16/10/2023.
- Đang tiến hành và các thủ tục pháp lý chấm dứt Hợp đồng Liên doanh và giải thể Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý PTSC CGGV.
- Triển khai sát nhập và chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty TNHH MTV Khảo sát và Công trình ngầm PTSC thành Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam theo Nghị quyết số 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2024 (bắt đầu từ 01/01/2025).
- Tiếp tục tìm các giải pháp thoái vốn của Tổng công ty PTSC tại Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Kết quả giám sát thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023

Ngày 30/10/2024, HĐQT Tổng công ty PTSC đã ban hành Nghị quyết số 745/NQ-PTSC-HĐQT về việc chi trả cổ tức 2023 bằng tiền mặt (334,6 tỷ đồng) với tỷ lệ chi trả 7% trên mệnh giá. Tổng công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức vào ngày 17/12/2024 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

Kết quả giám sát và thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để TGD, BKS và các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp và 03 Chương trình kiểm tra, giám sát, 76 đợt lấy ý kiến, ban hành 320 văn bản (trong đó có 140 Nghị quyết và Quyết định) để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, chính xác các hoạt động của HĐQT trong việc chỉ đạo, giám sát, quản lý, quản trị trên các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng

công ty PTSC, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Cụ thể:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ TGD và Ban điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh, chỉ tiêu tài chính, phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- HĐQT tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các số liệu và chỉ tiêu tài chính trong báo cáo của HĐQT là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp luật.

Kết quả giám sát công tác điều hành của TGD, người điều hành khác của Tổng công ty và thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024

TGD và người điều hành khác của Tổng công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao: đánh giá kịp thời các khó khăn, thách thức, linh hoạt và sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; nỗ lực trong công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới; nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động SXKD; lãnh đạo Tổng công ty duy trì và đạt kết quả hoạt động SXKD năm 2024 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Báo cáo Kết quả SXKD năm 2024 đã phản ánh đầy đủ, hợp lý về tình hình SXKD và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, bao gồm: Dịch vụ cung ứng Tàu chuyên dụng; Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO; Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp; Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí; Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí; Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình Ngầm bằng ROV, Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi và các dịch vụ khác. Báo cáo cũng trình bày đầy đủ về chiến lược, công tác đầu tư, công tác tái cấu trúc, công tác đào tạo... đồng thời đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể của Tổng công ty PTSC trong năm 2025.

Các số liệu và chỉ tiêu SXKD trong báo cáo Kết quả SXKD năm 2024 là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 377/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2024 và BCTC năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Năm 2024, BKS đã làm việc với các bộ phận liên quan để thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Qua thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam), BKS nhận thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

- Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán viên chấp nhận toàn phần và không có ý kiến loại trừ, phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty PTSC tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hợp nhất sau thuế, tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/vốn điều lệ đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.
- PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động SXKD: thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; mua đầy đủ bảo hiểm tài sản theo đúng quy định; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định: giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính; dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá công trình xây lắp.
- Toàn bộ các tài sản của Công ty mẹ đều được quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Tổng công ty, công tác kiểm kê tài sản được thực hiện đầy đủ, trích khấu hao theo đúng quy định. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả luôn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đối chiếu theo quy định.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông

BKS đã phối hợp với HĐQT, TGD trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty PTSC, cổ đông theo đúng Điều lệ của Tổng công ty PTSC và quy định của pháp luật.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; BKS được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.

Năm 2024, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

3.3 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT PVN có liên quan đến hoạt động đơn vị của Người đại diện phần vốn PVN, HĐQT, TGD Tổng công ty PTSC;

2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD hàng quý/năm; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;
3. Kiểm tra/giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty PTSC khi xét thấy cần thiết;
5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo theo quy định, trong đó: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024; Thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh của TGD PTSC và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2024 của HĐQT Tổng công ty PTSC; Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người lao động và Người quản lý PTSC; Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên sau soát xét 2025;
6. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị;
7. Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết phê duyệt của PVN;
8. Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện;
9. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động SXKD tại Tổng công ty PTSC; Giám sát việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
11. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;
12. Thực hiện các công việc khác của BKS theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành.

4. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

4.1 TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

PTSC Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng và công nghiệp, PTSC vận hành nhiều hoạt động có tác động đáng kể đến môi trường

chính cần quan tâm và các rủi ro liên quan đến ô nhiễm môi trường phải đối mặt bao gồm:

- **Phát thải khí nhà kính (KNK) và khí thải khác:**

- Phát thải trực tiếp (*Phạm vi 1*): Phát sinh từ việc sử dụng nhiên liệu cho đội tàu dịch vụ, phương tiện nội, máy móc thiết bị nâng hạ và các hoạt động thi công.
- Phát thải gián tiếp (*Phạm vi 2 & 3*): Liên quan đến tiêu thụ điện năng, hoạt động của nhà thầu phụ và chuỗi cung ứng, góp phần làm gia tăng biến đổi khí hậu. Ngoài ra, khí thải công nghiệp có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh.

- **Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động tại công trường, căn cứ cảng và trên tàu dịch vụ, phương tiện nội.
- Nước thải công nghiệp từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, bảo trì thiết bị, nếu không được xử lý đạt tiêu chuẩn có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường biển và hệ sinh thái ven bờ.

- **Chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- Chất thải rắn sinh hoạt đến từ sinh hoạt của người lao động tại công trường, văn phòng, tàu dịch vụ và phương tiện nội.
- Chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chế tạo, bảo trì. Nếu không được quản lý chặt chẽ, các loại chất thải này có thể gây ô nhiễm đất và nguồn nước.

- **Kiểm soát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính:**

Đây là một thách thức cấp bách, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tuân thủ các quy định về môi trường, khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng không (Net Zero) vào năm 2050 của Việt Nam.

Quản lý về nguồn nguyên vật liệu

PTSC sử dụng chủ yếu nguyên vật liệu và năng lượng là sắt thép bán thành phẩm, khí công nghiệp, điện, xăng dầu... Nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, nâng cao hiệu quả năng lượng và kiểm soát tác động môi trường của các loại chất thải từ hoạt động SXKD, PTSC đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như sau:

- Áp dụng Hệ thống Quản lý Sức khỏe, An toàn, Môi trường, Chất lượng (HSEQ) theo các tiêu chuẩn quốc tế: ISO 9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng; ISO 14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001:2018 – Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Kiểm soát khí thải, nước thải và chất thải: Đầu tư và vận hành các công trình xử lý nước thải, khí thải tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường; kiểm soát đo đạc, quan trắc định kỳ chất lượng phát thải đảm bảo nằm trong giới hạn cho

phép của quy chuẩn môi trường; quản lý chặt chẽ việc phân loại, tái chế và xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Trong năm 2024, PTSC ghi nhận thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nguyên vật liệu, nhiên liệu và tiết kiệm nguyên vật liệu được 10,870 tỷ đồng (đạt 85% kế hoạch năm).

Quản lý tiêu thụ nước, xử lý phát thải ra môi trường

Quá trình hoạt động sản xuất của PTSC sử dụng nguồn nước cấp thủy cục để phục vụ chính cho mục đích sinh hoạt của người lao động và một phần nhỏ cho mục đích vệ sinh nhà xưởng. Toàn bộ các cơ sở sản xuất đều đã đầu tư hoàn chỉnh từ đầu các công trình xử lý nước thải và vận hành nghiêm túc đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường được giám sát thông qua đo đạc quan trắc định kỳ hằng năm đầy đủ theo quy định hiện hành.

Quản lý tiêu thụ năng lượng và giảm phát thải KNK

- PTSC sử dụng các nguồn năng lượng chính gồm điện năng cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và các loại nhiên liệu (xăng, dầu DO) vận hành hành phương tiện máy móc. Việc tiêu thụ nhiên liệu được quản lý, kiểm soát thông qua hệ thống định mức kỹ thuật; đầu tư mới, nâng cấp công nghệ phương tiện máy móc thiết bị sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu sạch; tận dụng cơ hội sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (như điện năng lượng mặt trời áp mái ngay tại cơ sở sản xuất); áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng cho đội tàu dịch vụ dầu khí phù hợp theo quy định của Tổ chức hàng hải thế giới IMO. cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; xây dựng, áp dụng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật về tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư bảo dưỡng; đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu xanh và năng lượng tái tạo điện mặt trời áp mái.
- Xây dựng, ban hành Chương trình hành động xanh PTSC từ năm 2023 để triển khai bước đầu các giải pháp giảm phát thải KNK, hướng tới trung hòa các-bon. Hiện tại, PTSC đang xây dựng, hoàn thiện Chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chí ESG, dự kiến hoàn thành trong năm 2025, trong đó các chủ đề trọng yếu theo trụ cột môi trường được xác định bao gồm: biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng, đa dạng sinh học và tác động đến hệ sinh thái, quản lý chất thải với mục tiêu tổng thể đạt mức phát thải KNK ròng bằng 0 cho Phạm vi 1, 2, 3 vào năm 2050. PTSC đã thực hiện kiểm kê sơ bộ phát thải KNK cho các năm 2022-2023 và đang thực hiện kiểm kê toàn diện KNK cho năm 2024.
- Trong năm 2024, PTSC ghi nhận thực hiện tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng được 3,0 tỷ đồng (đạt 136% kế hoạch năm).

4.2 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động, mức lương trung bình của Người lao động

Năm 2024, PTSC tiếp tục khẳng định vị thế với chiến lược linh hoạt, hài hòa giữa thu hút nhân tài trẻ, giữ chân đội ngũ giàu kinh nghiệm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của PTSC đạt 7.480 người, tăng 3,8% so với năm trước (7.209 người).

Tt	Chỉ tiêu	Đvt	Số lao động (Hợp nhất)		Tỷ lệ (%)	
			Năm 2023	Năm 2024	2024/2024	2024/2023
I	Theo giới tính	Người	7.209	7.480	100%	+3,8%
1	Nam	Người	6.284	6.528	87,3%	+3,9%
2	Nữ	Người	925	952	12,7%	+2,9%
II	Trình độ đào tạo	Người	7.209	7.480	100%	+3,8%
1	Trên đại học	Người	290	301	4,0%	+3,8%
2	Đại học	Người	3.113	3.262	43,6%	+4,8%
3	Cao đẳng	Người	396	424	5,7%	+7,1%
4	CNKT hoặc tương đương	Người	2.092	2.095	28,0%	+0,1%
5	Lao động phổ thông	Người	1.318	1.398	18,7%	+6,1%
III	Phân loại lao động theo nhóm độ tuổi	Người	7.209	7.480	100%	+3,8%
1	Dưới 25 tuổi	Người	172	260	3,5%	+51,2%
2	Từ 25 tuổi đến 35 tuổi	Người	1.566	1.509	20,2%	-3,6%
3	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi	Người	3.298	3.326	44,4%	+0,9%
4	Từ 45 tuổi đến 55 tuổi	Người	1.887	2.062	27,6%	+9,3%
5	Trên 55 tuổi	Người	286	323	4,3%	+12,9%

PTSC đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cơ cấu nhân sự theo hướng trẻ hóa và nâng cao chất lượng chuyên môn, thể hiện qua việc không ngừng tìm kiếm, đào tạo và

bồi dưỡng đội ngũ lao động trẻ để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời vẫn duy trì lực lượng nhân sự giàu kinh nghiệm nhằm đảm bảo tính kế thừa và phát triển lâu dài. Đáng chú ý, đội ngũ nhân sự có trình độ đại học và trên đại học tiếp tục tăng, phù hợp với chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao đang diễn ra mạnh mẽ. Bên cạnh đó, PTSC cũng đặc biệt chú trọng đến việc phát triển lực lượng lao động kỹ thuật, đảm bảo cung ứng nhân sự chất lượng cao cho các dự án trọng điểm cũng như mở rộng hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Nhờ tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng một đội ngũ tinh gọn, chất lượng và linh hoạt, PTSC không chỉ chủ động nắm bắt cơ hội phát triển mà còn sẵn sàng đối mặt với mọi thách thức, tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Đây chính là động lực cốt lõi, thúc đẩy PTSC không ngừng tiến xa, vững vàng trên hành trình đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

PTSC duy trì áp dụng và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Sức khỏe, An toàn, Môi trường và Chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế với cam kết và đạt các mục tiêu sau:

- ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường nhằm kiểm soát tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ cộng đồng xung quanh.
- ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp nhằm bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và đảm bảo ngăn ngừa tai nạn cho người lao động.

Trong năm 2024, PTSC đã đạt được kết quả tốt trong công tác đảm bảo sức khỏe an toàn cho NLĐ như sau:

- Không xảy ra tai nạn lao động gây chết người hay gây thương tật mất thời gian làm việc (LTI – Lost Time Injury = 0);
- Không xảy ra sự cố môi trường; không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường;
- Triển khai các dự án đạt cột mốc số giờ làm việc an toàn (không xảy ra tai nạn lao động mất thời gian làm việc) và được các khách hàng công nhận thành tích, khen ngợi tiêu biểu như sau:
 - Dự án chế tạo chân đế điện gió ngoài khơi CHW2204 cho Khách hàng Orsted đạt cột mốc 9,5 triệu giờ làm việc an toàn;
 - Khách hàng NOC trao giải thưởng HSE Contribution cho Dự án Gallaf 3 đạt 1,77 triệu giờ an toàn;
 - Gói tổng thầu số 1 (EPCI#1) thuộc chuỗi Dự án khí Lô B – Ô Môn đạt cột mốc 01 triệu giờ làm việc an toàn;
 - Dự án LPG Thị Vải hoàn thành, đạt thành tích 500.000 giờ làm việc an toàn;

- Khách hàng NSRP tặng bằng khen vận hành tốt và an toàn cho Đội tàu dịch vụ Nghi Sơn trong năm 2024.

Nhận thức rõ rằng NLĐ là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp, PTSC luôn chú trọng xây dựng và thực thi các chính sách phúc lợi toàn diện, nhằm không chỉ nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người lao động mà còn tạo động lực làm việc, gia tăng sự gắn kết nội bộ và khuyến khích tinh thần cống hiến lâu dài. Các chính sách này được thiết kế với tiêu chí công bằng, minh bạch, linh hoạt, gắn liền với hiệu quả SXKD và định hướng phát triển bền vững của Công ty, cụ thể như sau:

- Chính sách tiền lương liên quan đến người lao động: Chính sách tiền lương không chỉ là yếu tố đảm bảo quyền lợi mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững. Với nguyên tắc minh bạch, công bằng và cạnh tranh, PTSC xây dựng một hệ thống thang lương hiện đại, phản ánh chính xác năng lực, hiệu quả công việc và xu hướng thị trường lao động, đồng thời tạo điều kiện để người lao động an tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp lâu dài. PTSC không chỉ duy trì sự ổn định trong hoạt động SXKD mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của PTSC. Cụ thể, thu nhập bình quân năm 2024 của người lao động toàn Tổng công ty đạt **29.230.000 đồng/người/tháng, tăng 9%** so với năm 2023, phản ánh rõ hiệu quả tăng trưởng và chính sách đãi ngộ ngày càng cải thiện.
- Chế độ hỗ trợ tài chính: Trợ cấp nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập PTSC, các ngày Lễ, Tết, Quốc tế Phụ nữ (08/3), Phụ nữ Việt Nam (20/10) và các sự kiện quan trọng khác.
- Hỗ trợ sinh hoạt và đời sống: Trợ cấp trang phục, tổ chức bữa ăn giữa ca đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, hỗ trợ chi phí đi lại, tổ chức các hoạt động teambuilding, tham quan, nghỉ mát.
- Chăm lo đời sống gia đình: Quan tâm, động viên con em người lao động có thành tích học tập xuất sắc, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Chính sách khen thưởng: Triển khai các chương trình khen thưởng định kỳ và đột xuất nhằm ghi nhận, khuyến khích sự đóng góp của các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.
- Chăm sóc sức khỏe và an toàn lao động: Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động thông qua các chương trình bảo hiểm cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, tư vấn, chăm sóc sức khỏe toàn diện và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

Với những chính sách phúc lợi toàn diện và thiết thực, PTSC không chỉ mang đến môi trường làm việc chuyên nghiệp, ổn định mà còn tạo dựng một nền tảng vững chắc để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, từ đó phát huy tối đa năng lực của mình.

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục lắng nghe, cải tiến và mở rộng các chính sách phúc lợi, hướng đến việc chăm lo ngày càng tốt hơn cho đời sống của người lao động.

Các chiến lược phát triển nhân sự sẽ tiếp tục được gắn kết chặt chẽ với quyền lợi của từng cá nhân, đảm bảo mỗi người lao động tại PTSC không chỉ có một công việc ổn định mà còn có một cuộc sống chất lượng, hạnh phúc và phát triển bền vững cùng Công ty.

Chính sách đào tạo, phát triển kỹ năng cho người lao động

Trước làn sóng chuyển dịch năng lượng và chuyển đổi số, việc xây dựng một đội ngũ nhân lực ưu tú, sẵn sàng cho tương lai là yếu tố then chốt. Để chủ động thích ứng với sự thay đổi, PTSC triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn diện và bền vững. PTSC không chỉ tập trung thu hút nhân tài mà còn đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ kế cận, giúp họ làm chủ công nghệ và thích ứng với sự phát triển không ngừng của ngành. Điều này nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của các dự án mới, đồng thời tạo ra cơ hội phát triển đột phá. Sự đầu tư bài bản vào đào tạo không chỉ giúp nâng cao năng lực cá nhân mà còn đảm bảo nhân sự PTSC vượt qua kỳ vọng của khách hàng, góp phần củng cố vị thế vững chắc của công ty trên thị trường. Các chính sách đào tạo được triển khai có hệ thống, tập trung vào các trọng tâm sau:

- Phát triển nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế: Hệ thống hóa quản lý nhân sự, đảm bảo làm chủ các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khắt khe của các dự án dầu khí, công nghiệp, năng lượng tái tạo.
- Thu hút và giữ chân nhân tài: tối ưu cơ chế tuyển dụng, chế độ lương, thưởng minh bạch, gắn với hiệu suất công việc và kết quả SXKD, tạo động lực làm việc và phát triển lâu dài.
- Đào tạo chuyên sâu, gắn với thực tiễn: Xây dựng lộ trình đào tạo kết hợp lý thuyết và thực hành, giúp người lao động tích lũy kinh nghiệm thực tế, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý.
- Nâng cao trình độ và kỹ năng thích ứng, thay đổi: Liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ để đáp ứng xu hướng chuyển dịch năng lượng và hội nhập quốc tế.
- Thúc đẩy văn hóa học tập và đào tạo nội bộ: Khuyến khích đào tạo nội bộ với chính sách đãi ngộ hợp lý dành cho giảng viên, tổ chức các chương trình chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao tinh thần học hỏi trong toàn hệ thống.
- Hợp tác với các trường đại học, trung tâm đào tạo hàng đầu tại Việt Nam, mở rộng cơ hội đào tạo ở nước ngoài: triển khai chiến lược tìm kiếm, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trẻ, đảm bảo nguồn lực kế cận có năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn của PTSC, hỗ trợ chi phí đào tạo theo chính sách, quy định tại Quy chế đào tạo, giúp người lao động tiếp cận những chương trình đào tạo tiên tiến, cập nhật kiến thức mới nhất để phát triển sự nghiệp lâu dài.

Thông qua các chính sách đào tạo và phát triển nhân lực toàn diện, PTSC không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và duy trì vị thế tiên phong trong lĩnh vực hoạt động.

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công tác đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong đào tạo trực tuyến và học tập từ xa, đồng thời không ngừng hoàn thiện chính sách đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Sự phát triển của PTSC luôn gắn liền với sự phát triển của mỗi cá nhân, và chính đội ngũ nhân sự chất lượng cao sẽ là chìa khóa để Công ty tiếp tục vươn xa, chinh phục những tầm cao mới.

4.3 CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỘNG ĐỒNG

Trong suốt những năm qua, bên cạnh việc không ngừng mở rộng và phát triển hoạt động SXKD, PTSC luôn xem công tác an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và đất nước. Đây không chỉ là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của PTSC mà còn thể hiện sâu sắc triết lý nhân văn, hướng đến sự phát triển hài hòa giữa doanh nghiệp và xã hội.

Xuất phát từ mong muốn “không ai bị bỏ lại phía sau,” PTSC luôn ưu tiên nguồn lực cho các chương trình xây dựng nhà tình nghĩa, đồng hành cùng các địa phương trong việc chăm lo cho những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Không chỉ dừng lại ở việc xây nhà, PTSC còn ghi dấu ấn trong hàng trăm công trình trường học, trạm y tế, hỗ trợ mua sắm trang thiết bị y tế, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và cải thiện đời sống của người dân.

Trong năm 2024, PTSC đã dành **34,07 tỷ đồng** để triển khai các chương trình an sinh xã hội, tập trung hỗ trợ các địa phương còn nhiều khó khăn, các tổ chức/quỹ/hội và những đối tượng cần giúp đỡ trên cả nước. Cụ thể:

- Hỗ trợ giáo dục: Hợp tác với các trường đại học danh tiếng trên cả nước, trao học bổng trị giá 3,5 tỷ đồng nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.
- Phát triển cơ sở hạ tầng cộng đồng: Hỗ trợ 4 tỷ đồng xây dựng nhà văn hóa Trục Nội (huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) và 5 tỷ đồng xây dựng Trường mầm non xã Khánh Lợi (huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình), góp phần nâng cao đời sống văn hóa, giáo dục tại địa phương.
- Hỗ trợ nhà ở cho người khó khăn: Tài trợ 5 tỷ đồng xây dựng nhà Đại đoàn kết tại tỉnh Hải Dương và 3 tỷ đồng tại tỉnh Cà Mau, giúp các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn ổn định chỗ ở.

- Ứng phó thiên tai: Ủng hộ 3 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào chịu ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi, góp phần khắc phục hậu quả thiên tai, giúp người dân sớm ổn định cuộc sống.

Những nỗ lực không ngừng nghỉ trong công tác an sinh xã hội đã giúp PTSC tạo nên sức lan tỏa mạnh mẽ, nhận được sự ghi nhận, đánh giá cao từ các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội và cộng đồng trong suốt nhiều năm qua. Tiếp tục hành trình đó, PTSC hướng đến việc triển khai các chương trình an sinh xã hội với cách tiếp cận toàn diện hơn, tập trung vào những hoạt động thiết thực, bền vững nhằm mang lại những đóng góp ý nghĩa và lâu dài cho cộng đồng. Thông qua các hoạt động này, PTSC không chỉ khẳng định tinh thần trách nhiệm xã hội mà còn lan tỏa những giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần xây dựng hình ảnh tận tâm, trách nhiệm với cộng đồng.



IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CỦA PTSC

Trong suốt hơn 50 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty PTSC đã khẳng định vị thế của mình trong ngành dịch vụ dầu khí tại Việt Nam. PTSC cam kết và nỗ lực trong công tác quản trị doanh nghiệp, cùng với việc chủ động thay đổi để duy trì và phát huy thành quả, phát triển ổn định và bền vững. Dưới đây là tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC, bao gồm các nguyên tắc và hành động cụ thể sau:

Nguyên tắc minh bạch:

PTSC cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời đến các cổ đông và các bên liên quan thông qua việc ban hành và thực hiện Quy chế công bố thông tin và thực hiện đảm bảo tính minh bạch, kịp thời, chính xác. Việc minh bạch trong quản trị giúp xây dựng niềm tin và sự ủng hộ từ các nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng.

Nguyên tắc trách nhiệm:

Các thành viên trong HĐQT, Ban TGD và NLĐ PTSC đều có trách nhiệm rõ ràng trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Tổng công ty. Mỗi cá nhân đều có trách nhiệm vì lợi ích chung của PTSC, đảm bảo hiệu quả và bền vững trong mọi hoạt động của PTSC.

Nguyên tắc công bằng:

PTSC luôn tôn trọng quyền lợi của các bên liên quan và đảm bảo các quyết định đều dựa trên nguyên tắc công bằng.

Nguyên tắc phát triển bền vững:

PTSC hướng tới sự phát triển bền vững thông qua việc tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phát triển cộng đồng. PTSC không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn chú trọng đến trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững của ngành Dầu khí, PTSC và cộng đồng.

Quản trị hiệu quả:

Thực hiện các phương pháp quản trị hiện đại, PTSC áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001... Để nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong tình hình mới. PTSC đang triển khai xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp theo ISO 31000 và các thông lệ tốt về quản trị rủi ro cùng với việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để cải tiến quy trình làm việc và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

PTSC đầu tư mạnh mẽ vào công tác đào tạo và phát triển nhân lực để nâng cao tay nghề, kỹ năng và năng lực quản lý của đội ngũ nhân viên. Điều này giúp tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh của tổng công ty

Tăng cường quan hệ khách hàng, đẩy mạnh hợp tác:

PTSC đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và phát triển mối quan hệ tốt với khách hàng thông qua việc lắng nghe phản hồi, cải tiến dịch vụ và đảm bảo sự hài lòng cao nhất. Việc này không chỉ giúp PTSC giữ vững khách hàng cũ mà còn thu hút khách hàng mới.

Chấp hành pháp luật và quy định:

PTSC nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế trong ngành dầu khí. Điều này góp phần bảo đảm hoạt động của tổng công ty được thực hiện trong môi trường hợp pháp và minh bạch.

Hệ thống quản trị của Tổng công ty PTSC là một cấu trúc linh hoạt, hiệu quả và hiện đại, cam kết góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tạo ra giá trị cho các cổ đông và cộng đồng. Những nguyên tắc và hành động đã nêu là cơ sở để PTSC tiếp tục tiến xa trong tương lai, khẳng định vị thế của mình trên thị trường dịch vụ dầu khí.

PTSC cam kết sẽ tiếp tục nghiên cứu và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất và tích hợp Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG) vào quản trị doanh nghiệp, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật Việt Nam thông qua việc cụ thể hóa vai trò và trách nhiệm giữa HĐQT và Ban Điều hành trong Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, góp phần đẩy mạnh hoạt động SXKD và đảm bảo tính bền vững, kế thừa.

1.1 Cơ chế hoạt động giữa Công ty mẹ - Công ty con

Với mục tiêu tập trung và phát huy nội lực nhằm tối ưu hóa hoạt động nguồn lực toàn Tổng công ty, mỗi Đơn vị đảm nhiệm chính một loại hình dịch vụ chính trong chuỗi các loại hình dịch vụ; Tổng công ty đã định hướng, chính sách điều phối, đặc biệt là chính sách ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các đơn vị đảm bảo hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất và đem lại ưu thế cạnh tranh.

1.2 Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp

Trong suốt 32 năm hình thành và phát triển, PTSC thể hiện cam kết, nỗ lực, cố gắng liên tục trong công tác quản trị doanh nghiệp, chủ động thay đổi để duy trì và phát huy những thành quả, sự phát triển ổn định, bền vững, dài hạn của Tổng công ty, mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

Tổng công ty PTSC đã nỗ lực hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp với chuẩn mực theo thông lệ đối với Công ty niêm yết (dựa trên đánh giá dựa trên thể điểm Quản trị công ty khu vực Asean) chi tiết như sau:

STT	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại PTSC	Ghi chú
1	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	ĐHĐCĐ thường niên 2024 được tổ chức ngày 17/6/2024 theo hình thức trực tuyến.
2	Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc đại hội theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC	Tuân thủ	Tài liệu ĐHĐCĐ được công bố thông tin ngày 17/5/2024
3	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 theo quy định tại Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
4	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, theo quy định tại Khoản 2 Điều 270 và Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
5	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
6	Thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Điều 30 Nghị định 05/2019/NĐ-CP	Tuân thủ	
7	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 278 và Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
8	Đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
9	Đảm bảo số lượng thành viên HĐQT không điều hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
10	Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	Tuân thủ	

STT	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại PTSC	Ghi chú
11	Thành viên HĐQT đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
12	Họp HĐQT ít nhất mỗi quý/lần theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, Điểm c Khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán và Khoản 1 Điều 279 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
13	TGD là người không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	
14	Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	
15	Ban hành Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 6 Điều 288 và Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
16	Đảm bảo tuân thủ số lượng Kiểm soát viên tối thiểu 03 người theo quy định tại Khoản 1 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
17	Đảm bảo số lượng cuộc họp Ban Kiểm soát ít nhất 02 lần/năm, theo quy định tại Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
18	Kiểm soát viên không giữ các chức vụ quản lý công ty, quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
19	Kiểm soát viên là người không có quan hệ gia đình của HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý khác, theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
20	Kiểm soát viên không làm việc tại bộ phận tài chính kế toán của Công ty hoặc Công ty Kiểm	Tuân thủ	

STT	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại PTSC	Ghi chú
	toán độc lập trong vòng 03 năm liền trước đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP		
21	Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	
22	Thực hiện giao dịch với các bên liên quan đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 292, 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
23	Công bố thông tin Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT khi giao dịch với các bên liên quan, phản ánh các giao dịch này trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị công ty	Tuân thủ	

1.3 Thực hiện quản trị rủi ro và các cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của PTSC

HDQT Tổng công ty đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế Quản trị rủi ro, Tuyên ngôn Khẩu vị rủi ro, cùng với các quy định về Mức độ chấp nhận rủi ro và Thước đo rủi ro của Tổng công ty. Đồng thời, Tổng công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị rủi ro, chủ động theo dõi thị trường, nắm bắt xu hướng và những biến động để tìm kiếm cơ hội phát triển bền vững cho PTSC. Cụ thể, công tác quản trị rủi ro được triển khai toàn diện trong toàn PTSC thông qua các hoạt động trọng tâm sau:

- Định danh rủi ro, xây dựng chiến lược và chính sách quản trị rủi ro: Xác định các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh, từ đó xây dựng chiến lược và chính sách quản trị phù hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực, đồng thời tận dụng cơ hội để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.
- Giám sát tuân thủ quy định pháp luật và các tiêu chuẩn ESG (môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp): Đảm bảo mọi hoạt động của Tổng công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý hiện hành, đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, góp phần nâng cao uy tín và trách nhiệm doanh nghiệp.
- Quản lý rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng phó: Chủ động đánh giá, phân loại và kiểm soát các rủi ro, từ đó đề xuất các biện pháp ứng phó kịp thời nhằm giảm thiểu thiệt hại và duy trì ổn định hoạt động kinh doanh.
- Minh bạch thông tin về quản trị rủi ro và cơ hội: Cung cấp thông tin rõ ràng, đầy đủ và kịp thời về rủi ro cũng như cơ hội kinh doanh đến các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan, đảm bảo tính minh bạch và sự tin cậy.

- Quản trị tài chính và nguồn lực, thận trọng trong đầu tư: Cân nhắc kỹ lưỡng khi triển khai các dự án đầu tư, ưu tiên các dự án có tính bền vững và mang lại giá trị dài hạn, đồng thời đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và nhân sự.

Thông qua những định hướng trên, Tổng công ty không chỉ nâng cao năng lực quản trị rủi ro mà còn tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững, lâu dài của PTSC.

2. CƠ CẤU HĐQT

Thành viên và cơ cấu HĐQT

HĐQT Tổng công ty gồm bảy (07) thành viên, trong đó 04 Thành viên không điều hành, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc và 02 Thành viên độc lập.

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, số cổ phần PVS hiện đang nắm giữ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như bảng sau:

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN	Ghi chú
1.	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	0	48.551 (0,0102%)	Đại diện 26,38% vốn góp của PVN tại PTSC	
2.	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	0	55.424 (0,0116%)	Đại diện 15,00% vốn góp của PVN tại PTSC	Từ 06/12/2024 Ông Lê Mạnh Cường thôi giữ chức TGDĐ PTSC, và thôi là Người đại diện vốn của PVN tại PTSC.
3.	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	Đại diện 10,00% vốn góp của PVN tại PTSC	

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN	Ghi chú
4.	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT không điều hành	0	9.377 (0,002%)	0	
5.	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	0	
6.	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	02 (Giám đốc Năng lượng Vina Capital; Thành viên độc lập HĐQT PVD)	0	0	
7.	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	01 (Thành viên độc lập HĐQT PVcomBank)	0	0	

Phân công nhiệm vụ trong HĐQT

Hoạt động của các Thành viên HĐQT đều được phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo tính dân chủ và sức mạnh trí tuệ tập thể; thực hiện kiểm tra, giám sát, đốc thúc Ban Điều hành thực hiện các nội dung, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, cấp trên giao; chủ động trao đổi, thảo luận và nêu ý kiến trong lĩnh vực được phân công, cụ thể nêu sau đây.

Ông Phan Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT

- Điều hành, lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động chung của HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo xây dựng và triển khai định hướng, chiến lược phát triển trung và dài hạn của PTSC.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, nhân sự; công tác đoàn thể, các vấn đề liên quan đến các tổ chức chính trị-xã hội; ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định, chính sách chung của PTSC.
- Giải quyết các khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ quản lý PTSC.

Ông Lê Mạnh Cường – Thành viên HĐQT, TGD

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024), phụ trách SXKD của Tổng công ty.
- Phụ trách Dịch vụ Cơ khí dầu khí; Dịch vụ, dự án, công việc liên quan kho nổi FSO, FPSO, MOPU, MOPSU...; O&M các công trình dầu khí, công nghiệp; công tác phát triển kinh doanh, dịch vụ mới, thương mại, thị trường, khách hàng, hợp tác, liên danh, liên kết, bảo lãnh thương mại; công tác xây dựng & phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

Ông Nguyễn Xuân Ngọc – Thành viên HĐQT

- Phụ trách Dịch vụ, dự án, công việc liên quan dầu khí Biển (offshore, ngoài liên quan Tàu biển, FSO, FPSO, MOPU, MOPSU, Cơ khí dầu khí mà thuộc phân công của Thành viên HĐQT khác).
- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan Cảng; liên quan tài chính, đầu tư tài chính, kế toán và kiểm toán, tài sản, đầu tư, đấu thầu, mua sắm, bảo hiểm, và công tác thanh kiểm tra, giám sát có liên quan.
- Các việc liên quan cổ đông, cổ phiếu, chứng khoán, nhà đầu tư.
- Công tác tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.
- Công tác quan hệ với truyền thông, phương tiện thông tin đại chúng, phát ngôn, cung cấp thông tin, quan hệ công chúng, kênh thông tin, bản tin nội bộ PTSC.

Ông Đỗ Quốc Hoan – Thành viên HĐQT

- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan Tàu biển, bao gồm cả tàu dịch vụ, khảo sát biển dùng tàu, khảo sát địa chấn, địa chất và công trình ngầm, ROV.
- Phụ trách hệ thống quản lý, sức khỏe, an toàn, môi trường chất lượng; công tác bảo vệ, an ninh an toàn dầu khí, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, an ninh biển đảo, phòng chống khủng bố, cướp biển, ứng cứu tình huống khẩn cấp; công tác tuân thủ pháp luật, tuân thủ Quy định hiện hành, hệ thống văn bản quản lý nội bộ.

Ông Trần Ngọc Chương – Thành viên HĐQT.

- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan trên Bờ (onshore).
- Giúp Chủ tịch HĐQT chỉ đạo, quản lý, đôn đốc công tác xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty; công tác tái cấu trúc toàn Tổng công ty.
- Phụ trách công tác đào tạo, tiền lương, thù lao, chế độ chính sách; công tác thanh, kiểm tra khác; quản lý Người đại diện tại các Đơn vị; công tác an sinh - xã hội.

Ông Hoàng Xuân Quốc – Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên độc lập theo Quy định hiện hành.
- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan Năng lượng tái tạo ngoài khơi; công tác nghiên cứu, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ, hệ thống định mức, chuyển đổi số, sáng kiến, sáng chế, cải tiến của Tổng công ty; công tác quản trị rủi ro

Ông Đoàn Minh Mẫn – Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên độc lập theo Quy định hiện hành;
- Hỗ trợ công việc liên quan tài chính, đầu tư tài chính, kế toán và kiểm toán; công tác theo dõi hợp đồng với Người có liên quan.

3. QUẢN TRỊ RỦI RO

3.1 RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Nhận diện

Kinh tế Việt Nam năm 2024 đang phục hồi mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều khó khăn, tuy nhiên vẫn tồn tại những thách thức đáng kể. Sự phụ thuộc lớn vào vốn đầu tư nước ngoài đặt ra bài toán về tính tự chủ kinh tế, khiến Việt Nam dễ bị tổn thương trước những biến động khó lường của tỷ giá và áp lực lạm phát từ bên ngoài. Song song với đó, quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, một xu hướng tất yếu của thời đại, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn và sự thay đổi về chính sách.

Thị trường năng lượng toàn cầu năm 2024 đang phải đối mặt với nhiều biến động phức tạp, gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung và giá cả. Các cú sốc kinh tế, biến động tỷ giá và áp lực nợ công đang tác động trực tiếp đến nguồn cung năng lượng. Xung đột địa chính trị, đặc biệt tại Trung Đông, gây biến động giá dầu và khí tự nhiên, trong khi các biện pháp bảo hộ thương mại và sự bất ổn của tỷ giá USD-VND làm tăng chi phí nhập khẩu năng lượng. Từ thách thức trên, thị trường dầu khí đã có biến động:

Nguồn cung dầu toàn cầu tăng chậm trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị và rủi ro suy thoái và kế hoạch duy trì cắt giảm sản lượng từ các nước sản xuất lớn. Cụ thể, các nước OPEC+ tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm sản lượng dầu thô, xuống còn 40,46 triệu thùng/ngày, áp dụng từ ngày 1/1/2024 đến 31/12/2024, Nga thông báo gia hạn việc cắt giảm tự nguyện 500.000 thùng/ngày cho đến cuối năm 2024, UAE giảm khoảng 150.000 thùng/ngày từ tháng 4/2024. Mặt khác, giá dầu hiện tại vẫn ở mức thấp xuất phát từ lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế Mỹ, quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới và sức mua hạn chế từ Trung Quốc, quốc gia nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới.

Thị trường năng lượng trong nước đang đối mặt với nhiều thách thức. Sản lượng khai thác dầu khí giảm mạnh do các mỏ truyền thống cạn kiệt và khó khăn trong phát triển mỏ mới. Đồng thời, Việt Nam phụ thuộc lớn vào nhập khẩu khí đốt hóa lỏng (LNG) từ Qatar, Malaysia và Saudi Arabia. Để đảm bảo an ninh năng lượng, Việt Nam đang nỗ lực tăng trữ lượng dầu khí thông qua các dự án mới.

Đối với năng lượng tái tạo:

Nhu cầu tăng cường an ninh năng lượng sau cuộc khủng hoảng năng lượng, bên cạnh các nỗ lực loại bỏ carbon, chính phủ nhiều nước trên thế giới đẩy nhanh hơn nữa việc triển khai năng lượng tái tạo. Do đó, năng lượng tái tạo tiếp tục phát triển nhanh chóng trong năm 2024 với mức tiêu thụ năng lượng mặt trời và năng lượng gió kết hợp tăng khoảng 11% mỗi năm. Tuy nhiên, các vấn đề về chuỗi cung ứng vẫn chưa được giải quyết triệt để, chi phí khai thác hàng hóa tăng cao và chi phí tài chính cao hơn cũng như giá đấu thầu thấp thách thức sự thành công của nhiều cuộc đấu giá năng lượng tái tạo trong năm 2024.

Các cuộc đấu giá những dự án điện gió ngoài khơi đã được lên kế hoạch tổ chức mở thầu ở Hoa Kỳ, CHLB Đức, Phần Lan, Ý, Brazil và Ấn Độ trong năm 2024. Tuy nhiên, các cuộc đấu thầu này có không thu hút nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư do một loạt thách thức bao gồm chi phí đầu vào và vốn đầu tư tài chính tăng cao cũng như sự gián đoạn chuỗi cung ứng và những hạn chế về cơ sở hạ tầng.

Biện pháp quản trị

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp năm 2023, đồng thời cập nhật và mở rộng dựa trên các bài học kinh nghiệm. Tập trung phát triển dịch vụ theo chuỗi giá trị, tận dụng lợi thế quy mô và đa dạng hóa dịch vụ.
- Đẩy mạnh đổi mới, cải tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp với bối cảnh chuyển đổi năng lượng. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt mở rộng đầu tư vào các dự án trên bờ bổ sung cho các dự án ngoài khơi hiện có.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả quản trị đầu tư; chủ động cân đối dòng tiền, kế hoạch huy động vốn để kịp ứng phó với biến động thị trường; Tối ưu hóa chi phí đầu tư, rà soát và tập trung vào các dự án trọng điểm, hiệu quả.
- Duy trì và phát huy phong cách làm việc chuyên nghiệp, xây dựng môi trường và văn hóa doanh nghiệp hiện đại, an toàn, bền vững.
- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp bằng việc áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến. Tăng cường ứng dụng công nghệ số để giám sát, đánh giá rủi ro và tối ưu hóa hoạt động.
- Đổi mới cơ chế tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực ngành dầu khí chuyên nghiệp, theo tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đào tạo về chuyên môn, kỹ năng thuộc các lĩnh vực kinh doanh chính.
- Xây dựng chế độ thù lao, thu nhập của người lao động, đảm bảo lợi ích người lao động gắn liền với sự phát triển bền vững của Tổng công ty PTSC.

3.2 RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

Nhận diện

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục hoàn thiện các chính sách pháp luật về đầu tư, đấu thầu, dầu khí, năng lượng... Trong đó, đáng lưu ý là nhóm các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng với mục tiêu “xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo”, bảo đảm an ninh năng lượng, hướng đến thực thi cam kết Net Zero và góp phần thúc đẩy ngành năng lượng phát triển bền vững, hiệu quả. Luật Điện lực được sửa đổi, bổ sung, cập nhật nhóm quy định khung về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi nhằm thúc đẩy đầu tư, tạo cơ chế, hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển lĩnh vực này, phục vụ trong nước và xuất khẩu. Chính phủ cũng xây dựng và ban hành nhiều Nghị định quan trọng hình thành khung chính sách liên quan đến điện gió ngoài khơi như Nghị định hướng dẫn về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực; Nghị định về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; Nghị định về giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân; cập nhật, sửa đổi Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch không gian biển... Khung pháp lý về điện gió ngoài khơi tại các văn bản pháp luật này đã góp phần thúc đẩy sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, và dự kiến sẽ thu hút tập trung nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực này.

Mặc dù vậy, việc áp dụng, triển khai các quy định pháp luật trên thực tế vẫn còn có nhiều khó khăn, bất cập bởi đến nay, các quy định pháp luật vẫn chưa đồng bộ, chưa đầy đủ. Đặc biệt các nội dung ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư trong thời kỳ đầu phát triển điện gió ngoài khơi còn chưa rõ ràng. Điều kiện tham gia điện gió ngoài khơi, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, quy định về quy trình, thủ tục đầu tư, việc phân cấp thẩm quyền chưa có nhiều đột phá, chưa tạo cơ chế thí điểm và chưa phát huy được tính chủ động trong đầu tư. Các chính sách ưu tiên thúc đẩy, bảo hộ sản xuất, khuyến khích, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp dịch vụ trong nước vẫn chưa được chú trọng.

Năm 2024, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Mẹ của PTSC đã bắt đầu các thủ tục để chuyển đổi thành Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia và đang tập trung xây dựng chiến lược tổng thể phát triển bền vững đến năm 2045, trong đó chú trọng vào đổi mới công nghệ và chuyển dịch năng lượng. Bên cạnh việc tiếp tục khẳng định vị thế, nâng cao năng lực, phát huy thế mạnh ở các mảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí truyền thống, PTSC cũng đang xây dựng chiến lược với quyết tâm bứt phá mạnh mẽ hơn nữa trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi và sẵn sàng tham gia một số lĩnh vực tiềm năng mới như điện hạt nhân, dịch vụ thu hồi và lưu trữ carbon, các dịch vụ hỗ trợ ngành năng lượng xanh... Tuy nhiên, với khung pháp lý vẫn còn một số bất cập, hạn chế nêu trên, PTSC vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Biện pháp quản trị

Trong bối cảnh chính sách pháp luật có những thay đổi, cập nhật, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng sẽ có

những cập nhật điều chỉnh cần thiết. Do đó, PTSC cần linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh và cơ chế quản trị điều hành, chủ động thích ứng nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong ngành dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi/ điện gió ngoài khơi.

Trong năm qua, nhiều kiến nghị, góp ý của PTSC liên quan đến việc phát triển các dự án điện gió ngoài khơi đã được các cấp có thẩm quyền ghi nhận, tiếp thu để đưa vào quy định pháp luật. PTSC cũng tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật, chủ động góp ý, kiến nghị nhiều dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về đảm bảo cạnh tranh và phương thức đấu thầu trong Luật Đấu thầu; lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong lĩnh vực điện lực tại Dự thảo Luật sửa đổi 4 Luật (Đầu tư, Quy hoạch, Luật PPP, Luật Đấu thầu); Kiến nghị Dự thảo Luật Điện lực, đặc biệt là các quy định về lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi/ điện gió ngoài khơi; các Nghị định hướng dẫn về điện gió ngoài khơi; Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 95 hướng dẫn Luật Dầu khí; Dự thảo sửa đổi Nghị định 11/2021/NĐ-CP về việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển...

Đồng thời, PTSC đảm bảo tuân thủ pháp luật chung trong hoạt động SXKD, chủ động rà soát, cập nhật và có các điều chỉnh cần thiết đối với các quy định nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định mới, phù hợp định hướng, chiến lược phát triển ngành và các lĩnh vực hoạt động mà PTSC đang triển khai và yêu cầu quản trị điều hành. PTSC cũng tiếp tục tăng cường kiểm soát, điều chỉnh cơ chế phân cấp về đầu tư, mua sắm, nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tập thể. PTSC cũng xây dựng, củng cố cơ chế nội bộ về phân cấp, ủy quyền, phân công, giao nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, giám sát, kiểm tra, kiểm toán, đánh giá nội bộ, kiểm soát nội bộ... Hệ thống văn bản quy phạm nội bộ được xây dựng tương đối đầy đủ, thống nhất, chặt chẽ và phát huy hiệu quả cao. Đồng thời, PTSC vẫn đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quy định đối với công ty đại chúng, công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của các cổ đông, ban kiểm soát, của các cấp có thẩm quyền (ĐHCD, HĐQT).

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục theo dõi, bám sát các kế hoạch xây dựng các chính sách pháp luật, đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật và tiếp tục gửi các kiến nghị về cơ chế chính sách đặc thù đối với các nhóm ngành liên quan, chính sách phát triển năng lượng tái tạo/ điện gió ngoài khơi, công nghiệp chế tạo, sản xuất, dịch vụ phục vụ ngành dầu khí và năng lượng. Kiến nghị các cấp có thẩm quyền thúc đẩy, sớm hoàn thiện đồng bộ, đầy đủ chính sách pháp luật, tạo “cơ chế đột phá” thực sự về phát triển các dự án năng lượng tái tạo/ điện gió ngoài khơi để Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên có đủ cơ sở pháp lý triển khai thực hiện. Đặc biệt là các nội dung quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, chính sách nội địa hóa, ưu tiên, ưu đãi, khuyến khích đầu tư và phát triển sản xuất trong phát triển các dự án. Theo đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cần được xây dựng đầy đủ, không chỉ Luật về Năng lượng tái tạo, Luật Biển mà các nhóm ngành Luật liên quan (Điện lực, Dầu khí, Đầu tư...), quy chuẩn kỹ thuật, các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình đầu tư, thẩm định, lựa chọn, ưu đãi cho nhà đầu tư cụ thể trong các lĩnh vực này.

Ngoài ra, PTSC tìm kiếm các đối tác tiềm năng, triển khai các thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu dịch vụ dầu khí, dịch vụ năng lượng tái

tạo, xuất khẩu công trình, sản phẩm hàng hóa ra nước ngoài phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước.

3.3 RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Nhận diện rủi ro

- Rủi ro tín dụng: xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không tuân thủ các nghĩa vụ trong hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện thanh toán nợ, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty PTSC.
- Rủi ro lãi suất: PTSC có các khoản huy động vốn từ các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư và hoạt động SXKD nên có rủi ro về lãi suất.
- Rủi ro tỷ giá: Khách hàng, Nhà cung cấp của PTSC đến từ nhiều khu vực địa lý khác nhau và phần lớn có yếu tố nước ngoài nên có các khoản thu chi bằng ngoại tệ lớn làm phát sinh rủi ro tỷ giá.
- Rủi ro thanh khoản: Tổng công ty PTSC có hoạt động kinh doanh đa dạng với nhiều lĩnh vực dịch vụ cần đầu tư tài sản giá trị lớn như phương tiện nổi, tàu dịch vụ, hệ thống cảng, thiết bị nâng hạ và các dịch vụ cần vốn lưu động lớn như cơ khí chế tạo nên luôn luôn có rủi ro thanh khoản tiềm ẩn.

Biện pháp quản trị

Việc nhận diện được các rủi ro tài chính và đề ra các biện pháp quản trị rủi ro được PTSC thực hiện thường xuyên và liên tục cải tiến qua từng năm, cụ thể:

- Đối với rủi ro tín dụng, trước khi tham gia một gói thầu hoặc thực hiện một hợp đồng bất kỳ, PTSC đều thực hiện đánh giá tình hình tài chính và hoạt động các khách hàng, đối tác để đảm bảo khả năng thực hiện hợp đồng và đưa ra một chính sách tín dụng phù hợp. Định kỳ, PTSC sẽ thực hiện đối chiếu nợ, đánh giá lịch sử tín dụng và có các thư xác nhận, thông báo, nhắc nhở khách hàng và đối tác về thanh toán nợ. Đối với một số khách hàng có rủi ro tín dụng cao, PTSC sẽ yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán từ Tổ chức tín dụng có uy tín hoặc bảo lãnh công ty mẹ.
- Đối với rủi ro lãi suất, PTSC đã tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn trong nước và quốc tế bằng cả nội tệ và ngoại tệ để đa dạng hóa nguồn huy động, tránh bị ảnh hưởng đột biến từ một thị trường. Ngoài ra để giảm thiểu rủi ro từ việc biến động lãi suất, Tổng công ty PTSC đã thu xếp vốn, thực hiện các nghiệp vụ phái sinh có định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
- Đối với rủi ro về tỷ giá, PTSC quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng

với khách hàng theo đối ứng với khoản ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp. Ngoài ra, PTSC cũng sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý dòng tiền ngoại tệ như giao dịch hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng mua kỳ hạn,... để tăng thu nhập tài chính.

- Đối với rủi ro thanh khoản, PTSC quản trị bằng các quy chế, quy định cụ thể đảm bảo cân đối dòng tiền của mỗi dự án, mỗi công việc, mỗi hợp đồng luôn được kiểm soát; thời gian thu hồi nợ phải thu luôn nhỏ thời gian thanh toán nợ phải trả; sử dụng các nguồn vốn dài hạn để đầu tư các tài sản dài hạn.

3.4 RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, SỨC KHỎE, NGHỀ NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Nhận diện rủi ro

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tái tạo ngoài khơi có môi trường sản xuất khắc nghiệt trên biển, gia công chế tạo công trình dầu khí/công nghiệp nặng... tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm liên quan đến Sức khỏe nghề nghiệp, An toàn, Môi trường và Chất lượng (HSEQ) với các rủi ro chính được nhận diện và quản lý như sau:

- Rủi ro về Sức khỏe nghề nghiệp, An toàn lao động: nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong quá trình sản xuất hoặc khi xảy ra tai nạn/sự cố cháy nổ, hư hỏng thiết bị và mắc các bệnh nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường tiếng ồn, rung, hóa chất... Tai nạn/sự cố xảy ra có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về con người, môi trường, tài sản và làm gián đoạn hoạt động SXKD gây ảnh hưởng lớn đến uy tín của Tổng công ty.
- Rủi ro về Môi trường: các rủi ro liên quan đến ô nhiễm môi trường phải đối mặt bao gồm:
 - Phát thải Khí nhà kính (KNK): Phát thải trực tiếp (Phạm vi 1) từ nhiên liệu cho tàu, thiết bị thi công; phát thải gián tiếp (Phạm vi 2 & 3) từ điện năng, nhà thầu, chuỗi cung ứng, góp phần biến đổi khí hậu và ảnh hưởng chất lượng không khí. Việc kiểm soát và giảm thiểu phát thải KNK là một thách thức cấp bách, ảnh hưởng đến việc tuân thủ quy định về môi trường, năng lực cạnh tranh quốc tế và mục tiêu Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam.
 - Nước thải: Nước thải sinh hoạt từ người lao động tại các cơ sở sản xuất và phương tiện nổi; nước thải công nghiệp từ hoạt động bảo dưỡng, vệ sinh. Nếu không được xử lý đạt quy chuẩn thải có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và môi trường biển.
 - Chất thải rắn và chất thải nguy hại: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp từ quá trình sản xuất, sinh hoạt của người lao động, chế tạo công trình và bảo trì nếu không được quản lý đúng cách có thể gây ô nhiễm đất, nước và ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng.
- Rủi ro về Chất lượng: Nguy cơ cung cấp sản phẩm (chân đế, thượng tầng, module, cấu kiện điện gió...) hoặc dịch vụ không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất

lượng của hợp đồng và khách hàng. Sai sót chất lượng có thể dẫn đến chi phí khắc phục lớn, chậm tiến độ, mất lòng tin của khách hàng, ảnh hưởng đến an toàn vận hành và năng lực cạnh tranh.

- Rủi ro từ chuỗi cung ứng: Việc kiểm soát chất lượng và tuân thủ HSEQ của các nhà cung cấp nguyên vật liệu (sắt thép, khí công nghiệp,...) và nhà thầu phụ là một thách thức, có thể ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng và an toàn chung của dự án.

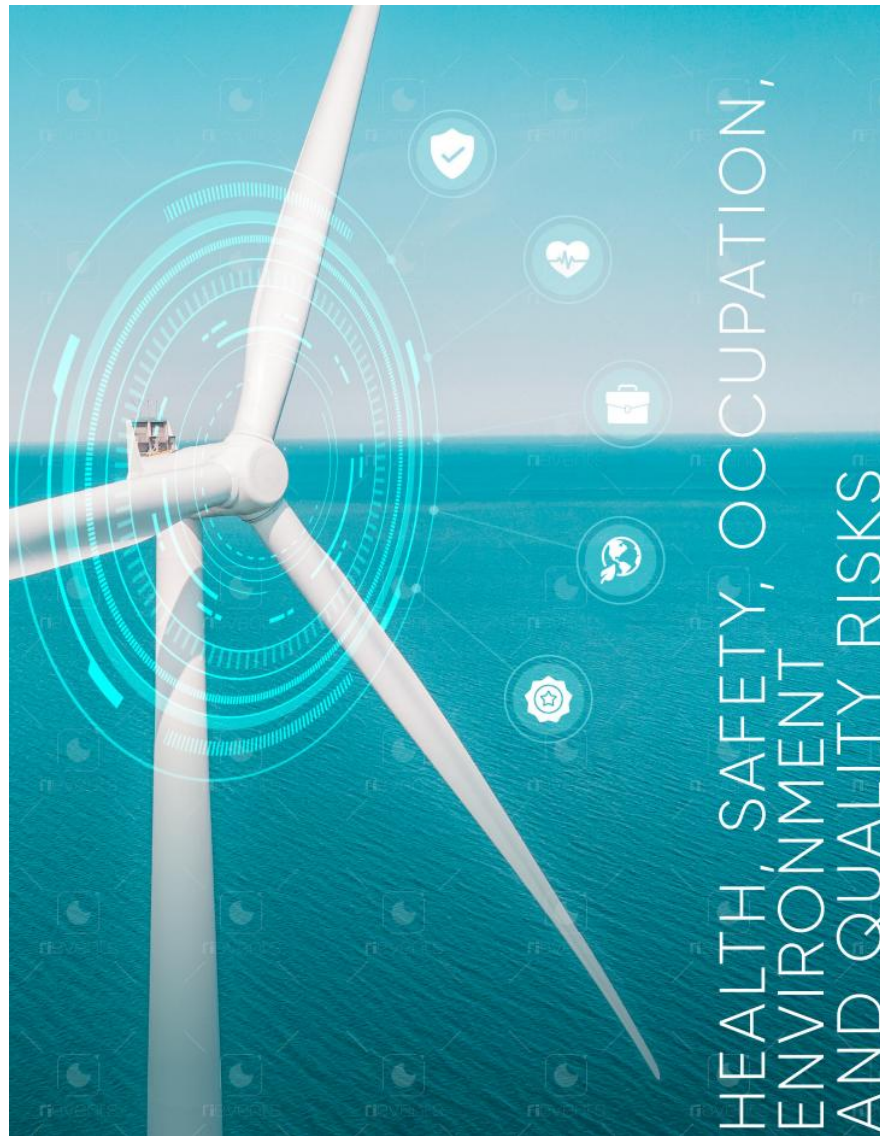
Biện pháp quản trị

Để kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro về HSEQ, PTSC đã và đang triển khai đồng bộ các biện pháp quản trị, tích hợp vào hệ thống quản lý chung của Tổng công ty, tập trung vào các giải pháp chính sau:

- Áp dụng và duy trì hiệu quả Hệ thống quản lý tích hợp HSEQ theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 (Chất lượng), ISO 14001:2015 (Môi trường) và ISO 45001:2018 (An toàn & Sức khỏe nghề nghiệp). Hệ thống này được rà soát và cải tiến liên tục nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro HSEQ cho từng hoạt động, dự án và áp dụng nghiêm ngặt hệ thống quy định/quy trình/hướng dẫn làm việc an toàn.
- Kiểm soát khí thải, nước thải và chất thải: đầu tư và vận hành các công trình xử lý nước thải, khí thải tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường; kiểm soát đo đạc, quan trắc định kỳ chất lượng phát thải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn môi trường; quản lý chặt chẽ việc phân loại, tái chế và xử lý chất thải theo đúng quy định.
- Quản lý hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải KNK:
 - Áp dụng hệ thống quản lý sử dụng năng lượng hiệu quả, đặc biệt cho đội tàu và các cơ sở trọng điểm.
 - Xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu. Năm 2024, ước tính tiết kiệm 10,87 tỷ đồng nguyên vật liệu và 3,0 tỷ đồng nhiên liệu, năng lượng.
 - Đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu xanh và sử dụng năng lượng tái tạo điện mặt trời áp mái.
 - Triển khai "Chương trình hành động xanh PTSC" và đang hoàn thiện, xây dựng Chiến lược Phát triển bền vững theo tiêu chí ESG (dự kiến hoàn thành trong năm 2025) với mục tiêu Net Zero vào năm 2050. PTSC đã thực hiện kiểm kê sơ bộ phát thải KNK cho các năm 2022-2023 và đang thực hiện kiểm kê toàn diện KNK cho năm 2024.
- Quản lý chất lượng nhà thầu phụ, chuỗi cung ứng: sử dụng Hệ thống Quản lý HSEQ để đánh giá, lựa chọn và kiểm soát nhà cung ứng dựa trên tiêu chuẩn HSEQ và hợp

đồng chặt chẽ; yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng và an toàn, thực hiện giám sát và kiểm tra nguyên vật liệu, dịch vụ tại hiện trường; xây dựng danh sách nhà cung cấp chiến lược, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc và gián đoạn chuỗi cung ứng; thiết lập cơ chế phản hồi và cải tiến liên tục, xử lý nhanh các vấn đề phát sinh để đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc/dự án.

Thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm toán HSEQ nội bộ định kỳ, đột xuất tại các cơ sở/phương tiện sản xuất; tổ chức các đợt kiểm toán nội bộ HSEQ bởi bên thứ ba.



4. THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024

- Chi phí tiền lương, thù lao, phụ cấp Tổng công ty chi trả cho HĐQT, Ban Kiểm soát phù hợp và tuân thủ theo Nghị quyết số 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2024 và Quy định hiện hành.
- Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của từng Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2024 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (đồng)	Phụ cấp (đồng)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (đồng)	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7+8+9)
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	2.077.812.000	-	2.812.087.000	4.889.899.000
2	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT/TGD (đến ngày 06/12/2024)	01/01/2024	06/12/2024	12	2.143.872.000	-	2.797.469.000	4.941.341.000
3	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	1.691.068.000	-	1.948.148.000	3.639.216.000
4	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	1.728.741.000	-	2.342.416.000	4.071.157.000
5	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	1.654.001.000	-	2.173.458.000	3.827.459.000
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	-	180.000.000	450.000.000	630.000.000
7	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	-	180.000.000	350.000.000	530.000.000
8	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD (đến ngày 16/9/2024)	01/01/2024	16/09/2024	09	1.716.837.000	-	2.406.010.000	4.122.847.000

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (đồng)	Phụ cấp (đồng)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (đồng)	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ (đồng)
9	Tạ Đức Tiến	Phó TGD (đến ngày 12/11/2024)	01/01/2024	12/11/2024	11	983.049.000	-	2.072.243.000	3.055.292.000
10	Trần Hồ Bắc	Phó TGD/TGD (Từ ngày 06/12/2024)	01/01/2024	31/12/2024	12	1.740.800.000	-	2.795.816.000	4.536.616.000
11	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.691.068.000	-	2.111.120.000	3.802.188.000
12	Trần Hoài Nam	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.654.001.000	-	2.216.352.000	3.870.353.000
13	Phạm Văn Hùng	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.560.989.000	-	1.808.557.000	3.369.546.000
14	Lê Cự Tân	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.307.879.000	-	295.451.000	1.603.330.000
15	Lê Chiến Thắng	Phó TGD	12/11/2024	31/12/2024	2	689.338.000	-	1.000.000	690.338.000
16	Nguyễn Văn Bảo	Kế toán trưởng	01/01/2024	31/12/2024	12	1.414.640.000	-	1.798.608.300	3.213.248.300
17	Bùi Thu Hà	Trưởng BKS	01/01/2024	31/12/2024	12	1.414.640.000	-	1.856.220.300	3.270.860.300
18	Bùi Hữu Việt Cường	Kiểm soát viên	01/01/2024	31/12/2024	12	1.035.884.000	-	1.309.580.300	2.345.464.300
19	Phạm Văn Tiến	Kiểm soát viên	01/01/2024	31/12/2024	12	1.035.884.000	-	1.313.580.300	2.349.464.300
	TỔNG CỘNG					24.883.924.000	285.000.000	21.206.850.800	46.375.774.800

V. CHỨNG KHOÁN PVS

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết (cổ phiếu)	477.966.290
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	477.966.290
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	16.203,057
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu (EPS) (đồng)	1.923
P/E	17,63
Giá trị sổ sách/CP (đồng)	20.776
Giá CP cao nhất trong năm 2024 (đồng)	47.109
Giá CP thấp nhất trong năm 2024 (đồng)	30.400

(Dữ liệu tại ngày 31/12/2024)

2. CỔ ĐÔNG

2.1 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(cập nhật theo Danh sách cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng 14/11/2024)

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tổ chức Việt Nam	87	274.855.508	57,51%
Cá nhân Việt Nam	19.842	102.060.653	21,35%
Tổ chức Nước ngoài	88	100.330.406	20,99%
Cá nhân Nước ngoài	217	719.723	0,15%

2.2 DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5%)

Số lượng cổ phiếu được thống kê theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 14/11/2024 và các Báo cáo giao dịch nhận được tính đến hết ngày 31/12/2024

STT	Tên Cổ đông/ Nhóm Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỉ lệ sở hữu (%)	Trong nước/ Nước ngoài	Cá nhân/ Tổ chức
1.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38%	Trong nước	
2.	Nhóm Cổ đông nước ngoài có liên quan do Bà Trương Ngọc Phượng là Người đại diện được ủy quyền công bố thông tin, sở hữu 7,1025% cổ phiếu PVS, chi tiết như sau:	33.947.700	7,1025%	Nước ngoài	
	- <i>Amersham Industries Limited</i>	7.596.500	1,5893%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>DC Developing Markets Strategies Public Limited Company</i>	100.000	0,0209%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Hanoi Investment Holdings Limited</i>	2.589.900	0,5419%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Norges Bank</i>	9.609.100	2,0104%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Saigon Investments Limited</i>	5.510.200	1,1528%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]</i>	300.000	0,0628%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Vietnam Enterprise Investments Limited</i>	5.912.000	1,2369%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Wareham Group Limited</i>	2.330.000	0,4875%	Nước ngoài	Tổ chức

2.3 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ tính đến hết ngày 25/12/2024.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tổng công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2024)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2024)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2024		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch mua	Giao dịch Bán		
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	48.551	0,010%	0	0		
2	Lê Mạnh Cường	TV.HĐQT/ TGD (đến ngày 06/12/2024)	55.424	0,012%	0	0		
3	Nguyễn Xuân Ngọc	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
4	Đỗ Quốc Hoan	TV.HĐQT	9.377	0,002%	4.000	0	Mua	
5	Trần Ngọc Chương	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
7	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
8	Bùi Thu hà	Trưởng Ban Kiểm soát	-	0,0000%	0	0		
9	Bùi Hữu Việt Cường	TV. BKS	1.667	0,0003%	0	0		
10	Phạm Văn Tiến	TV. BKS	-	0,0000%	0	0		
11	Trần Hồ Bắc	TGD (từ ngày 06/12/2-24)	2.149	0,0004%	0	0		
12	Tạ Đức Tiến	Phó TGD (đến ngày 12/11/2024)	1.637	0,0003%	0	0		
13	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD (đến ngày 16/9/2024)/Chủ tịch Công đoàn	3.794	0,0008%	0	0		
14	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	5.019	0,0011%	0	0		
15	Trần Hoài Nam	Phó TGD	01	0,0000%	0	0		

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tổng công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2024)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2024)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2024		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch mua	Giao dịch Bán		
16	Phạm Văn Hùng	Phó TGD	5.803	0,0012%	0	0		
17	Lê Cự Tân	Phó TGD						
18	Lê Chiến Thắng	Phó TGD (từ ngày 12/11/2024)	125.705	0,026%	0	0		
19	Nguyễn Văn Bảo	Kế toán trưởng	79	0,0000%	0	0		
20	Nguyễn Đức Thủy	NCBTT/ Người PTQT	-	0,0000%	0	0		

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

PVS - KHẲNG ĐỊNH UY TÍN VÀ MINH BẠCH TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

Kể từ khi chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán vào tháng 9 năm 2007, Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán PVS) luôn được đánh giá là một trong những doanh nghiệp niêm yết uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Năm 2024, PTSC tiếp tục được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vinh danh là "Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt", khẳng định sự minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Với vị thế tiên phong trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp tại Việt Nam và là thương hiệu lớn trên thị trường khu vực, PTSC luôn kiên định thực hành quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn cao nhất. PTSC tuân thủ chặt chẽ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành cũng như áp dụng thông lệ quốc tế, đồng thời đề cao vai trò của hoạt động Quan hệ cổ đông, nhà đầu tư trong việc xây dựng các mối quan hệ bền vững, minh bạch, góp phần tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và bảo vệ quyền lợi của Cổ đông.

3.1 Tăng cường đối thoại:

Quyền tiếp cận thông tin của Cổ đông

Trong năm 2024, PTSC đã tích cực tổ chức các cuộc gặp gỡ định kỳ với các nhà đầu tư, đồng thời sẵn sàng tiếp nhận theo yêu cầu nhằm cung cấp thông tin chi tiết về tình hình hoạt động SXKD hàng quý. PTSC đã đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ những công ty chứng khoán, quỹ quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam cùng với các quỹ đầu tư nước ngoài, tất cả đều tìm kiếm cơ hội hợp tác và đầu tư. Thêm vào đó, thông tin về hoạt động SXKD của PTSC luôn được công bố một cách chính xác và kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho tất cả các Cổ đông.

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện để các Cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm có cơ hội trải nghiệm thực tế về các lĩnh vực hoạt động, PTSC tổ chức các buổi tham quan cơ sở vật chất Trung tâm công nghiệp năng lượng và hậu cần kỹ thuật PTSC. Những chuyến tham quan thực địa thú vị, trực quan sinh động đã cung cấp đầy đủ thông tin về hệ sinh thái dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng của PTSC và để lại trong lòng khách tham quan những ấn tượng tốt đẹp

Thảo luận và chất vấn tại các cuộc họp ĐHĐCĐ và Gặp gỡ nhà đầu tư

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, Cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch. Các vấn đề Cổ đông đặt ra đều được Đoàn chủ tịch giải đáp, cung cấp thông tin minh bạch, chính xác. Các nội dung góp ý, kiến nghị của Cổ đông tại cuộc họp đều được tiếp thu và nghiên cứu triển khai phù hợp. Bên cạnh đó, trước mỗi kỳ ĐHĐCĐ, PTSC đều tổ chức Hội nghị Nhà đầu tư (Analyst Meeting) nhằm thông tin đến các nhà đầu tư về tình hình tài chính, kết quả SXKD, triển vọng thị trường dầu khí, năng lượng tái tạo cũng như định hướng, chiến lược phát triển của PTSC trong tương lai. Thông qua những sự kiện này, Ban Lãnh đạo PTSC đã chia sẻ và trao đổi cởi mở với các nhà đầu tư, giúp nâng cao hiểu biết lẫn nhau cho các bên tham gia.

3.2 Minh bạch thông tin:

PTSC luôn đề cao và hiểu được tính chất quan trọng của việc minh bạch thông tin, đã áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin, đăng tải, cập nhật các thông tin công bố về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, các thông báo liên quan, tình hình tài chính, kết quả hoạt động, định hướng, chiến lược phát triển, giao dịch với các bên liên quan, quyền sở hữu và các cơ cấu kiểm soát,... trên website, các trang mạng xã hội cũng như thông qua các kênh truyền thông của PTSC nhanh chóng, kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, PTSC cũng kết hợp với các Công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động PTSC một cách chi tiết và minh bạch nhất.

3.3 Bảo vệ quyền lợi Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông:

Để thực hiện đúng mục tiêu “Bảo vệ tối đa quyền lợi Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa Cổ đông thiểu số - đa số, giữa Cổ đông trong nước - nước ngoài, giữa Cổ đông nội bộ - bên

ngoài” của Tổng công ty PTSC, Bộ phận quan hệ Cổ đông của PTSC luôn làm việc tích cực, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ Cổ đông về việc thực hiện các quyền của Cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động PTSC, tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, ủy quyền thực hiện quyền của Cổ đông, nhận cổ tức từ PTSC...

DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2024

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
1	11/01/2024	Thông báo về việc Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
2	11/01/2024	Công bố thông tin Triệu tập Hội và nội dung dự thảo Tài liệu Hội ĐHĐCĐ bất thường năm 2024
3	30/01/2024	Báo cáo Tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo; Năm 2023)
4	30/01/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2023
5	30/01/2024	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 4/2023
6	30/01/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2023 so với Quý 4/2022
7	30/01/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2023 so với Quý 4/2022
8	02/02/2024	Biên bản Hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
9	02/02/2024	Nghị quyết Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
10	02/02/2024	Công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Hội ĐHĐCĐ bất thường năm 2024
11	14/03/2024	Giải trình chênh lệch số liệu BCTC Công ty mẹ năm 2023
12	14/03/2024	Giải trình chênh lệch số liệu BCTC Hợp nhất năm 2023
13	14/03/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2023 đã kiểm toán
14	14/03/2024	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán
15	14/03/2025	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
16	03/04/2024	Công bố Báo cáo thường niên 2023
17	04/04/2024	Công bố Nghị quyết về Hội đồng Cổ đông thường niên 2024

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
18	26/04/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2024 so với Quý 1/2023
19	26/04/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2024 so với Quý 1/2023
20	26/04/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2024
21	26/04/2024	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
22	17/05/2024	Công bố thông tin Triệu tập Hội và nội dung dự thảo Tài liệu Hội ĐHĐCĐ thường niên 2024
23	30/05/2024	Công bố thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11
24	03/06/2024	Thông báo về việc Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
25	14/06/2024	Công bố thông tin Nghị quyết về Phê duyệt Nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông tại phiên Hội ĐHĐCĐ thường niên 2024 của Tổng công ty
26	17/06/2024	Biên bản Hội Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024
27	17/06/2024	Nghị quyết Hội Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024
28	18/06/2024	Công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Hội ĐHĐCĐ thường niên 2024
29	10/07/2024	Công bố thông tin Ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024
30	25/07/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2024 so với Quý 2/2023
31	25/07/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2024 so với Quý 2/2023
32	25/07/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2024
33	25/07/2024	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
34	29/07/2024	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo: 06 tháng Năm 2024)
35	30/07/2024	Đính chính thông tin của BCTC Công ty mẹ Quý 2/2024 đã công bố
36	30/07/2024	Đính chính thông tin của BCTC hợp nhất Quý 2/2024 đã công bố

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
37	02/08/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2024
38	02/08/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 06 tháng năm 2024 đã được soát xét
39	08/08/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024
40	08/08/2024	Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính
41	16/09/2024	Thông báo Về việc Công tác cán bộ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
42	24/09/2024	Công bố thông tin về Hợp đồng thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị
43	28/10/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2024 so với Quý 3/2023
44	28/10/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2024 so với Quý 3/2023
45	28/10/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2024
46	28/10/2024	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
47	30/10/2024	Nghị quyết về việc Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền
48	30/10/2024	Công bố thông tin Nghị quyết Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền
49	31/10/2024	Thông báo về việc Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền
50	12/11/2024	Thông báo về việc Công tác cán bộ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
51	06/12/2024	Thông báo về việc Công tác cán bộ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
52	13/12/2024	Thông báo về việc Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
53	27/12/2024	Công bố thông tin Nghị quyết Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản
54	30/12/2024	Thông báo về việc Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

4. ĐÁNH GIÁ CỔ PHIẾU PVS

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam đối diện với nhiều biến động nhưng vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng nhờ nền tảng vĩ mô ổn định và dòng vốn tích cực. VN-Index mở đầu năm với tâm lý tích cực và tiến đến vùng giá 1.293 điểm vào tháng 3 nhờ dòng vốn nội và ngoại đổ mạnh vào thị trường. Tuy nhiên, áp lực từ kinh tế toàn cầu, lãi suất Mỹ duy trì ở mức cao và dòng tiền có sự phân hóa khiến thị trường xuất hiện các nhịp điều chỉnh mạnh. Cuối năm 2024, VN-Index chốt ở 1.266 điểm, tăng 12,1% so với đầu năm, thể hiện sự bền vững của thị trường bất chấp những thách thức từ bên ngoài.

Đối với ngành dầu khí, năm 2024, giá dầu Brent dao động trong khoảng 70-90 USD/thùng, phản ánh sự cân bằng giữa nhu cầu và nguồn cung khi áp lực từ nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, đặc biệt tại Trung Quốc và châu Âu, khiến nhu cầu tiêu thụ dầu suy yếu; tuy nhiên, OPEC+ lại duy trì chính sách cắt giảm sản lượng, cùng với căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và Biển Đỏ, đã giúp giá dầu không giảm sâu. Giá dầu Brent bình quân đạt 80 USD/thùng, giảm 2,8% so với năm 2023 nhưng vẫn đủ duy trì hoạt động thăm dò và khai thác (E&P) trên toàn cầu.

Trong khi đó, ở Việt Nam, Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) của “siêu” Dự án khí điện Lô B được thông qua vào tháng 3/2024 mở đường cho việc khởi công vào tháng 9/2024. PVS tham gia thực hiện các gói thầu EPCI#1, EPCI#2, EPCI#3 Dự án Lô B cùng với Hợp đồng EPCIC Dự án Lạc Đà Vàng và Hợp đồng thi công dự án điện gió quốc tế,... đảm bảo khối lượng công việc lớn và ổn định cho các năm tới.

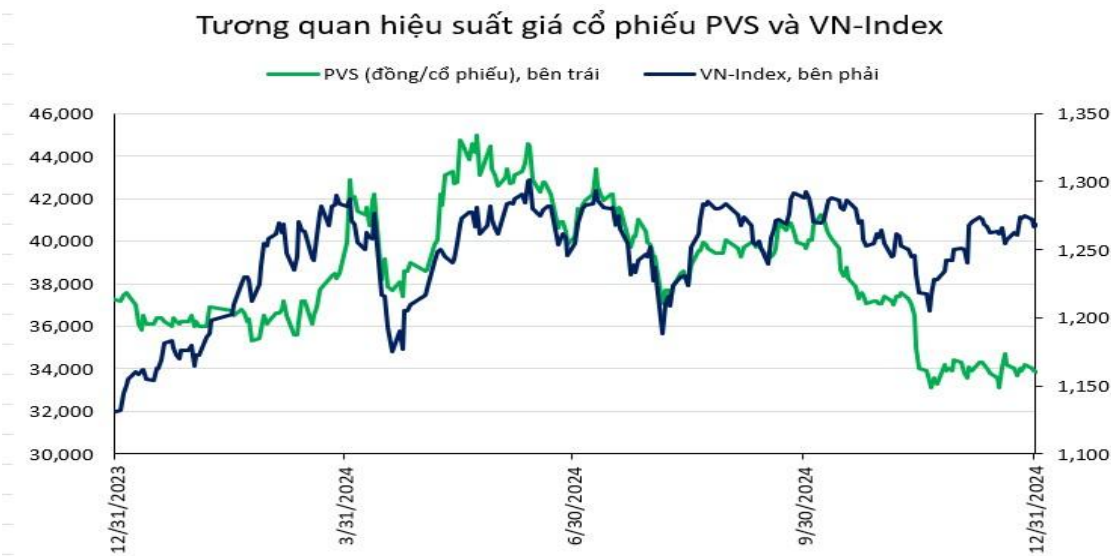
Năm 2024, PTSC đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực, vượt xa kế hoạch đề ra và đạt mức lợi nhuận cao nhất trong 9 năm qua. Với lượng backlog lớn từ các dự án M&C trong những năm tới và vị thế dẫn đầu trong ngành, năm 2024, Doanh thu hợp nhất đạt 24.986 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2023. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 1.255 tỷ đồng, tăng 18,4% so với thực hiện năm 2023. Xét về mức độ tương quan giữa cổ phiếu PVS và VN-Index, có thể thấy diễn biến giá của PVS cũng khá tương đồng với diễn biến chung của thị trường trong năm 2024. Nửa đầu năm 2024, khi thị trường chứng khoán diễn biến khá tích cực, cùng với đó là sự phân hóa của dòng tiền, cổ phiếu PVS cũng trở thành một trong những điểm sáng khi đó, với mức tăng hơn 20% (tính từ đầu năm 2024 đến giữa tháng 5/2024).

Tuy nhiên, nửa sau của năm 2024, thị trường chứng khoán diễn biến theo chiều hướng phân hóa mạnh hơn, VN-Index nhiều lần “dập dề lên xuống”, kéo theo đó là sự điều chỉnh của nhiều cổ phiếu, trong đó có PVS. Dù vậy, ở góc nhìn dài hạn, với tiềm năng tăng trưởng và triển vọng công việc trong tương lai, PVS vẫn được kỳ vọng sẽ giữ vững vị thế trên thị trường trong năm 2025.

Biểu đồ giá dầu thô năm 2024



E



5. LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PTSC QUA CÁC NĂM

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000,00
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	73.803.431	1.738,03
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988,03
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	98.998.663	2.978,02
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	148.898.327	4.467,00

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
2017	Chia cổ tức bằng CP cho cổ đông hiện hữu	31.269.002	4.779,66

6. LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TÚC BẰNG TIỀN MẶT CỦA PTSC (2007-2022)

Stt	Năm	Ngày đăng ký cuối cùng	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Số tiền cổ tức (nghìn đồng)
1.	2007	14/3/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2.	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3.	2008 (đợt 2)	25/6/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4.	2009	12/5/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5.	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6.	2011	25/5/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188
7.	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8.	2012 (đợt 2)	5/9/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9.	2013	28/7/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10.	2014	31/7/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11.	2015	22/7/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12.	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13.	2016 (đợt 2)	29/9/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.	2017 (đợt 1)	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
15.	2017 (đợt 2)	31/10/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
16.	2018	30/9/2019	4.779.662.900	7%	334.576.403
17.	2019	23/11/2020	4.779.662.900	10%	477.966.290
18.	2020	28/9/2021	4.779.662.900	10%	477.966.290
19.	2021	28/9/2022	4.779.662.900	8%	382.373.032
20.	2022	27/10/2023	4.779.662.900	7%	334.576.403
21.	2023	14/11/2024	4.779.662.900	7%	334.576.403
Tổng cộng					6.983.027.391

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12, số 0100150577, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng Quản trị	Ông Phan Thanh Tùng	Chủ tịch
	Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên
	Ông Trần Hồ Bắc	Thành viên
		(từ ngày 3 tháng 3 năm 2025)
	Ông Lê Mạnh Cường	Thành viên
		(đến ngày 3 tháng 3 năm 2025)
	Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập
	Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát	Bà Bùi Thu Hà	Trưởng ban
	Ông Bùi Hữu Việt Cường	Thành viên
	Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Hồ Bắc	Tổng Giám đốc
		(từ ngày 6 tháng 12 năm 2024)
	Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
		(đến ngày 6 tháng 12 năm 2024)
	Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 12 tháng 11 năm 2024)	
	Ông Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 12 tháng 11 năm 2024)
	Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 16 tháng 9 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Hồ Bắc	Tổng Giám đốc
		(từ ngày 6 tháng 12 năm 2024)
	Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
		(đến ngày 6 tháng 12 năm 2024)

Trụ sở chính Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Tổng công ty đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 91. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cy
Trần Hồ Bắc
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 91.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16292
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Duy Thịnh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4633-2023-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.882.307.235.252	16.289.894.707.172
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.421.530.345.030	5.757.120.569.689
111	Tiền		7.137.281.291.449	3.628.139.793.273
112	Các khoản tương đương tiền		4.284.249.053.581	2.128.980.776.416
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.886.136.152.000	4.329.388.583.505
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	3.886.136.152.000	4.329.388.583.505
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		6.243.893.215.927	4.185.005.658.625
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.706.373.473.651	3.111.110.095.704
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	503.153.960.633	429.627.258.156
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	315.652.153.309	126.550.860.677
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	943.219.909.539	639.548.337.836
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(224.506.281.205)	(121.830.893.748)
140	Hàng tồn kho	10(a)	1.830.251.469.172	1.470.404.312.744
141	Hàng tồn kho		1.842.464.776.007	1.476.352.778.671
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.213.306.835)	(5.948.465.927)
150	Tài sản ngắn hạn khác		500.496.053.123	547.975.582.609
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	49.689.840.111	50.799.468.416
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12	449.424.331.983	495.021.150.547
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19(a)	1.381.881.029	2.154.963.646

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		10.194.501.123.763	10.126.114.103.215
210	Các khoản phải thu dài hạn		97.115.488.107	122.783.978.233
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	97.115.488.107	122.783.978.233
220	Tài sản cố định		3.587.779.562.584	3.391.382.056.464
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	3.525.960.023.388	3.327.996.428.447
222	Nguyên giá		13.956.342.462.787	13.208.829.689.762
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.430.382.439.399)	(9.880.833.261.315)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	61.819.539.196	63.385.628.017
228	Nguyên giá		198.039.222.348	191.910.443.578
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(136.219.683.152)	(128.524.815.561)
230	Bất động sản đầu tư	14	159.659.689.059	164.394.960.915
231	Nguyên giá		229.280.786.454	229.280.786.454
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.621.097.395)	(64.885.825.539)
240	Tài sản dở dang dài hạn		429.933.764.113	373.055.575.647
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15(a)	69.815.950.708	69.815.950.708
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15(b)	360.117.813.405	303.239.624.939
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.730.390.622.099	4.944.744.807.570
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	4.728.578.179.791	4.942.961.726.110
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	3.000.000.000	3.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(1.187.557.692)	(1.216.918.540)
260	Tài sản dài hạn khác		1.189.621.997.801	1.129.752.724.386
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	784.763.707.090	819.532.667.802
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	375.171.360.076	277.488.713.037
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	29.686.930.635	32.731.343.547
270	TỔNG TÀI SẢN		34.076.808.359.015	26.416.008.810.387

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		19.337.280.616.621	12.871.785.895.146
310	Nợ ngắn hạn		13.938.456.255.382	9.059.981.932.254
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	4.654.388.657.496	3.512.913.500.344
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18(a)	345.599.155.293	251.743.849.255
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19(b)	406.066.567.462	131.349.802.704
314	Phải trả người lao động		926.584.792.827	644.082.888.285
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	4.674.139.938.415	1.777.032.496.201
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	184.744.107.346	237.901.633.014
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21(a)	165.423.135.753	10.236.504.784
319	Phải trả ngắn hạn khác	22(a)	652.288.123.957	650.221.996.761
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23(a)	869.214.138.968	1.176.092.479.623
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	24(a)	353.270.134.995	45.176.198.567
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	706.737.502.870	623.230.582.716
330	Nợ dài hạn		5.398.824.361.239	3.811.803.962.892
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	18(b)	1.788.188.840.740	839.154.706.766
333	Chi phí phải trả dài hạn		7.795.780	24.609.845
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21(b)	177.776.564.360	184.132.364.144
337	Phải trả dài hạn khác	22(b)	180.851.485	69.632.448.385
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23(b)	790.109.474.218	563.921.256.799
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	741.277.938.098	695.304.220.797
342	Dự phòng phải trả dài hạn	24(b)	1.899.436.600.359	1.454.852.195.877
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	26	1.846.296.199	4.782.160.279
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.739.527.742.394	13.544.222.915.241
410	Vốn chủ sở hữu		14.739.527.742.394	13.544.222.915.241
411	Vốn góp của chủ sở hữu	27, 28	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	28	39.617.060.000	39.617.060.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	28	349.934.690.410	-
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	521.646.163.782	515.577.712.981
418	Quỹ đầu tư phát triển	28	3.795.997.118.958	3.451.157.842.825
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	28	4.081.757.331.087	4.048.270.461.638
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		3.045.814.800.046	3.044.171.472.890
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		1.035.942.531.041	1.004.098.988.748
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28, 29	1.170.912.478.157	709.936.937.797
440	TỔNG NGUỒN VỐN		34.076.808.359.015	26.416.008.810.387



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám Đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024	2023
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.772.356.343.032	19.378.650.591.719
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.470.199.989)	(5.088.227.958)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.769.886.143.043	19.373.562.363.761
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(22.704.782.953.899)	(18.334.534.034.521)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.065.103.189.144	1.039.028.329.240
21	Doanh thu hoạt động tài chính	568.818.044.660	789.718.119.202
22	Chi phí tài chính	(217.475.364.821)	(216.353.920.630)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(64.045.546.620)	(73.036.083.814)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	864.280.331.695	651.130.073.326
25	Chi phí bán hàng	(95.203.694.991)	(85.405.257.798)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.235.176.555.472)	(966.858.088.315)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	950.345.950.215	1.211.259.255.025
31	Thu nhập khác	646.848.047.652	1.578.756.070.062
32	Chi phí khác	(43.887.708.488)	(1.512.707.692.127)
40	Lợi nhuận khác	602.960.339.164	66.048.377.935
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.553.306.289.379	1.277.307.632.960
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(480.772.489.152)	(219.005.912.673)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	182.120.470.655	1.705.805.854
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.254.654.270.882	1.060.007.526.141
Phân bổ cho:			
61	Chủ sở hữu Công ty mẹ	1.069.773.701.196	1.026.460.821.400
62	Cổ đông không kiểm soát	184.880.569.686	33.546.704.741
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.923	1.377
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.923	1.377



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám Đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	1.553.306.289.379	1.277.307.632.960
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	601.477.056.243	493.006.130.650
03	Các khoản dự phòng	861.589.208.427	141.585.760.208
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(20.767.981.286)	15.122.546.118
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.110.874.167.833)	(1.119.799.343.543)
06	Chi phí lãi vay	64.045.546.620	73.036.083.814
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.948.775.951.550	880.258.810.207
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.148.832.687.459)	606.498.409.023
10	Tăng hàng tồn kho	(363.067.584.424)	(386.316.354.824)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	5.513.970.522.847	(663.145.776.574)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	35.878.589.017	(184.415.680.743)
14	Tiền lãi vay đã trả	(62.894.467.831)	(73.809.507.123)
15	Thuế TNDN đã nộp	(281.200.492.320)	(172.372.344.308)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(299.907.161.683)	(291.199.880.489)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.342.722.669.697	(284.502.324.831)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(885.212.971.456)	(899.088.732.255)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.279.384.821	4.799.930.050
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(5.575.561.668.826)	(6.285.921.243.630)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	6.018.814.100.331	6.793.863.236.114
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.499.974.816.978	1.203.953.887.462
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.062.293.661.848	817.607.077.741
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	2.130.461.215.578	508.805.808.895
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.553.602.035.192)	(163.345.447.892)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(379.243.926.100)	(377.693.326.900)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	197.615.254.286	(32.232.965.897)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.602.631.585.831	500.871.787.013
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5.757.120.569.689	5.219.378.499.294
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61.778.189.510	36.870.283.382
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	11.421.530.345.030	5.757.120.569.689



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám Đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó số 0100150577 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, lần thứ 12, được cấp ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS, theo Quyết định số 242/QĐ-TTGDHN do Giám đốc Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký ngày 12 tháng 9 năm 2007.

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn"). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 27.

Hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con ("Tổng công ty") là kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Hoạt động chính của Tổng công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- Dịch vụ quản lý, điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ cảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa;
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO");
- Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng;
- Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí;
- Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi;
- Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí;
- Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí;
- Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí;
- Kinh doanh các sản phẩm dầu khí;
- Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; và
- Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, xây dựng công trình công nghiệp – năng lượng tái tạo.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là trong vòng 12 tháng. Đối với hoạt động xây dựng, chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể từ trên 12 tháng đến 24 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty có 6 chi nhánh và 1 văn phòng đại diện; 12 công ty con sở hữu trực tiếp; 6 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp; và 2 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Thông tin chi tiết được trình bày như sau:

Các chi nhánh và văn phòng đại diện

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, Đường 3/2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
5	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
6	Chi nhánh PTSC Abu Dhabi	Phòng 1721, Tầng 17, The Offices World Trade Center, Central Market, Al Markaziya, Abu Dhabi, UAE
7	Văn phòng đại diện Tổng công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	Số 142, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một thành viên (“MTV”) Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Chế tạo, xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC (*)	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất, công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
3	Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (*)	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí	Malaysia	100	100	100	100
5	Công ty Cổ phần (“CP”) Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	95,19	95,19	95,19	95,19
6	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	84,95	84,95	84,95	84,95
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	59,61	59,61	59,61	59,61
8	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	54,69	54,69	54,69	54,69
9	Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu Khí PTSC	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa, xuất dầu thô (“FSO”), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (“FPSO”), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
10	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp và cảng container	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	51	51	51	51

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp (tiếp theo)							
11	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	Tp. Hà Nội, Việt Nam	51	51	51	51
12	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
13	Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CGGV (**)	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn, 2D, 3D	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp							
1	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Malaysia	60	50	60	50
2	PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	51	50	51	50
3	PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Singapore	51	50	51	50
4	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Malaysia	49	50	49	50
5	Rong Doi MV12 Private Limited ("MV12")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	33	33	33	33
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard")	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy các phương tiện nổi	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	28,75	28,75	28,75	28,75
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp							
1	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	21,46	36	21,46	36
2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Xây lắp các công trình dân dụng	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	10,49	20,57	10,49	20,57

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

- (*) Ngày 20 tháng 1 năm 2025, Tổng công ty và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khảo sát và Công trình ngầm PTSC đã ký Hợp đồng sáp nhập theo phương án sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua tại Nghị quyết số 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, ngày hiệu lực Hợp đồng sáp nhập là 23 tháng 1 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Dịch vụ khảo sát và Công trình ngầm PTSC vào Tổng công ty theo quy định.
- (**) Thực hiện Nghị quyết số 622/NQ-PTSC-HĐQT, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan và chấm dứt Dự án đầu tư ra nước ngoài đối với “Dự án thành lập Công ty PTSC Labuan cung cấp tàu dịch vụ dầu khí tại Malaysia”. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan) đã thực hiện các thủ tục liên quan đến việc giải thể tại nước sở tại. Ngày 11 tháng 11 năm 2024, Cục Doanh thu Nội địa Malaysia (Inland Revenue Board) đã ban hành Thư xác nhận PTSC Labuan đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Dịch vụ Tài chính Labuan (Labuan Financial Services Authority) xác nhận PTSC Labuan sẽ giải thể từ ngày 27 tháng 3 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, PTSC Labuan đang trong quá trình giải thể theo quy định.
- (***) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) về việc chấm dứt Hợp đồng liên doanh trước thời hạn và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV (“PTSC CGGV”) theo các văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ.

Từ năm 2018 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PTSC CGGV đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của PTSC CGGV đánh giá và quyết định trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của PTSC CGGV theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty có 7.453 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.209 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và trên cơ sở kế toán hoạt động liên tục, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5 và báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan và PTSC CGGV được lập trên cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như đã nêu tại Thuyết minh 1.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, hàng hóa và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của các công ty được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Tổng công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty này sang đồng tiền báo cáo của Tổng công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm tài chính;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn;
- Giá trị tài sản thuần của các công ty này do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- LNST chưa phân phối phát sinh sau ngày mua các công ty này được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân của năm tài chính xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Đối với công ty con, phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tổng công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" và phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"; và
- Khi thanh lý các công ty này, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng năm tài chính thanh lý các công ty đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng công ty áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tổng công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được hạch toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST hoặc lỗ lũy kế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng công ty được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong liên doanh và các công ty liên kết, Tổng công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Các chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng công ty với các công ty liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn theo quy định. Các khoản phải thu được xóa sổ theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua, và các chi phí khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được do Tổng công ty tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ như chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, kém chất lượng, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Hàng tồn kho được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào kế hoạch sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập theo quy định kế toán và chính sách kế toán hiện hành vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy mà Tổng công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị dự kiến có thể thu hồi. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu. Tổng công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối năm tài chính. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 45 năm
Máy móc và thiết bị	1 - 20 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	3 - 30 năm
Thiết bị quản lý	1 - 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	1 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
TSCĐ vô hình khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng, hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của tài sản ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng

48 - 49 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc ghi nhận chi phí phải trả được xác định trên cơ sở đã xác định được nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế, và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Tổng công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Doanh thu chưa thực hiện được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.20 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) LNST chưa phân phối

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Phân chia lợi nhuận**

Phương án phân chia LNST TNDN của Tổng công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm Nghị quyết của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm: chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu bằng hình thức bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được sử dụng cho mục đích khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và thưởng ban quản lý điều hành.

2.22 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với “bản chất hơn hình thức” và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Tổng công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.10.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(f) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Chi phí thuế TNDN của Tổng công ty được ước tính dựa vào các quy định hiện hành về thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế và sự thay đổi của những quy định về thuế.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- doanh thu và chi phí liên quan tới hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 2.10, 2.22, 2.23); và
- phải thu và phải trả liên quan tới hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 2.10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	8.075.403.105	9.201.053.670
Tiền gửi ngân hàng	7.129.195.752.388	3.618.761.042.197
Tiền đang chuyển	10.135.956	177.697.406
Các khoản tương đương tiền (*)	4.284.249.053.581	2.128.980.776.416
	<u>11.421.530.345.030</u>	<u>5.757.120.569.689</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 0,5% đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0,5% đến 4,7%/năm).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.886.136.152.000	3.886.136.152.000	4.329.388.583.505	4.329.388.583.505

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và trên 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất là 2,6% đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,6% đến 8,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") - trước ngày 18 tháng 12 năm 2024 là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("Oceanbank") là 186.565.000.000 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 190.680.000.000 Đồng) đang tạm ngừng giao dịch. Ngày 17 tháng 10 năm 2024, Oceanbank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Ngân hàng TMCP Quân đội ("MBBank") và sau đó được đổi tên thành MBV. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và MBBank.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2024			2023		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	1.652.802.039.235	4.728.578.179.791	-	1.652.802.039.235	4.942.961.726.110	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000	(1.187.557.692)	3.000.000.000	3.000.000.000	(1.216.918.540)
	1.655.802.039.235	4.731.578.179.791	(1.187.557.692)	1.655.802.039.235	4.945.961.726.110	(1.216.918.540)

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2024			2023		
		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
1	Rong Doi MV12 Private Limited (i)	106.022.400	-	(*)	106.022.400	-	(*)
2	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	292.324.455.887	1.869.017.158.820	(*)	292.324.455.887	2.075.355.338.532	(*)
3	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	156.473.118.448	847.697.039.707	(*)	156.473.118.448	972.889.320.893	(*)
4	PTSC South East Asia Private Limited (iv)	340.800.232.500	775.848.651.644	(*)	340.800.232.500	905.663.744.900	(*)
5	PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	641.415.780.000	1.192.671.170.275	(*)	641.415.780.000	952.023.898.798	(*)
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (vi)	171.957.430.000	-	(*)	171.957.430.000	-	(*)
7	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	21.600.000.000	29.143.312.115	(*)	21.600.000.000	22.183.192.932	(*)
8	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (viii)	28.125.000.000	14.200.847.230	(*)	28.125.000.000	14.846.230.055	(*)
		<u>1.652.802.039.235</u>	<u>4.728.578.179.791</u>		<u>1.652.802.039.235</u>	<u>4.942.961.726.110</u>	

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường hoặc được niêm yết trên thị trường nhưng giao dịch không đáng kể. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.652.802.039.235	1.652.802.039.235
Kết quả kinh doanh thuần từ các công ty liên doanh, liên kết:		
Số dư đầu năm	3.290.159.686.875	3.276.056.600.428
Lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm (*)	864.280.331.695	651.130.073.326
Cổ tức được chia	(1.216.692.250.000)	(757.473.000.000)
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính trong năm	138.028.371.986	120.446.013.121
Số dư cuối năm	4.728.578.179.791	4.942.961.726.110

(*) Trong đó, chi tiết lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	455.745.633.256	418.134.109.633
PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	192.622.697.589	156.204.652.853
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	162.541.680.797	94.363.604.685
PTSC South East Asia Private Limited (iv)	47.055.583.696	7.932.919.886
Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	6.960.119.183	(12.226.443.786)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (viii)	(645.382.826)	(13.278.769.945)
	864.280.331.695	651.130.073.326

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

(i) Rong Doi MV12 Private Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và các đối tác Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd (Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd được thành lập tại Nhật) vào năm 2006 để đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Rong Doi MV12") với sức chứa 300.000 thùng dầu cho Công ty Korea National Oil Corporation ("KNOC") thuê từ năm 2007 để phục vụ khai thác dầu tại mỏ Rồng Đôi – Rồng Đôi Tây thuộc Lô 11-2 ngoài khơi Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 07 năm cố định và được gia hạn từng năm cho đến khi hết thời hạn sử dụng của FSO. Từ ngày 1 tháng 11 năm 2024, Zarubezhnef EP Vietnam B.V ("ZNEP") thay thế quyền và nghĩa vụ của KNOC tại Hợp đồng chia sản phẩm tại Lô 11-2 theo Thỏa thuận giữa KNOC và ZNEP, đồng thời, kho nổi FSO "MV12" cũng được chuyển giao từ Rong Doi MV12 Private Limited sang Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC theo Thỏa thuận chuyển giao (Deed of Novation) giữa KNOC, ZNEP, Rong Doi MV12 Private Limited và Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại Rong Doi MV12 Private Limited là 6.600 USD, tương đương 106.022.400 Đồng.

(ii) Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad ("MISC") vào năm 2009 để:

- đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Orkid") sức chứa 650.000 thùng dầu cho Repsol Oil & Gas Malaysia Limited thuê để phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chồng lấn thương mại PM-3 CAA thuộc khu vực chồng lấn Việt Nam - Malaysia từ năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; và
- đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Golden Star") sức chứa 654.717 thùng dầu cho Idemitsu Gas Production Viet Nam Company Limited thuê phục vụ khai thác tại cụm mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt thuộc Lô 05-1b & 05 – 1c ngoài khơi Việt Nam với thời hạn hợp đồng trong vòng 7 năm từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 11 năm 2027 và có thể gia hạn thêm 8 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại MVOT là 17.258.911 USD, tương đương 292.324.455.887 Đồng.

(iii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác MISC vào năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn đề sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO "Ruby II"). Từ tháng 6 năm 2010, FPSO "Ruby II" được đưa vào khai thác phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Công ty Petronas Carigali Vietnam Limited tại Lô 01&02 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam đến ngày 9 tháng 9 năm 2017. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Petronas Carigali Vietnam Limited, thực hiện hợp đồng với VOFI theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Petronas Carigali Vietnam Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại VOFI là 8.784.000 USD, tương đương 156.473.118.448 Đồng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

- (iv) PTSC South East Asia Private Limited (“PTSC SEA”) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad vào năm 2011 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT- ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO “PTSC Bien Dong 01”) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (“BDPOC”) thuê phục vụ khai thác dầu thô tại Lô 05.2 và Lô 05.3 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 USD, tương đương 3.071.478.027.530 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 USD chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC SEA là 16.320.000 USD, tương đương 340.800.232.500 Đồng.
- (v) PTSC Asia Pacific Private Limited (“PTSC AP”) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT- ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO “PTSC Lam Son”) cho Công ty Điều hành chung Lam Son (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển tại mỏ Thăng Long – Đông Đô thuộc Lô 01/97 và Lô 02/97, vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam đến ngày 30 tháng 6 năm 2017. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Lam Son JOC tiếp tục thuê FPSO “PTSC Lam Son”. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 USD, tương đương 9.113.372.709.795 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 USD chiếm 27,9% vốn đầu tư. Trong năm 2018, hai bên góp vốn của PTSC AP đã thực hiện giảm vốn góp từ 100.000.000 USD xuống còn 60.000.000 USD tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các chủ sở hữu. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC AP là 30.600.000 USD, tương đương 641.415.780.000 Đồng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

- (vi) Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ đăng ký là 594.897.870.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại công ty này là 171.957.430.000 Đồng, chiếm 28,75% vốn điều lệ.
- (vii) Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải ("Cảng Thị Vải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 Đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.
- (viii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải ("PVC Duyên Hải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201093188 cấp lần đầu ngày 2 tháng 7 năm 2010 và thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 136.732.500.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 20,57% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 10,49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2024			2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1	Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (i)	<u>3.000.000.000</u>	<u>(1.187.557.692)</u>	(*)	<u>3.000.000.000</u>	<u>(1.216.918.540)</u>	(*)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch là 1,49%.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.216.918.540	14.167.398.536
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 35)	(29.360.848)	(12.950.479.996)
Số dư cuối năm	<u>1.187.557.692</u>	<u>1.216.918.540</u>

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Văn phòng điều hành ("VPĐH") Murphy		
Cuu Long Bac Oil Company Limited tại		
Tp.Hồ Chí Minh	414.055.919.654	86.890.600
Fengmiao Wind Power Company Limited	146.248.337.784	11.622.187.920
Công ty TNHH Dịch vụ Ngoài khơi Phía		
Nam	145.690.488.000	-
Baltec IES Proprietary Limited	104.320.995.601	30.836.355.323
Liên danh TPSK	85.248.636.341	86.827.056.306
VPĐH Công ty Premier Oil Vietnam		
Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	79.234.131.049	40.014.194.636
Hanwha Ocean Company Limited	77.832.650.481	82.280.188.320
North Oil Company	75.883.995.370	35.289.943.530
Zarubezhneft EP Vietnam B.V.	64.545.993.773	5.866.556.961
VPĐH Idemitsu Gas Production (Vietnam)		
Co., Ltd. tại Tp. Hồ Chí Minh	45.906.381.214	29.074.434.426
Elektrownia Wiatrowa Baltica	43.777.009.370	22.103.749.011
Sea Energy Marine Services LLC	40.995.958.038	43.741.227.533
GE Vernova Operations LLC	39.007.953.373	-
Enterprize Energy Private Limited	36.780.725.785	35.677.041.656
Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí		
Nam Sông Hậu	35.121.129.014	35.121.129.014
Orsted Taiwan Limited	-	646.011.560.208
Bên thứ ba khác	642.284.381.564	711.322.349.939
	<u>2.076.934.686.411</u>	<u>1.815.874.865.383</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	<u>2.629.438.787.240</u>	<u>1.295.235.230.321</u>
	<u><u>4.706.373.473.651</u></u>	<u><u>3.111.110.095.704</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	100.613.950.134	100.613.950.134
Công ty CP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen	38.333.475.683	-
Công ty CP Xây dựng Hữu Thành	38.015.452.674	-
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Mogene	20.190.334.480	3.231.989.910
Công ty CP Cầu trục và Thiết bị AVC	18.585.288.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí và Năng lượng Bình Minh	16.125.542.584	-
Công ty CP SCI E&C	13.588.401.409	13.588.401.409
Công ty TNHH APDS Việt Nam	11.097.114.764	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	2.580.486.764	22.192.268.511
Công ty TNHH Công Nghiệp	-	30.937.500.000
IQIP Singapore Private Limited	-	24.478.851.280
Bên thứ ba khác	152.167.207.427	200.826.189.289
	<u>411.297.253.919</u>	<u>395.869.150.533</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	<u>91.856.706.714</u>	<u>33.758.107.623</u>
	<u><u>503.153.960.633</u></u>	<u><u>429.627.258.156</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	2024 VND	2023 VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	315.652.153.309	126.550.860.677
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(184.744.107.346)	(237.901.633.014)
	<u>130.908.045.963</u>	<u>(111.350.772.337)</u>
Trong đó:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	17.788.319.997.138	10.918.593.697.194
Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(17.657.411.951.175)	(11.029.944.469.531)
	<u><u>130.908.045.963</u></u>	<u><u>(111.350.772.337)</u></u>

**7 PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG
(tiếp theo)**

Chi tiết của phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Phải thu		
Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc Dự án khí Lô B	126.330.342.554	-
Dự án CHW2204	94.493.108.556	-
Dự án EPCI#2 - Hợp đồng thiết kế, mua sắm, chế tạo và lắp đặt giàn thu gom/giàn đầu giếng và hệ thống đường ống nội mỏ thuộc Dự án khí Lô B	70.666.481.739	-
Dự án EPC bồn chứa LPG Thị Vải	20.732.107.522	-
Dự án Kho Xăng dầu Vũng Rô	118.599.942	4.153.400.546
Dự án NPK	3.311.512.996	3.311.512.996
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	-	66.657.433.448
Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	-	52.428.513.687
	<u>315.652.153.309</u>	<u>126.550.860.677</u>
Phải trả		
Dự án STG#3 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công, lắp đặt, đấu nối chạy thử và bàn giao cụm máy phát điện Tua bin hơi 113-A-006"	106.490.535.283	-
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Hợp đồng "Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử" với SWPOC	78.253.572.063	-
Hợp đồng thiết kế, mua sắm và thi công xây dựng cho Dự án Hải Phòng 2	-	3.703.793.017
Dự án CHW2204	-	202.267.437.762
Dự án EPC bồn chứa LPG Thị Vải	-	24.951.439.815
Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc dự án khí Lô B	-	6.978.962.420
	<u>184.744.107.346</u>	<u>237.901.633.014</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024		2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Doanh thu trích trước cho dịch vụ đã cung cấp				
Liên danh TPSK	164.393.429.824	-	93.695.215.141	-
Hanwha Ocean Company Limited	82.205.852.489	-	60.944.775.800	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	40.735.524.280	-	43.407.857.358	-
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	28.053.017.797	-	963.200.000	-
VPĐH Công ty Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	26.185.698.057	-	21.756.904.847	-
Hibiscus Oil & Gas Malaysia Limited	24.136.674.787	-	6.753.280.800	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	23.213.473.567	-	14.615.893.392	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	11.144.330.921	-	229.595.836	-
T. Y. Lin International	-	-	49.143.186.400	-
Khác	70.947.767.820	-	85.752.747.536	-
Phải thu tiền thuê đất (*)	243.210.333.453	(72.963.100.036)	-	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	56.046.617.927	-	97.014.733.588	-
Ký quỹ, ký cược	31.226.487.683	-	43.935.741.123	-
Tạm ứng	12.349.794.391	-	12.554.832.780	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	28.087.409.488	-	11.244.283.209	-
Khác	101.283.497.055	(4.853.340.920)	97.536.090.026	(1.278.756.902)
	<u>943.219.909.539</u>	<u>(77.816.440.956)</u>	<u>639.548.337.836</u>	<u>(1.278.756.902)</u>

(*) Đây là khoản phải thu trích trước liên quan đến tiền thuê đất tại diện tích 39,8 ha và 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, căn cứ quy định tại hợp đồng ký kết giữa các bên, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, một công ty con của Tổng công ty là bên cho thuê sẽ thu lại số tiền này từ bên đi thuê là Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí khi có phát sinh nghĩa vụ liên quan đến tiền thuê đất như được trình bày tại Thuyết minh 24 và 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

8 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2024 VND	2023 VND
Ký quỹ, ký cược	82.189.692.834	111.243.427.960
Khác	14.925.795.273	11.540.550.273
	<u>97.115.488.107</u>	<u>122.783.978.233</u>

Chi tiết phải thu khác theo đối tượng được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Ngắn hạn		
Bên thứ ba	522.318.777.042	547.701.565.171
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	420.901.132.497	91.846.772.665
	<u>943.219.909.539</u>	<u>639.548.337.836</u>
Dài hạn		
Bên thứ ba	<u>97.115.488.107</u>	<u>122.783.978.233</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2024			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	35.121.129.014	10.172.738.438	(24.948.390.576)	Trên 1 năm - Dưới 2 năm
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Sapura Offshore Sdn Bhd	11.208.132.191	607.965.637	(10.600.166.554)	Trên 2 năm - Dưới 3 năm
Marsol Offshore Construction LLC	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)	Trên 3 năm
Khác	76.656.896.716	46.780.648.072	(29.876.248.644)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	<u>144.072.577.028</u>	<u>57.561.352.147</u>	<u>(86.511.224.881)</u>	
Bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	25.820.593.990	2.402.984.055	(23.417.609.935)	Trên 3 năm
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)	Trên 3 năm
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	14.244.463.477	351.612.063	(13.892.851.414)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	4.949.073.120	-	(4.949.073.120)	Trên 3 năm
Khác	8.756.111.071	5.935.528.004	(2.820.583.067)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	<u>68.868.739.490</u>	<u>8.690.124.122</u>	<u>(60.178.615.368)</u>	
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên liên quan				
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	154.081.151.000	107.856.805.700	(46.224.345.300)	Dưới 1 năm
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	89.129.182.453	62.390.427.717	(26.738.754.736)	Dưới 1 năm
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.986.746.685	982.478.405	(2.004.268.280)	Trên 1 năm - Dưới 3 năm
Khác	5.698.145.280	2.849.072.640	(2.849.072.640)	Trên 1 năm - Dưới 2 năm
	<u>251.895.225.418</u>	<u>174.078.784.462</u>	<u>(77.816.440.956)</u>	
	<u>464.836.541.936</u>	<u>240.330.260.731</u>	<u>(224.506.281.205)</u>	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

	2023			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Marsol Offshore Construction LLC	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)	Trên 3 năm
Allianz Marine Services LLC	32.394.204.662	24.946.748.440	(7.447.456.222)	Trên 6 tháng - Dưới 1 năm
Sapura Offshore Sdn Bhd	11.907.196.056	4.466.813.947	(7.440.382.109)	Trên 1 năm - Dưới 3 năm
Khác	41.062.863.197	15.866.328.507	(25.196.534.690)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	<u>106.450.683.022</u>	<u>45.279.890.894</u>	<u>(61.170.792.128)</u>	
Bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	23.923.058.448	528.132.053	(23.394.926.395)	Trên 2 năm - Trên 3 năm
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)	Trên 3 năm
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	15.559.869.313	656.163.942	(14.903.705.371)	Trên 1 năm - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	4.949.073.120	-	(4.949.073.120)	Trên 3 năm
Khác	2.066.454.971	1.031.312.971	(1.035.142.000)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	<u>61.596.953.684</u>	<u>2.215.608.966</u>	<u>(59.381.344.718)</u>	
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên thứ ba	<u>20.260.800</u>	<u>18.741.240</u>	<u>(1.519.560)</u>	Trên 6 tháng - Dưới 1 năm
Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	<u>2.986.746.685</u>	<u>1.709.509.343</u>	<u>(1.277.237.342)</u>	Trên 1 năm - Dưới 2 năm
	<u>171.054.644.191</u>	<u>49.223.750.443</u>	<u>(121.830.893.748)</u>	

10 HÀNG TÒN KHO

(a) Hàng tồn kho

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	4.465.401.583	-	30.033.493.450	-
Nguyên vật liệu	694.363.682.960	(12.213.306.835)	381.240.156.057	(2.624.513.034)
Công cụ, dụng cụ	27.280.755.803	-	33.020.540.147	(3.323.952.893)
Chi phí SXKD dở đang (*)	1.073.292.198.880	-	1.030.216.960.605	-
Hàng hóa	43.062.736.781	-	1.841.628.412	-
	<u>1.842.464.776.007</u>	<u>(12.213.306.835)</u>	<u>1.476.352.778.671</u>	<u>(5.948.465.927)</u>

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

	2024 VND	2023 VND
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Hợp đồng "Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử" với SWPOC	787.960.422.535	-
Dự án CHW2204	134.041.828.143	373.234.374.702
Dự án gia công kết cấu thép cho GE	23.403.113.106	46.646.412.811
Dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	22.574.845.088	19.418.265.705
Dự án Baltica 2	17.049.539.821	-
Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp được" thuộc dự án khí Lô B	16.881.356.606	-
Dự án Giàn xử lý trung tâm Lạc Đà Vàng - A	12.450.431.848	-
Dự án gia công kết cấu thép cho Baitec	8.628.887.916	-
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	-	15.642.396.878
Dự án Hải Long OSS	-	158.269.506.150
Dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam	-	182.083.967.667
Dịch vụ khảo sát địa chấn và công trình ngầm	-	129.490.061.107
Dự án Subsea 7	-	22.263.868.589
Khác	50.301.773.817	16.144.347.613
	<u>1.073.292.198.880</u>	<u>67.023.759.383</u>
	<u>1.073.292.198.880</u>	<u>1.030.216.960.605</u>

10 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**(a) Hàng tồn kho**

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.948.465.927	1.950.254.388
Trích lập dự phòng	6.264.840.908	3.998.211.539
Số dư cuối năm	12.213.306.835	5.948.465.927

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị của các loại thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế sử dụng để sửa chữa các phương tiện vận tải có kế hoạch thực hiện trên 12 tháng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí bảo hiểm	17.919.753.090	14.968.490.542
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.733.944.530	10.784.827.997
Chi phí thuê bãi, cơ sở hạ tầng	5.510.507.120	13.309.033.744
Khác	10.525.635.371	11.737.116.133
	49.689.840.111	50.799.468.416

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Trả trước tiền thuê văn phòng tại trụ sở chính Số 1-5 Lê Duẩn	249.241.665.858	256.213.823.262
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	240.471.633.560	147.565.169.195
Trả trước tiền thuê đất tại Cảng Đình Vũ	94.921.859.213	99.188.010.185
Trả trước tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	82.649.737.458	85.137.857.742
Chi phí công cụ, dụng cụ	55.255.832.069	75.590.101.937
Chi phí thuê bãi, cơ sở hạ tầng	39.462.977.711	120.207.751.293
Chi phí nạo vét Cảng Vũng Tàu	4.884.324.377	9.118.803.679
Khác	17.875.676.844	26.511.150.509
	784.763.707.090	819.532.667.802

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ với thuế GTGT phải nộp VND	Số đã thu trong năm (*) VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	495.021.150.547	1.399.925.519.788	(1.403.443.841.986)	(42.078.496.366)	449.424.331.983

(*) Trong năm 2024, Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV đã được hoàn thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết theo Quyết định 909/QĐ-CTBRV-KDT của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 14 tháng 5 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.006.388.683.773	2.999.888.269.655	5.820.540.021.683	269.768.076.971	112.244.637.680	13.208.829.689.762
Mua trong năm	2.769.433.056	97.314.703.545	51.914.593.667	48.177.547.286	545.811.726	200.722.089.280
Hình thành từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15(b))	90.331.889.909	266.160.488.785	231.893.181.818	10.279.523.874	-	598.665.084.386
Tăng khác	-	-	-	-	65.000.000	65.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(10.714.384.400)	(3.213.310.379)	(20.873.883.608)	(4.418.423.679)	-	(39.220.002.066)
Giảm khác	(12.613.398.576)	(38.499.999)	-	(67.500.000)	-	(12.719.398.575)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>4.076.162.223.762</u>	<u>3.360.111.651.607</u>	<u>6.083.473.913.560</u>	<u>323.739.224.452</u>	<u>112.855.449.406</u>	<u>13.956.342.462.787</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.630.444.267.740	2.167.936.655.163	4.810.384.530.029	222.664.780.465	49.403.027.918	9.880.833.261.315
Khấu hao trong năm	132.369.630.246	185.460.162.321	223.682.815.389	29.071.613.586	18.430.715.254	589.014.936.796
Thanh lý, nhượng bán	(10.714.384.400)	(3.213.310.379)	(20.873.883.608)	(4.418.423.679)	-	(39.220.002.066)
Giảm khác	(210.223.317)	-	-	(35.533.329)	-	(245.756.646)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>2.751.889.290.269</u>	<u>2.350.183.507.105</u>	<u>5.013.193.461.810</u>	<u>247.282.437.043</u>	<u>67.833.743.172</u>	<u>10.430.382.439.399</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>1.375.944.416.033</u>	<u>831.951.614.492</u>	<u>1.010.155.491.654</u>	<u>47.103.296.506</u>	<u>62.841.609.762</u>	<u>3.327.996.428.447</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>1.324.272.933.493</u>	<u>1.009.928.144.502</u>	<u>1.070.280.451.750</u>	<u>76.456.787.409</u>	<u>45.021.706.234</u>	<u>3.525.960.023.388</u>

13 TSCĐ (tiếp theo)**(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tổng công ty là 7.386 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.933 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 23) với giá trị còn lại là 1.487 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.138 tỷ Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	51.264.099.029	138.226.062.835	2.420.281.714	191.910.443.578
Mua trong năm	-	5.577.148.770	602.560.000	6.179.708.770
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.980.000)	-	(31.980.000)
Giảm khác	-	(18.950.000)	-	(18.950.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	51.264.099.029	143.752.281.605	3.022.841.714	198.039.222.348
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	458.213.050	125.965.455.030	2.101.147.481	128.524.815.561
Khấu hao trong năm	26.204.400	7.436.707.731	263.935.460	7.726.847.591
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.980.000)	-	(31.980.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	484.417.450	133.370.182.761	2.365.082.941	136.219.683.152
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	50.805.885.979	12.260.607.805	319.134.233	63.385.628.017
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	50.779.681.579	10.382.098.844	657.758.773	61.819.539.196

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 124 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 117 tỷ Đồng).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiết của bất động sản đầu tư như sau:

	2024 VND	2023 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê:		
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta	90.668.647.034	93.416.181.780
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta	68.991.042.025	70.978.779.135
	<u>159.659.689.059</u>	<u>164.394.960.915</u>

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta có nguyên giá là 131.881.668.267 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 48 năm; và
- Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta có nguyên giá 97.399.118.187 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 49 năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 5.203.799.784 Đồng. Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 4.735.271.856 Đồng.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Biến động trong năm của bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2024	229.280.786.454
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	64.885.825.539
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	69.621.097.395
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	164.394.960.915
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	159.659.689.059

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi tiết của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn như sau:

	2024		2023	
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (i)	301.308.440.489	-	301.308.440.489	-
Dự án Bio Ethanol (ii)	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708
	<u>371.124.391.197</u>	<u>69.815.950.708</u>	<u>371.124.391.197</u>	<u>69.815.950.708</u>

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)**(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (tiếp theo)**

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 liên quan đến Hạng mục thiết kế nước ngoài do nhà thầu Black & Veatch International thực hiện. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Chủ đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị của hạng mục này. Tổng công ty đã thực hiện đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này tại Biên bản đánh giá hàng tồn kho số 07/BB-PTSCLP của Hội đồng đánh giá hàng tồn kho - chi phí dở dang hạng mục chi phí tư vấn thiết kế nước ngoài được thành lập theo Quyết định số 0934/QĐ-PTSCLP ngày 21 tháng 12 năm 2017, theo đó, Tổng công ty đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên với giá trị tương ứng là 301.308.440.489 Đồng.
- (ii) Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bio - Ethanol Dung Quất đã hoàn tất phần xây dựng cơ sở hạ tầng, bàn giao cho chủ đầu tư là Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung và đang thực hiện các thủ tục để thanh quyết toán hợp đồng. Số dư của hạng mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 là 69.815.950.708 Đồng tương ứng với 5% giá trị của hợp đồng, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực hiện xong việc quyết toán theo các điều khoản của hợp đồng và đồng thời sẽ ghi nhận doanh thu tương ứng. Theo đó, giá trị có thể thu hồi sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cuối cùng của hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành việc quyết toán hợp đồng.

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Hệ thống Thiết bị tự động phục vụ thi công tiền chế tạo	121.697.062.625	-
Dự án Bến số 3, khu bến cảng Dung Quất, Quảng Ngãi	95.872.570.283	15.772.528.297
Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	77.416.177.085	38.472.788.885
Dự án mở rộng Xưởng cơ khí tại Dung Quất, Quảng Ngãi	14.451.292.934	9.168.409.553
Dự án Đường vào căn cứ cảng tại Cảng Sao Mai - Bến Đình	12.725.868.576	-
Dự án Cảng Sơn Trà, Đà Nẵng	9.673.562.784	9.673.562.784
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	3.078.907.915	34.271.779.681
Hệ thống thiết bị phục vụ dự án Năng lượng tái tạo	-	156.531.118.457
Công trình Nhà xưởng số 2 tại POS	-	12.109.023.488
Khác	25.202.371.203	27.240.413.794
	<u>360.117.813.405</u>	<u>303.239.624.939</u>

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)**(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (tiếp theo)**

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	303.239.624.939	102.143.058.200
Mua mới	694.809.552.360	588.490.448.792
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(598.665.084.386)	(387.393.882.053)
Chuyển sang chi phí trả trước	(39.266.279.508)	-
Số dư cuối năm	<u>360.117.813.405</u>	<u>303.239.624.939</u>

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi tiết của thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	<u>375.171.360.076</u>	<u>277.488.713.037</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả sau 12 tháng	(593.043.834.925)	(677.559.350.681)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(148.234.103.173)	(17.744.870.116)
	<u>(741.277.938.098)</u>	<u>(695.304.220.797)</u>
	<u>(366.106.578.022)</u>	<u>(417.815.507.760)</u>

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	277.488.713.037	344.735.812.309
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(695.304.220.797)	(764.257.125.923)
Số dư đầu năm	(417.815.507.760)	(419.521.313.614)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	182.120.470.655	1.705.805.854
Chênh lệch tỷ giá ngoại hối	(130.411.540.917)	-
Số dư cuối năm	(366.106.578.022)	(417.815.507.760)
Trong đó:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	375.171.360.076	277.488.713.037
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(741.277.938.098)	(695.304.220.797)

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	379.528.344.943	275.579.615.645
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	(409.312.465.446)	(490.547.865.083)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(183.731.369.479)	(187.011.485.598)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm	(148.282.361.801)	(10.396.068.488)
Khác	(4.308.726.239)	(5.439.704.236)
	(366.106.578.022)	(417.815.507.760)

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai, trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	550.539.807.502	(412.979.291.179)	137.560.516.323
2020	152.063.727.349	(2.237.011.171)	149.826.716.178
2021	1.680.165.582	(1.675.657.244)	4.508.338
2022	240.669.156.609	(170.824.481.393)	69.844.675.216
2023	53.526.917.278	(53.526.917.278)	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
SNP LIMITED	495.130.235.017	495.130.235.017	12.105.440.153	12.105.440.153
Công ty TNHH APDS Việt Nam	409.983.940.445	409.983.940.445	32.389.522.913	32.389.522.913
Velocity Energy Private Limited	245.269.562.395	245.269.562.395	72.366.793.323	72.366.793.323
Enerflex Energy Systems Incorporated	157.971.650.926	157.971.650.926	-	-
PT Meindo Elang Indah	148.762.776.690	148.762.776.690	-	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	145.516.865.365	145.516.865.365	41.659.766.948	41.659.766.948
Rosemary Overseas Limited	83.943.083.565	83.943.083.565	-	-
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	59.836.450.988	59.836.450.988	59.836.450.988	59.836.450.988
Genesis Marine Services W.L.L	54.254.088.639	54.254.088.639	75.150.504.826	75.150.504.826
Shelf Subsea Solutions Private Limited	51.540.036.890	51.540.036.890	54.717.656.406	54.717.656.406
Công ty TNHH Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ Kỹ thuật Hiệp Phát	51.011.375.510	51.011.375.510	12.882.670.075	12.882.670.075
Tổng công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	48.558.993.758	48.558.993.758	13.892.004.586	13.892.004.586
Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Dương	39.167.246.927	39.167.246.927	48.306.356.226	48.306.356.226
Công ty CP SCI E&C	36.958.814.420	36.958.814.420	45.772.580.686	45.772.580.686
Công ty CP Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	33.010.954.253	33.010.954.253	47.054.507.927	47.054.507.927
Posh Projects Private Limited	32.519.704.620	32.519.704.620	-	-
Công ty TNHH TM DV Ocean Invest	31.768.466.195	31.768.466.195	8.824.609.237	8.824.609.237
Công ty CP WE Construction	30.156.164.417	30.156.164.417	2.810.927.694	2.810.927.694
Công ty CGG Services SA	-	-	121.174.418.752	121.174.418.752
Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited	-	-	116.648.812.533	116.648.812.533
CGG Marine B.V.	-	-	91.702.873.865	91.702.873.865
Bên thứ ba khác	1.951.296.591.225	1.951.296.591.225	2.174.024.317.420	2.174.024.317.420
	4.106.657.002.245	4.106.657.002.245	3.031.320.214.558	3.031.320.214.558
	547.731.655.251	547.731.655.251	481.593.285.786	481.593.285.786
	4.654.388.657.496	4.654.388.657.496	3.512.913.500.344	3.512.913.500.344
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))				

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên khi đến hạn thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Formosa 4 International Investment Company Limited	217.515.938.000	-
Yunnan (HongKong) Logistics Development Limited	16.117.443.493	16.117.443.493
Phu Bia Mining Limited	12.499.818.463	13.304.688.332
Vientiane Hongshi Saythirath Cement Company Limited	6.107.570.056	6.107.570.056
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	4.298.607.750	1.836.613.730
Sea Energy Marine Services LLC	2.580.651.000	10.229.490.000
Elektrownia Wiatrowa Baltica	-	85.738.386.733
Bên thứ ba khác	75.819.663.163	24.311.956.114
	<u>334.939.691.925</u>	<u>157.646.148.458</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	<u>10.659.463.368</u>	<u>94.097.700.797</u>
	<u><u>345.599.155.293</u></u>	<u><u>251.743.849.255</u></u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	459.139.164.935	-
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	<u>1.329.049.675.805</u>	<u>839.154.706.766</u>
	<u><u>1.788.188.840.740</u></u>	<u><u>839.154.706.766</u></u>

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	2024 VND	2023 VND
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") nộp thừa	1.056.023.960	1.450.906.713
Thuế TNDN nộp thừa	319.756.995	219.756.995
Thuế khác nộp thừa	6.100.074	484.299.938
	<u>1.381.881.029</u>	<u>2.154.963.646</u>

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2024 VND	2023 VND
Thuế TNDN	279.013.775.189	79.341.778.358
Thuế TNCN	82.962.496.259	42.856.025.935
Thuế GTGT	20.315.551.891	6.570.922.007
Khác	23.774.744.123	2.581.076.404
	<u>406.066.567.462</u>	<u>131.349.802.704</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Thuế TNDN	79.122.021.363	480.772.489.152	(281.200.492.320)	278.694.018.195
Thuế TNCN	41.405.119.222	342.939.755.426	(302.438.402.350)	81.906.472.298
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	6.092.722.143	128.444.074.859	(114.221.245.111)	20.315.551.891
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	146.719.479.491	(146.719.479.491)	-
Khác	2.574.976.330	219.062.987.343	(197.869.319.624)	23.768.644.049
	<u>129.194.839.058</u>	<u>1.317.938.786.271</u>	<u>(1.042.448.938.896)</u>	<u>404.684.686.433</u>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.154.963.646			1.381.881.029
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>131.349.802.704</u>			<u>406.066.567.462</u>

(*) Thuế GTGT phải nộp đã được căn trừ với thuế GTGT được khấu trừ như thuyết minh số 12.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc Dự án khí Lô B	1.665.582.930.796	23.850.106.277
Chi phí Dự án Giàn xử lý trung tâm Lạc Đà Vàng - A	584.231.795.649	-
Chi phí Dự án Fengmiao Offshore Windfarm	477.198.708.859	67.977.437.198
Chi phí Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Hợp đồng "Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử với SWPOC"	402.700.243.677	-
Chi phí Dự án Baltica 2	357.021.384.930	7.522.448.960
Chi phí Dự án CHW2204	267.682.070.068	742.849.073.304
Chi phí Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	107.276.482.929	238.038.698.968
Chi phí Dự án đường ống Lạc Đà Vàng	102.695.784.736	-
Chi phí Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	41.307.060.246	80.727.575.652
Chi phí Dự án Hải Long OSS	73.452.125.076	33.049.292.810
Chi phí Dự án Formosa 4	69.622.131.538	-
Chi phí Dự án Benchamas	62.612.550.023	-
Chi phí thuê bãi tại KCN Tàu thủy Nghi Sơn	55.000.000.000	50.000.000.000
Chi phí Dự án EPC Bồn chứa LPG Thị Vải	47.184.345.887	105.921.430.351
Chi phí Dự án đầu tư Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất	47.044.354.054	-
Chi phí xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	37.887.372.956	-
Chi phí Dự án EPC Phân khu 85 - Kho 182		
Nhà máy LHD Dung Quất	37.121.154.016	-
Chi phí thuê tòa nhà Petro Hotel	30.147.000.000	20.098.000.232
Chi phí Dự án Bio Ethanol Dung Quất	27.726.930.636	27.726.930.636
Chi phí dịch vụ cung cấp tàu dịch vụ dầu khí	25.126.967.737	30.368.974.217
Chi phí hoạt động kho nổi FPSO Ruby II, FPSO Lam Sơn và FSO Bien Dong 01, FSO Golden Star, FPSO Lewek Emas	25.085.621.147	26.181.404.997
Chi phí cung cấp cáp ngầm dự án Đại Hùng 3	5.530.280.350	29.274.867.889
Chi phí Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	3.174.587.284	44.595.878.602
Chi phí Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	1.198.455.139	69.626.601.027
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chất và công trình ngầm	720.491.880	21.223.923.444
Chi phí nhà xưởng tạm phục vụ dự án năng lượng tái tạo	-	40.804.102.668
Chi phí phải trả khác	119.809.108.802	117.195.748.969
	<u>4.674.139.938.415</u>	<u>1.777.032.496.201</u>

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Dự án đường ống Lạc Đà Vàng	89.902.865.695	-
Dự án chế tạo hệ thống neo Turret, FSO LDV	56.700.000.000	-
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (i)	6.862.199.784	5.203.799.784
Cho thuê văn phòng (ii)	2.872.311.111	2.752.200.000
Khác	9.085.759.163	2.280.505.000
	<u>165.423.135.753</u>	<u>10.236.504.784</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (i)	170.256.764.360	175.460.564.144
Cho thuê văn phòng (ii)	7.519.800.000	8.671.800.000
	<u>177.776.564.360</u>	<u>184.132.364.144</u>

Trong đó:

- (i) Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình thể hiện giá trị của khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất tại Cơ sở hạ tầng 39,8 ha và cơ sở hạ tầng 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.
- (ii) Cho thuê văn phòng thể hiện giá trị của các khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê văn phòng tại Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê của từng hợp đồng từ 10 năm đến 15 năm.

22 PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (i)	465.693.332.968	443.615.652.308
Phải trả cho người lao động	7.264.730.339	144.968.759.384
Đặt cọc, ký quỹ	69.942.796.132	540.782.430
Phải trả cổ tức cho các cổ đông (ii)	19.080.433.304	15.837.417.694
Bảo hiểm bắt buộc	10.681.799.978	4.540.046.728
Khác	79.625.031.236	40.719.338.217
	<u>652.288.123.957</u>	<u>650.221.996.761</u>

(i) Phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là khoản thanh toán đợt cuối cho chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, hai bên đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để thanh toán cho khoản phải trả này.

(ii) Khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông là các khoản cổ tức của các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký, chưa thực hiện thủ tục để nhận.

Chi tiết theo đối tượng của phải trả ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba	575.323.113.657	634.602.364.264
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	76.965.010.300	15.619.632.497
	<u>652.288.123.957</u>	<u>650.221.996.761</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Khác	180.851.485	159.396.385
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	-	69.473.052.000
	<u>180.851.485</u>	<u>69.632.448.385</u>

23 CÁC KHOẢN VAY**(a) Ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giải ngân trong năm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Hoàn trả nợ vay trong năm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Giảm (Thuyết minh 28) VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay ngân hàng ngắn hạn (*)	389.917.003.702	1.692.883.859.334	-	(1.376.390.907.310)	-	-	706.409.955.726
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	128.626.172.299	-	211.389.138.825	(177.211.127.882)	-	-	162.804.183.242
Vay bên thứ ba (**)	657.549.303.622	-	-	-	30.454.064.799	(688.003.368.421)	-
	<u>1.176.092.479.623</u>	<u>1.692.883.859.334</u>	<u>211.389.138.825</u>	<u>(1.553.602.035.192)</u>	<u>30.454.064.799</u>	<u>(688.003.368.421)</u>	<u>869.214.138.968</u>

- (*) Các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty thể hiện giá trị của 2 khoản vay tín chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế với lãi suất theo từng lần giải ngân.

Mục đích của các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty chủ yếu là để bổ sung vốn lưu động.

Các khoản vay dài hạn được Tổng công ty phân loại lại thành vay ngắn hạn đến hạn trả trong vòng một năm tính từ ngày báo cáo tài chính hợp nhất.

- (**) Đây là khoản vay bằng Đô la Mỹ của PTSC CGGV với CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị mà CGG Holding B.V., phải góp vốn vào PTSC CGGV tương ứng với tỷ lệ 49% vốn điều lệ của PTSC CGGV và giá trị tài sản của CGG Holding B.V., đã chuyển giao cho PTSC CGGV tại thời điểm thành lập là năm 2012, có thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng, hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay. Ngày 25 tháng 10 năm 2024, Công ty CGG Holding B.V, Tổng công ty và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV đã ký Thỏa thuận Giải phóng và Miễn trừ trách nhiệm, theo Thỏa thuận Công ty CGG Holding B.V miễn trừ hoàn toàn cho Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV khỏi các khoản nợ và nghĩa vụ liên quan đến khoản vay còn lại theo hợp đồng vay.

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giải ngân trong năm VND	Vay dài hạn đến hạn trả	Hoàn trả nợ vay trong năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay ngân hàng (*)	563.921.256.799	437.577.356.244	(211.389.138.825)	-	-	790.109.474.218

(*) Các khoản vay dài hạn với ngân hàng của Tổng công ty thể hiện giá trị của 13 khoản vay với các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, trong đó:

- Khoản vay 1 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 65 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2017;
- Khoản vay 2 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 675 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2018;
- Khoản vay 3 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 692 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 96 tháng tính từ năm 2021;
- Khoản vay 4 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 19 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022;
- Khoản vay 5 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 90 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022;
- Khoản vay 6 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 56 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2023;
- Khoản vay 7 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 2 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 8 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 9 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 9 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 9 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 10 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 14 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024;

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

- Khoản vay 11 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 14 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 12 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 192 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024; và
- Khoản vay 13 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 200 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024.

Lãi suất của các khoản vay bằng Đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 6%/năm đến 9,1%/năm (năm 2023: từ 7,43%/năm đến 11,5%/năm).

Tổng công ty sử dụng tài sản hình thành từ các khoản vay để làm tài sản thế chấp (Thuyết minh 13).

Mục đích của các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là để đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các khoản vay của Tổng công ty được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	2024 VND	2023 VND
Trong vòng 1 năm	869.214.138.968	1.176.092.479.623
Trong năm thứ 2	180.832.659.565	128.626.172.297
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	488.711.856.319	372.047.900.736
Sau 5 năm	120.564.958.334	63.247.183.766
	<u>1.659.323.613.186</u>	<u>1.740.013.736.422</u>

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng phải trả tiền thuê đất (*)	251.599.939.595	-
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ (i)	83.575.000.000	37.500.000.000
Dự phòng chi phí vận hành bảo dưỡng FPSO Lam Sơn	9.614.220.000	-
Dự phòng bảo hành dự án Gallaf - Giai đoạn 1 (ii)	-	6.305.096.520
Khác	8.480.975.400	1.371.102.047
	<u>353.270.134.995</u>	<u>45.176.198.567</u>

(*) Đây là khoản dự phòng phải trả ước tính cho tiền thuê đất tại căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình như trình bày ở Thuyết minh 45.

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (ii) cho:		
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	683.745.276.400	768.792.369.661
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	556.380.304.104	187.525.203.540
Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc Dự án khí Lô B	128.477.991.151	-
Dự án đường ống dẫn khí Lô B _Hợp đồng Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử với SWPOC	76.709.559.967	-
Dự án EPC kho chứa LNG Thị Vải	56.930.443.865	56.930.443.865
Dự án Giàn xử lý trung tâm Lạc Đà Vàng - A	36.018.710.855	-
Dự án DBN PWM	38.015.194.146	36.808.256.111
Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	28.823.454.040	83.929.010.732
Dự án Hải Long OSS	27.389.590.789	21.137.116.411
Dự án CHW2204	26.451.300.616	-
Dự án Baltica 2	22.190.654.727	-
Dự án Fengmiao Offshore Windfarm	21.311.420.673	-
Dự án EPC Bồn chứa LPG Thị Vải	20.718.525.477	-
Dự án SHWE Phase 3 Jacket	20.237.529.098	19.209.645.146
Dự án đường ống Lạc Đà Vàng	5.941.932.447	-
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	-	245.081.072.773
Dự án khác	4.228.106.398	1.456.178.993
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn sà lan và tàu dịch vụ dầu khí (i)	145.866.605.606	33.982.898.645
	1.899.436.600.359	1.454.852.195.877

(i) Dự phòng chi phí sửa chữa lớn sà lan và tàu dịch vụ dầu khí để đảm bảo nguồn chi phí cho việc sửa chữa định kỳ sà lan và tàu dịch vụ dầu khí. Chi phí dự phòng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm cho đến năm tài chính dự kiến việc sửa chữa xảy ra. Tại năm tài chính phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

(ii) Dự phòng bảo hành công trình được trích lập để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng EPC đã ký với khách hàng, tính trên 1% - 5% giá trị hợp đồng.

25 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	623.230.582.716	606.277.884.458
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 28)	371.624.399.593	314.028.638.878
Sử dụng quỹ	(288.117.479.439)	(297.075.940.620)
Số dư cuối năm	<u>706.737.502.870</u>	<u>623.230.582.716</u>

26 QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.782.160.279	5.560.621.840
Trích quỹ	887.400.000	2.065.400.000
Sử dụng quỹ	(3.823.264.080)	(2.843.861.561)
Số dư cuối năm	<u>1.846.296.199</u>	<u>4.782.160.279</u>

27 VỐN CỔ PHẦN**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2024	2023
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>477.966.290</u>	<u>477.966.290</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>477.966.290</u>	<u>477.966.290</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>477.966.290</u>	<u>477.966.290</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38	245.565.000	51,38
Các đối tượng khác	232.401.290	48,62	232.401.290	48,62
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>477.966.290</u>	<u>100</u>	<u>477.966.290</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	<u>477.966.290</u>	<u>4.779.662.900.000</u>	<u>4.779.662.900.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>477.966.290</u>	<u>4.779.662.900.000</u>	<u>4.779.662.900.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>477.966.290</u>	<u>4.779.662.900.000</u>	<u>4.779.662.900.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

28 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.214.094.269.215	-	394.170.781.659	3.896.782.758.228	12.324.327.769.102	730.473.480.554	13.054.801.249.656
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.026.460.821.400	1.026.460.821.400	33.546.704.741	1.060.007.526.141
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(334.576.403.000)	(334.576.403.000)	(43.387.750.000)	(377.964.153.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(303.333.141.380)	(303.333.141.380)	(10.695.497.498)	(314.028.638.878)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	237.063.573.610	-	-	(237.063.573.610)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	121.406.931.322	-	121.406.931.322	-	121.406.931.322
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.451.157.842.825	-	515.577.712.981	4.048.270.461.638	12.834.285.977.444	709.936.937.797	13.544.222.915.241
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.069.773.701.196	1.069.773.701.196	184.880.569.686	1.254.654.270.882
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(334.576.403.000)	(334.576.403.000)	(44.958.620.000)	(379.535.023.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) (*)	-	-	-	-	-	(356.871.152.614)	(356.871.152.614)	(14.753.246.979)	(371.624.399.593)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	344.839.276.133	-	-	(344.839.276.133)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	6.068.450.801	-	6.068.450.801	-	6.068.450.801
Chuyển nợ vay thành vốn khác của chủ sở hữu (**)	-	-	-	349.934.690.410	-	-	349.934.690.410	335.806.837.653	685.741.528.063
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.795.997.118.958	349.934.690.410	521.646.163.782	4.081.757.331.087	13.568.615.264.237	1.170.912.478.157	14.739.527.742.394

(*) Chia cổ tức và trích lập các quỹ của Công ty mẹ và các công ty con được thực hiện theo Nghị quyết số 377/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và các nghị quyết của Đại hội Cổ đông các công ty con.

(**) Căn cứ biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng vay ngày 25 tháng 10 năm 2024, CGG Holding B.V., một chủ sở hữu của Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CGGV (“CGGV”) – công ty con của Tổng công ty, đã đồng ý miễn trừ và giải phóng trách nhiệm của CGGV đối với khoản tiền vay chưa thanh toán liên quan đến thỏa thuận vay ngày 9 tháng 1 năm 2012.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 08/NQ-PTSC CGGV ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Thành viên của CGGV đã phê duyệt về việc ghi nhận khoản tiền vay được miễn trừ này là vốn khác của chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của các Chủ sở hữu trong CGGV và vốn điều lệ của CGGV không bị thay đổi.

29 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2024 VND	2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.523.361.857.420	1.523.361.857.420
Quỹ đầu tư phát triển	150.710.607.292	143.981.609.132
Lỗ lũy kế	(503.159.986.555)	(957.406.528.755)
	<u>1.170.912.478.157</u>	<u>709.936.937.797</u>

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	709.936.937.797	730.473.480.554
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 28)	184.880.569.686	33.546.704.741
Cổ tức đã chia (Thuyết minh 28)	(44.958.620.000)	(43.387.750.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	(14.753.246.979)	(10.695.497.498)
Khác	335.806.837.653	-
Số dư cuối năm	<u>1.170.912.478.157</u>	<u>709.936.937.797</u>

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.069.773.701.196	1.026.460.821.400
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(150.814.733.920)	(368.340.201.415)
	<u>918.958.967.276</u>	<u>658.120.619.985</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290	477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.923</u>	<u>1.377</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của Tổng công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2024.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2023 đã được các cổ đông phê chuẩn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2024 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.026.460.821.400	-	1.026.460.821.400
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(271.593.861.012)	(96.746.340.403)	(368.340.201.415)
	<u>754.866.960.388</u>		<u>658.120.619.985</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290		477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.579</u>		<u>1.377</u>

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm tài chính đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên thứ ba**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty đang giữ hộ thép chính để thực hiện dự án như sau:

Loại	Tình trạng	Đơn vị	2024	2023
Thép chính	Sử dụng bình thường	tấn	57.624	48.719

(b) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm các ngoại tệ sau:

	2024	2023
Đồng Đô la Mỹ ("USD")	230.418.163	120.228.052
Đồng Euro ("EUR")	19.604.861	5.135.051
Đồng Bảng Anh ("GBP")	244.688	244.695
Đồng Rub Nga ("RUB")	1.530.167	1.530.827

(c) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu/chi trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 43(a).

(d) Cam kết vốn

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh 43(b).

32 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	135.968.817.177	283.473.678.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.854.980.245.281	8.028.890.546.314
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	13.781.407.280.574	11.066.286.366.556
	<u>23.772.356.343.032</u>	<u>19.378.650.591.719</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	<u>(2.470.199.989)</u>	<u>(5.088.227.958)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	135.968.817.177	283.473.678.849
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	9.852.510.045.292	8.023.802.318.356
Doanh thu thuần từ các hợp đồng xây dựng (*)	13.781.407.280.574	11.066.286.366.556
	<u>23.769.886.143.043</u>	<u>19.373.562.363.761</u>
(*) Trong đó doanh thu lũy kế của các công trình lớn:		
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đã hoàn thành trong năm	6.475.887.194.482	8.942.551.149.655
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đang thực hiện trong năm	<u>57.976.173.694.128</u>	<u>46.549.787.265.784</u>

33 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	127.540.187.696	255.270.891.310
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.956.866.179.214	7.210.866.213.651
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	13.620.376.586.989	10.868.396.929.560
	<u>22.704.782.953.899</u>	<u>18.334.534.034.521</u>

34 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	326.503.571.150	325.848.564.835
Lãi tiền gửi ngân hàng	242.314.451.317	463.869.340.167
Khác	22.193	214.200
	<u>568.818.044.660</u>	<u>789.718.119.202</u>

35 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	153.459.179.049	155.402.363.251
Chi phí lãi vay	64.045.546.620	73.036.083.814
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 4(b))	(29.360.848)	(12.950.479.996)
Chi phí tài chính khác	-	865.953.561
	<u>217.475.364.821</u>	<u>216.353.920.630</u>

36 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	63.041.345.018	55.803.196.305
Chi phí nhân viên	5.710.287.281	5.937.819.412
Khác	26.452.062.692	23.664.242.081
	<u>95.203.694.991</u>	<u>85.405.257.798</u>

37 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	562.839.918.341	481.294.176.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.050.274.301	294.609.556.732
Chi phí khấu hao	40.449.792.718	30.480.478.807
Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	102.947.822.337	(13.822.592.172)
Khác	206.888.747.775	174.296.468.563
	<u>1.235.176.555.472</u>	<u>966.858.088.315</u>

38 LỢI NHUẬN KHÁC

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập khác		
Giảm nợ nhà cung cấp	311.086.121.157	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng (*)	259.062.367.887	116.065.961.428
Thu từ tiền phạt, bồi thường	56.543.268.925	15.648.643.019
Khoản phải thu tiền bồi hoàn Hợp đồng thuê FPSO Lam Sơn	-	1.439.185.914.126
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	4.279.384.821	4.799.930.050
Khác	15.876.904.862	3.055.621.439
	<u>646.848.047.652</u>	<u>1.578.756.070.062</u>
Chi phí khác		
Tiền phạt, bồi thường	(31.645.341.337)	(18.195.452.722)
Khoản phải trả tiền bồi hoàn Hợp đồng thuê FPSO Lam Sơn	-	(1.459.472.946.083)
Khác	(12.242.367.151)	(35.039.293.322)
	<u>(43.887.708.488)</u>	<u>(1.512.707.692.127)</u>
Lợi nhuận khác	<u>602.960.339.164</u>	<u>66.048.377.935</u>

- (*) Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng thể hiện giá trị hoàn nhập số dư của khoản dự phòng bảo hành đã trích lập sau khi Tổng công ty đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bảo hành theo phạm vi, thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng và đã được chủ đầu tư xác nhận.

39 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.553.306.289.379	1.277.307.632.960
Điều chỉnh tăng (*)	2.266.774.933.216	734.825.597.964
Điều chỉnh giảm (**)	(1.153.744.676.819)	(581.438.821.067)
Điều chuyển lỗ	(284.650.718.014)	(256.489.360.916)
Tổng thu nhập tính thuế	2.381.685.827.762	1.174.205.048.941
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế	2.516.397.579.524	1.202.037.264.630
Lỗ tính thuế	(134.711.751.762)	(27.832.215.689)
Thuế TNDN tại thuế suất 20%	503.279.515.906	240.407.452.926
Ưu đãi thuế	(4.025.010.454)	(7.634.736.121)
Thuế TNDN nộp bổ sung năm trước	1.161.572.730	257.568.930
Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	(19.643.589.030)	(14.024.373.062)
Thuế TNDN hiện hành (***)	480.772.489.152	219.005.912.673

(*) Điều chỉnh tăng chủ yếu thể hiện giá trị của cổ tức, lợi nhuận Công ty mẹ được chia từ các công ty liên doanh, giá trị của các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đến từ chi phí phải trả và các khoản dự phòng phải trả.

(**) Điều chỉnh giảm chủ yếu thể hiện giá trị của cổ tức, lợi nhuận Công ty mẹ được chia từ các công ty con.

(***) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

40 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.786.570.315.184	3.527.686.364.011
Chi phí nhân viên	3.863.284.796.251	3.030.809.817.838
Chi phí khấu hao TSCĐ	601.477.056.243	493.006.130.650
Chi phí liên quan các hợp đồng xây dựng	8.646.091.440.443	6.964.242.198.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.423.948.918.799	4.283.454.411.933
Chi phí khác	1.713.790.677.442	1.087.598.457.568
	<u>24.035.163.204.362</u>	<u>19.386.797.380.634</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do PVN sở hữu 51,38% vốn cổ phần của Tổng công ty (Thuyết minh 27).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên cùng Tập đoàn PVN, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty được xem là các bên liên quan của Tổng công ty. Ngoài các công ty liên doanh, liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1 và Thuyết minh 4, trong năm Tổng công ty có các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP PVI	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**Bên liên quan (tiếp theo)****Mối quan hệ (tiếp theo)**

Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí nước ngoài	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
PTSC Ca Rong Do Limited	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01/97 & 02/97	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01 & 02	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2024 VND	2023 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	4.033.601.912.520	28.403.533.980
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	999.801.553.818	404.089.346.148
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01/97 & 02/97	814.969.087.379	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	812.772.549.508	1.167.392.650.758
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	718.572.399.258	575.582.779.765
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	572.854.899.939	608.781.796.657
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	368.345.240.000	293.714.010.055
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	293.778.912.052	313.738.422.478
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	262.576.251.643	1.011.299.918.939
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01 & 02	184.292.226.239	-
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	100.036.566.607	-
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	82.367.958.202	66.275.333.537
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	57.874.249.529	21.024.472.030
Tổng công ty Dầu Việt Nam	40.648.923.402	41.802.277.318
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	30.689.343.694	31.359.123.126
PTSC Ca Rong Do Ltd	-	50.599.999.978
Bên liên quan khác	113.740.537.625	159.617.525.898
	9.486.922.611.415	4.773.681.190.667

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2024	2023
	VND	VND
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PTSC Asia Pacific Private Limited	457.567.688.000	539.159.349.211
PTSC South East Asia Private Limited	376.610.216.750	282.481.914.350
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	323.436.488.873	416.004.742.502
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	310.398.173.526	172.515.401.967
Tổng công ty Dầu Việt Nam	226.304.039.633	163.914.905.177
Công ty CP PVI	125.751.456.238	119.745.384.704
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	48.582.473.905	71.769.485.529
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	41.321.065.933	237.983.445.082
Bên liên quan khác	98.891.145.610	85.243.290.937
	<u>2.008.862.748.468</u>	<u>2.088.817.919.459</u>
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>58.758.619.200</u>	<u>46.375.774.800</u>
Trong đó:		
Ông Phan Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT	4.889.899.000	4.151.577.000
Ông Lê Mạnh Cường - Thành viên HĐQT	4.941.341.000	4.120.638.000
Ông Trần Hồ Bắc - Tổng Giám đốc	4.536.616.000	-
Ông Nguyễn Xuân Ngọc - Thành viên HĐQT	4.071.157.000	3.169.933.000
Ông Trần Ngọc Chương - Thành viên HĐQT	3.827.459.000	2.933.107.000
Ông Đỗ Quốc Hoan - Thành viên HĐQT	3.639.216.000	3.332.537.000
Ông Hoàng Xuân Quốc - Thành viên HĐQT độc lập	630.000.000	-
Ông Đoàn Minh Mẫn - Thành viên HĐQT độc lập	530.000.000	-
Các quản lý khác	<u>31.692.931.200</u>	<u>28.667.982.800</u>
iv) Chia cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>171.905.355.861</u>	<u>171.905.355.861</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2024 VND	2023 VND
v) Giao dịch khác (*)		
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	154.081.151.000	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	89.129.182.453	-
	<u>243.210.333.453</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến chi phí thuê đất từ Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí khi Tổng Công ty có phát sinh nghĩa vụ liên quan đến tiền thuê đất như được trình bày tại Thuyết minh 8 và 45.

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	1.326.966.647.249	35.341.920.000
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	213.243.393.319	133.281.858.350
Tổng công ty Khí Việt Nam	176.713.750.416	246.109.537.585
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01/97 & 02/97	141.579.615.116	-
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	102.047.972.255	208.119.814.551
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	91.147.181.368	87.912.322.840
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	94.153.289.060	80.783.250.733
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	87.608.083.656	161.483.574.380
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	81.804.042.223	5.676.200.150
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	80.520.087.542	139.273.415.504
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	60.797.879.535	7.764.414.519
Ban QLDA Công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	37.203.110.659	37.203.110.659
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01 & 02	36.597.568.918	-
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	24.677.429.478	20.077.945.885
Tổng công ty Dầu Việt Nam	19.845.268.428	4.359.414.370
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	4.807.204.628	59.680.270.655
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	1.395.193.638	28.216.724.162
Bên liên quan khác	48.331.069.752	39.951.455.978
	<u>2.629.438.787.240</u>	<u>1.295.235.230.321</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2024 VND	2023 VND
ii) Trả trước cho người bán (Thuyết minh 6)		
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	89.879.722.719	5.711.870.016
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	25.782.432.185
Bên liên quan khác	1.976.983.995	2.263.805.422
	<u>91.856.706.714</u>	<u>33.758.107.623</u>
iii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	183.642.087.755	1.094.384.801
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	103.121.804.785	464.078.985
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	40.735.524.280	43.407.857.358
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	28.053.017.797	963.200.000
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	26.580.678.527	14.615.893.392
Tổng công ty Dầu Việt Nam	11.144.330.921	229.595.836
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.632.042.898	10.632.042.898
Bên liên quan khác	16.991.645.534	20.439.719.395
	<u>420.901.132.497</u>	<u>91.846.772.665</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PTSC Asia Pacific Private Limited	193.901.428.800	111.433.344.000
PTSC South East Asia Private Limited	95.967.000.900	91.719.078.000
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	66.216.244.891	1.139.905.494
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	47.075.044.733	69.995.801.322
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	29.713.580.656	46.395.971.378
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	26.146.688.352	76.848.549.871
Tổng công ty Dầu Việt Nam	25.691.532.438	19.419.837.506
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	17.991.816.573	20.131.034.593
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	8.711.553.693	14.834.843.567
Bên liên quan khác	36.316.764.215	29.674.920.055
	<u>547.731.655.251</u>	<u>481.593.285.786</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2024 VND	2023 VND
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Tổng công ty Dầu Việt Nam	5.396.352.061	12.460.724.934
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	77.261.034.927
Bên liên quan khác	5.263.111.307	4.375.940.936
	<u>10.659.463.368</u>	<u>94.097.700.797</u>
vi) Người mua trả tiền trước dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	705.122.210.556	781.044.054.435
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	623.927.465.249	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	58.110.652.331
	<u>1.329.049.675.805</u>	<u>839.154.706.766</u>
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 22(a))		
Tổng công ty Khí Việt Nam	69.473.052.000	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	2.692.225.602	2.692.225.602
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn	-	10.205.925.078
Bên liên quan khác	3.130.520.464	1.052.269.583
	<u>76.965.010.300</u>	<u>15.619.632.497</u>
viii) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 22(b))		
Tổng công ty Khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>69.473.052.000</u>

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng công ty hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO, FPSO	Cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô (“FSO”), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (“FPSO”)
Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Dịch vụ căn cứ cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí và năng lượng tái tạo
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho tài sản và nợ phải trả như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024									
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	2.995.368.775.608	4.915.164.025.043	803.738.588.286	4.431.277.545.839	15.737.880.977.375	3.146.867.755.253	2.233.581.595.919	(6.109.012.034.974)	28.154.867.228.349
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									3.103.901.140.554
Tài sản không phân bổ									2.818.039.990.112
Tổng tài sản									34.076.808.359.015
Nợ phải trả bộ phận	1.827.526.377.447	1.542.494.686.886	132.739.554.566	1.923.584.735.230	12.029.931.232.332	1.833.544.996.276	1.314.450.277.981	(3.003.087.090.577)	17.601.184.770.141
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									1.214.611.965.756
Nợ phải trả không phân bổ									521.483.880.724
Tổng nợ phải trả									19.337.280.616.621

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023									
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng môi và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	3.582.354.195.790	4.534.992.642.935	1.007.024.088.425	3.613.281.231.755	9.471.967.466.819	2.248.688.919.352	1.281.956.560.593	(4.728.816.323.195)	21.011.448.782.474
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									3.303.438.456.820
Tài sản không phân bổ									2.101.121.571.093
Tổng tài sản									26.416.008.810.387
Nợ phải trả bộ phận	1.652.638.302.016	1.179.500.155.414	1.771.107.240.670	1.361.428.918.459	6.530.449.145.926	973.656.777.859	518.521.471.693	(2.322.104.385.764)	11.665.197.626.273
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									490.547.865.083
Nợ phải trả không phân bổ									716.040.403.790
Tổng nợ phải trả									12.871.785.895.146

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho doanh thu và giá vốn như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024									
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	2.160.460.228.423	2.369.450.057.711	507.073.211.396	1.550.011.639.922	13.769.948.420.446	2.767.272.106.448	645.670.478.697	-	23.769.886.143.043
Doanh thu thuần cho bên liên quan	435.447.593.219	422.171.064.784	17.760.748.361	606.479.978.574	3.456.555.031.128	248.877.064.506	176.010.997.109	(5.363.302.477.681)	-
	2.595.907.821.642	2.791.621.122.495	524.833.959.757	2.156.491.618.496	17.226.503.451.574	3.016.149.170.954	821.681.475.806	(5.363.302.477.681)	23.769.886.143.043
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.937.102.576.986)	(2.236.762.503.869)	(449.086.269.885)	(1.239.725.114.175)	(13.653.652.359.184)	(2.613.384.277.433)	(575.069.852.367)	-	(22.704.782.953.899)
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(435.447.593.219)	(422.171.064.784)	(17.760.748.361)	(603.233.791.876)	(3.417.450.337.151)	(248.877.064.506)	(101.826.669.343)	5.246.767.269.240	-
	(2.372.550.170.205)	(2.658.933.568.653)	(466.847.018.246)	(1.842.958.906.051)	(17.071.102.696.335)	(2.862.261.341.939)	(676.896.521.710)	5.246.767.269.240	(22.704.782.953.899)
Lợi nhuận bộ phận gộp	223.357.651.437	132.687.553.842	57.986.941.511	310.286.525.747	116.296.061.262	153.887.829.015	70.600.626.330	-	1.065.103.189.144
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(1.330.380.250.463)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									351.342.679.839
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									864.280.331.695
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									950.345.950.215
Lãi thuần từ hoạt động khác									602.960.339.164
Lợi nhuận trước thuế									1.553.306.289.379
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(480.772.489.152)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									182.120.470.655
Lợi nhuận sau thuế									1.254.654.270.882

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	1.607.098.023.446	2.207.232.210.925	405.223.890.154	1.412.057.051.633	11.172.484.215.516	1.912.867.636.855	656.599.335.232	-	19.373.562.363.761
Doanh thu thuần cho bên liên quan	385.121.064.069	411.057.362.656	52.592.137.208	271.343.148.469	379.617.704.833	84.555.849.452	224.277.542.366	(1.808.564.809.053)	-
	<u>1.992.219.087.515</u>	<u>2.618.289.573.581</u>	<u>457.816.027.362</u>	<u>1.683.400.200.102</u>	<u>11.552.101.920.349</u>	<u>1.997.423.486.307</u>	<u>880.876.877.598</u>	<u>(1.808.564.809.053)</u>	<u>19.373.562.363.761</u>
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.393.847.467.382)	(2.035.501.940.875)	(359.720.674.345)	(1.147.791.058.056)	(10.997.408.349.019)	(1.842.481.316.758)	(557.783.228.086)	-	(18.334.534.034.521)
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(385.121.064.069)	(411.057.362.656)	(45.927.747.013)	(277.884.513.996)	(402.684.050.343)	(84.555.849.452)	(150.584.454.933)	1.757.815.042.462	-
	<u>(1.778.968.531.451)</u>	<u>(2.446.559.303.531)</u>	<u>(405.648.421.358)</u>	<u>(1.425.675.572.052)</u>	<u>(11.400.092.399.362)</u>	<u>(1.927.037.166.210)</u>	<u>(708.367.683.019)</u>	<u>1.757.815.042.462</u>	<u>(18.334.534.034.521)</u>
Lợi nhuận bộ phận gộp	<u>213.250.556.064</u>	<u>171.730.270.050</u>	<u>45.503.215.809</u>	<u>264.265.993.577</u>	<u>175.075.866.497</u>	<u>70.386.320.097</u>	<u>98.816.107.146</u>	-	<u>1.039.028.329.240</u>
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(1.052.263.346.113)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									573.364.198.572
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									651.130.073.326
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									1.211.259.255.025
Lãi thuần từ hoạt động khác									66.048.377.935
Lợi nhuận trước thuế									1.277.307.632.960
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(219.005.912.673)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									1.705.805.854
Lợi nhuận sau thuế									<u>1.060.007.526.141</u>

43 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	146.755.069.959	150.492.281.586
Xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi	-	11.756.073.468

44 CÁC CAM KẾT**(a) Cam kết thuê hoạt động****(i) Tổng công ty là bên đi thuê**

Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	1.195.591.343.721	1.093.233.229.955
Từ 1 đến 5 năm	2.256.416.820.985	1.879.793.889.169
Trên 5 năm	1.311.419.762.517	1.654.218.976.762
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.763.427.927.223	4.627.246.095.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu dịch vụ, kho nổi, thuê văn phòng, thuê bãi và thuê đất trong đó:

- Các hợp đồng thuê kho nổi và tàu dịch vụ được ký với thời hạn 5 năm;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Dung Quất có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2004;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2007;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Sơn Trà có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2008;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Hòn La có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2014;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 20 năm tính từ năm 2015;
- Hợp đồng thuê bãi tại Cảng Sao Mai Bến Đình có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2016;
- Hợp đồng thuê bãi tại Cảng Vũng Tàu có thời hạn thuê lần lượt là 5 năm, 10 năm và 15 năm tính từ năm 2019; và
- Hợp đồng thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 1 năm tính từ năm 2023.

44 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**(a) Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)****(ii) Tổng công ty là bên cho thuê**

Tổng công ty có các khoản cam kết phải thu tối thiểu đối với các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	1.615.671.195.948	678.860.388.289
Từ 1 đến 5 năm	2.531.547.452.147	3.098.086.577.716
Trên 5 năm	525.869.032.220	951.179.164.883
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	4.673.087.680.315	4.728.126.130.888

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty có các khoản cam kết cho thuê được ký kết trong các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang về tàu dịch vụ với thời hạn là 15 năm, hợp đồng thuê kho nổi với thời hạn 5 năm và hợp đồng cho thuê bãi tại Cảng Sao Mai Bến Đình với thời hạn lần lượt là 48 và 49 năm.

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dự án Bến số 3, khu bến cảng Dung Quất, Quảng Ngãi	152.054.925.191	1.362.083.120
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	41.383.844.648	11.881.268.257
Hệ thống Thiết bị tự động phục vụ thi công tiền chế tạo	6.125.852.250	-
Phần mềm	455.500.000	-
Giá trị các hợp đồng mua sắm nhưng chưa thực hiện	-	35.164.673.843
Hệ thống thiết bị phục vụ dự án CHW2204	-	20.191.844.270
Công trình nhà xưởng tạm phục vụ dự án năng lượng tái tạo	-	13.805.255.049
Công trình Nhà xưởng số 2 tại POS	-	1.864.668.207
	200.020.122.089	84.269.792.746

45 NỢ TIỀN TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("SMBD"), một công ty con của Tổng công ty đang làm việc với các cơ quan nhà nước về vấn đề tiền thuê đất cho dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình ("Dự án cảng Sao Mai Bến Đình"), cụ thể như sau:

i) Đối với tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 11 tháng 2 năm 2015 ("Giai đoạn 1"), được dự tính là 157.448.938.746 Đồng:

- SMBD đang làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan thuế để xem xét, xác minh, tính toán phần diện tích đất sử dụng thực tế tại dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình đúng với diện tích thực tế SMBD được giao và sử dụng.

ii) Đối với tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 2 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("Giai đoạn 2"), được dự tính là 519.195.068.998 Đồng:

- SMBD đang trong quá trình tiếp tục giải trình và cung cấp hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất cho Dự án cảng Sao Mai Bến Đình để được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ("Nghị định 118") ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 và được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ("Nghị định 31") ngày 26 tháng 3 năm 2021. Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ("Nghị định 46") ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 103/2024/NĐ-CP ("Nghị định 103") ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2024, các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 2 năm 2015 đến ngày 11 tháng 2 năm 2018).
- Ngày 13 tháng 2 năm 2018, SMBD đã nộp hồ sơ đến Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo đề nghị được miễn tiền thuê đất. Ngày 23 tháng 4 năm 2021, sau khi xem xét hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo có ý kiến cho rằng theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8678432804 chứng nhận hay đổi lần thứ 1 ngày 27 tháng 10 năm 2016 của SMBD thì mục tiêu, quy mô dự án không có cảng biển, đồng thời Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo cũng có đề nghị SMBD lập hồ sơ đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã điều chỉnh bổ sung của phần mục tiêu, quy mô về đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng biển.
- Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Tổng Cục thuế, Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có ý kiến đề nghị SMBD liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn về việc miễn tiền thuê đất theo quy định.

Ngày 24 tháng 1 năm 2025, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến đến Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, UBND Thành phố Vũng Tàu, Văn phòng Đăng ký Đất đai để rà soát lại thông tin làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND Tỉnh xem xét giải quyết kiến nghị của SMBD.



45 NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Dựa trên diện tích đất thực tế sử dụng tự xác định cho Giai đoạn 1 và một phần thời gian sử dụng cho Giai đoạn 2 Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cho nghĩa vụ liên quan đến tiền thuê đất. Đối với nghĩa vụ còn lại bao gồm:

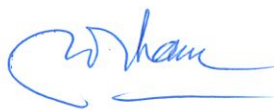
- (a) Tiền thuê đất liên quan đến diện tích đất sử dụng trong Giai đoạn 1 do Tổng công ty tự xác định khác biệt với cơ quan thuế chỉ có thể được xác định sau khi phần chênh lệch trong diện tích đất sử dụng của Giai đoạn 1 được thống nhất với các cơ quan chức năng.
- (b) Tiền thuê đất liên quan đến thời gian sử dụng trong Giai đoạn 2 còn lại chỉ có thể được xác định khi dự án Cảng Sao Mai Bến Đình đang triển khai có được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi và có quyết định tiếp tục được miễn tiền thuê đất hay không bởi các cơ quan chức năng.

Vào ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền 251.599.939.594 Đồng, như được trình bày tại Thuyết minh 24. Ngoài khoản dự phòng đã trích lập này, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản tiền thuê đất còn lại vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như trình bày tại mục (a) và (b) nêu trên.

46 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo “Bản sửa đổi các quy định liên quan đến phí trong Bộ quy tắc” (“Revisions to the Fee-related Provisions of the Code”) do Ủy ban Chuẩn mực Đạo đức Quốc tế cho Kế toán viên (“IESBA”) ban hành vào tháng 4 năm 2021, phí kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính và các dịch vụ phi kiểm toán của công ty kiểm toán cho Tổng công ty và các công ty con đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.269.000.000 Đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2025.



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám đốc